

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



ĐỒ ÁN
TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

**XÂY DỰNG WEBSITE BÁN HÀNG
THỜI TRANG**

Sinh viên thực hiện: **Đồng Văn Tuấn**

Mã sinh viên: **1553164**

Lớp quản lý: **64PM2**

Giảng viên hướng dẫn: **ThS. Đào Thị Ngọc Hân**

HÀ NỘI 01/2024

PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

1. Thông tin về sinh viên: ĐỒNG VĂN TUẤN

Điện thoại liên lạc: 0369280523 Email: vantuan100301@gmail.com

Lớp quản lý: 64PM2 Hệ đào tạo: Kỹ sư Năm tốt nghiệp: 2024

Đồ án tốt nghiệp được thực hiện tại: Trường Đại học xây dựng Hà Nội

Thời gian làm ĐATN: Từ ngày 18/09/2023 đến 31/12/2023

2. Mục đích nội dung của ĐATN

- Giúp khách hàng dễ dàng tìm kiếm các sản phẩm thời trang theo xu hướng, phong cách, giá cả,...
- Cung cấp đầy đủ thông tin về sản phẩm, bao gồm hình ảnh, mô tả, đánh giá,...
- Hỗ trợ khách hàng đặt hàng, thanh toán và giao hàng thuận tiện.
- Tạo trải nghiệm mua sắm thú vị và an toàn cho khách hàng.

Các chức năng chính của người dùng

- Đăng nhập, đăng ký, đăng xuất, quên mật khẩu.
- Tìm kiếm sản phẩm, xem thông tin, lọc sản phẩm.
- Đặt hàng, thanh toán COD, online.
- Bình luận, đánh giá sản phẩm.
- Chat với chatbot để biết thêm thông tin.

Các chức năng chính của người quản lý

- Quản lý tài khoản người dùng.
- Quản lý sản phẩm, size, danh mục.
- Quản lý tin tức.
- Quản lý đơn hàng.
- Thông kê.

3. Các nhiệm vụ cụ thể của ĐATN

- Tìm hiểu xu hướng, nhu cầu của người dùng hiện nay trong thời đại số.
- Xây dựng website thân thiện, dễ sử dụng.
- Mở rộng khả năng phân tích, giải quyết vấn đề.

4. Lời cam đoan của sinh viên:

Tôi – **Đồng Văn Tuấn** - cam kết đồ án tốt nghiệp này là công trình nghiên cứu của bản thân tôi dưới sự hướng dẫn của **Ths. Đào Thị Ngọc Hân**.

Các kết quả nêu trong đồ án tốt nghiệp là trung thực, không phải là sao chép toàn văn của bất kỳ công trình nào khác.

Hà Nội, ngày tháng năm 20
Sinh viên thực hiện ĐATN

Đồng Văn Tuấn

5. Xác nhận của giảng viên hướng dẫn về mức độ hoàn thành ĐATN và cho phép bảo vệ:

Hà Nội, ngày tháng năm 20
Giảng viên hướng dẫn

Ths. Đào Thị Ngọc Hân

TÓM TẮT NỘI DUNG ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

1. Nội dung đồ án

1.1. Tìm hiểu bài toán, xây dựng web bán thời trang

- Tìm hiểu xu hướng, nhu cầu của người dùng hiện nay trong việc mua sắm thời trang trực tuyến.
- Tìm hiểu, tham khảo các web bán thời trang đã có hiện nay (ưu, nhược điểm của các web hiện nay).
- Tìm hiểu công nghệ áp dụng vào xây dựng web.

1.2. Phân tích, thiết kế toàn bộ hệ thống web bán thời trang

- Khảo sát, phân tích và xây dựng tài liệu cho toàn bộ hệ thống.

2. Nội dung các phần trình bày trong báo cáo

2.1. Phần 1: Đặt vấn đề và định hướng giải pháp.

- Chương 1: Giới thiệu bài toán.
- Chương 2: Mục tiêu đề tài.
- Chương 3: Các vấn đề cần giải quyết.
- Chương 4: Cơ sở lý thuyết và công cụ sử dụng

2.2. Phần 2: Các kết quả đạt được.

- Chương 5: Phân tích bài toán.
- Chương 6: Phân tích, thiết kế hệ thống.
- Chương 7: Kết quả đạt được.

2.3. Phần 3: Kết luận và hướng phát triển.

- Những vấn đề gặp phải.
- Định hướng phát triển.
- Kết luận.

Từ khóa: web thời trang, tin thời trang, thời trang nam, thời trang nữ, đồ cho trẻ...

ABSTRACT OF THESIS

1. Thesis content

1.1. Research on the problem, build a fashion website

- Research on the trends and needs of users today in online fashion shopping.
- Research and refer to the existing fashion websites (advantages and disadvantages of the current websites).
- Research on the technology applied to web development.

1.2. Analyze and design the entire fashion website system

- Survey, analyze and build documentation for the entire system.

2. Contents of the presentation in the report

2.1. Part 1: Problem setting and solution orientation.

- Chapter 1: Introduction to the problem.
- Chapter 2: Objectives of the topic.
- Chapter 3: Problems to be solved.

2.2. Part 2: Results achieved.

- Chapter 4: System analysis and design.
- Chapter 5: Results achieved.

2.3. Part 3: Conclusion and development direction.

- Problems encountered.
- Development orientation.
- Conclusion.

Keywords: fashion website, fashion news, men's fashion, women's fashion, kid's fashion...

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	1
PHẦN 1. ĐẶT VẤN ĐỀ VÀ ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP	2
CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU BÀI TOÁN	2
CHƯƠNG 2. MỤC TIÊU ĐỀ TÀI.....	3
2.1. Mục tiêu đề tài	3
2.2. Triển khai mục tiêu đề tài	4
2.3. Khả năng thực hiện	4
2.4. Đóng góp	4
CHƯƠNG 3. CÁC VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT	5
CHƯƠNG 4. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ CÔNG CỤ SỬ DỤNG	7
4.1. Mô tả chức năng của hệ thống	7
4.2. Cơ sở lý thuyết.....	8
4.2.1. Ngôn ngữ lập trình C#.....	8
4.2.2. Nền tảng phát triển ASP.NET.....	9
4.2.3. Ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản (HTML).....	10
4.2.4. Ngôn ngữ định kiểu (CSS)	11
4.2.5. Ngôn ngữ lập trình JavaScript	12
4.2.6. Thư viện Bootstrap và jQuery	12
4.2.7. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu MS SQL Server	14
4.3. Các công nghệ sử dụng.....	15
PHẦN 2. CÁC KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC	16
CHƯƠNG 5. PHÂN TÍCH BÀI TOÁN.....	16
5.1. Phân tích yêu cầu đề tài	16
5.1.1. Tóm tắt hoạt động của hệ thống mà dự án sẽ được ứng dụng	16
5.1.2. Phạm vi dự án được ứng dụng.....	16
5.1.3. Đối tượng sử dụng	17
5.2. Xác định yêu cầu của khách hàng	17
5.2.1. Hệ thống hiện tại của cửa hàng.....	17
5.2.2. Hệ thống đề nghị.....	17

5.3. Yêu cầu giao diện website	19
5.3.1. Giao diện người dùng.....	19
5.3.2. Giao diện quản trị.....	19
CHƯƠNG 6. PHÂN TÍCH THIẾT KẾ HỆ THỐNG	20
6.1. Biểu đồ Usecase.....	20
6.1.1. Usecase <i>Tổng quát</i>	20
6.1.2. Usecase <i>Đăng nhập</i>	21
6.1.3. Usecase <i>Đăng ký</i>	23
6.1.4. Usecase <i>Đăng xuất</i>	24
6.1.5. Usecase <i>Thêm sản phẩm vào giỏ hàng</i>	25
6.1.6. Usecase <i>Quản lý giỏ hàng</i>	27
6.1.7. Usecase <i>Đặt hàng</i>	29
6.1.8. Usecase <i>Quản lý sản phẩm</i>	30
6.1.9. Usecase <i>Quản lý danh mục sản phẩm/tin tức</i>	32
6.1.10. Usecase <i>Quản lý size</i>	33
6.1.11. Usecase <i>Quản lý đơn hàng</i>	35
6.1.12. Usecase <i>Quản lý tin tức</i>	36
6.1.13. Usecase <i>Thống kê</i>	38
6.1.14. Usecase <i>Đánh giá</i>	39
6.2. Biểu đồ Activity.....	41
6.2.1. Activity <i>Đăng nhập</i>	41
6.2.2. Activity <i>Đăng ký</i>	42
6.2.3. Activity <i>Đăng xuất</i>	43
6.2.4. Activity <i>Tìm kiếm sản phẩm</i>	44
6.2.5. Activity <i>Thêm sản phẩm vào giỏ hàng</i>	45
6.2.6. Activity <i>Cập nhật sản phẩm trong giỏ hàng</i>	46
6.2.7. Activity <i>Xóa sản phẩm khỏi giỏ hàng</i>	47
6.2.8. Activity <i>Đặt hàng</i>	48
6.2.9. Activity <i>Thêm mới sản phẩm</i>	49
6.2.10. Activity <i>Cập nhật sản phẩm</i>	50

6.2.11.	<i>Activity Xóa sản phẩm</i>	51
6.2.12.	<i>Activity Thêm mới danh mục</i>	52
6.2.13.	<i>Activity Cập nhật danh mục</i>	53
6.2.14.	<i>Activity Xóa danh mục</i>	54
6.2.15.	<i>Activity Thêm mới size</i>	55
6.2.16.	<i>Activity Cập nhật size</i>	56
6.2.17.	<i>Activity Xóa size</i>	57
6.2.18.	<i>Activity Thêm mới tin tức</i>	58
6.2.19.	<i>Activity Cập nhật tin tức</i>	59
6.2.20.	<i>Activity Xóa tin tức</i>	60
6.2.21.	<i>Activity Đánh giá</i>	61
6.2.22.	<i>Activity Thông kê</i>	62
6.2.23.	<i>Activity Quản lý đơn hàng</i>	63
6.2.24.	<i>Activity Thêm mới slide</i>	64
6.2.25.	<i>Activity Cập nhật slide</i>	65
6.2.26.	<i>Activity Xóa slide</i>	66
6.3.	<i>Biểu đồ Sequence</i>	67
6.3.1.	<i>Sequence Đăng nhập</i>	67
6.3.2.	<i>Sequence Quên mật khẩu</i>	68
6.3.3.	<i>Sequence Đăng ký</i>	68
6.3.4.	<i>Sequence Đăng xuất</i>	69
6.3.5.	<i>Sequence Tìm kiếm sản phẩm</i>	69
6.3.6.	<i>Sequence Thêm sản phẩm vào giỏ hàng</i>	70
6.3.7.	<i>Sequence Cập nhật sản phẩm trong giỏ hàng</i>	71
6.3.8.	<i>Sequence Xóa sản phẩm trong giỏ hàng</i>	72
6.3.9.	<i>Sequence Đặt hàng</i>	73
6.3.10.	<i>Sequence Thêm mới sản phẩm</i>	74
6.3.11.	<i>Sequence Cập nhật sản phẩm</i>	75
6.3.12.	<i>Sequence Xóa sản phẩm</i>	76
6.3.13.	<i>Sequence Thêm mới danh mục</i>	77

6.3.14. Sequence Cập nhật danh mục.....	78
6.3.15. Sequence Xóa danh mục	79
6.3.16. Sequence Thêm mới size	80
6.3.17. Sequence Cập nhật size	81
6.3.18. Sequence Xóa size.....	82
6.3.19. Sequence Thêm mới tin tức.....	83
6.3.20. Sequence Cập nhật tin tức	84
6.3.21. Sequence Xóa tin tức	85
6.3.22. Sequence Thêm mới slide.....	86
6.3.23. Sequence Cập nhật slide.....	87
6.3.24. Sequence Xóa slide	88
6.3.25. Sequence Đánh giá	89
6.3.26. Sequence Thống kê	90
6.3.27. Sequence Quản lý đơn hàng	91
6.4. Biểu đồ Class	92
CHƯƠNG 7. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC.....	93
7.1. Giao diện trang chủ.....	93
7.2. Giao diện đăng nhập	94
7.3. Giao diện đăng ký	94
7.4. Giao diện trang sản phẩm	95
7.5. Giao diện trang chi tiết sản phẩm	96
7.6. Giao diện trang giỏ hàng	97
7.7. Giao diện trang đặt hàng.....	97
7.8. Giao diện tin tức	98
7.9. Giao diện liên hệ	98
7.10. Giao diện trang quản trị	99
7.11. Giao diện trang sản phẩm	99
7.12. Giao diện trang quản lý đơn hàng.....	100
7.13. Giao diện trang thống kê	100
PHẦN 3. KẾT LUẬN VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN	101

CHƯƠNG 8. NHỮNG VẤN ĐỀ GẶP PHẢI.....	101
8.1. Về thiết kế.....	101
8.2. Về lập trình	101
8.3. Về thời trang	101
CHƯƠNG 9. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	102
CHƯƠNG 10. KẾT LUẬN	103
TÀI LIỆU THAM KHẢO	104

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. Đặc tả Usecase đăng nhập.....	22
Bảng 2. Đặc tả usecase đăng ký	24
Bảng 3. Đặc tả usecase đăng xuất	25
Bảng 4. Đặc tả usecase thêm sản phẩm vào giỏ hàng	26
Bảng 5. Đặc tả usecase quản lý giỏ hàng	28
Bảng 6. Đặc tả usecase đặt hàng	30
Bảng 7. Đặc tả usecase quản lý sản phẩm	31
Bảng 8. Đặc tả usecase quản lý danh mục sản phẩm/tin tức	33
Bảng 9. Đặc tả usecase quản lý size	34
Bảng 10. Đặc tả usecase quản lý đơn hàng	36
Bảng 11. Đặc tả usecase quản lý tin tức	37
Bảng 12. Đặc tả usecase thống kê	39
Bảng 13. Đặc tả usecase đánh giá	40

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1. Usecase Tổng quát.....	20
Hình 2. Usecase Đăng nhập.....	21
Hình 3. Usecase Đăng ký	23
Hình 4. Usecase Đăng xuất	24
Hình 5. Usecase Thêm sản phẩm vào giỏ hàng.....	25
Hình 6. Usecase Quản lý giỏ hàng	27
Hình 7. Usecase Đặt hàng.....	29
Hình 8. Usecase Quản lý sản phẩm	30
Hình 9. Usecase Quản lý danh mục sản phẩm/tin tức	32
Hình 10. Usecase Quản lý size	33
Hình 11. Usecase Quản lý đơn hàng	35
Hình 12. Usecase Quản lý tin tức	36
Hình 13. Usecase Thông kê	38
Hình 14. Usecase Đánh giá.....	39
Hình 15. Activity Đăng nhập.....	41
Hình 16. Activity đăng ký	42
Hình 17. Activity Đăng xuất	43
Hình 18. Activity Tìm kiếm sản phẩm	44
Hình 19. Activity Thêm sản phẩm vào giỏ hàng.....	45
Hình 20. Activity Cập nhật sản phẩm trong giỏ hàng	46
Hình 21. Activity Xóa sản phẩm khỏi giỏ hàng	47
Hình 22. Activity Đặt hàng	48
Hình 23. Activity Thêm mới sản phẩm	49
Hình 24. Activity Cập nhật sản phẩm	50
Hình 25. Activity Xóa sản phẩm	51
Hình 26. Activity Thêm mới danh mục	52
Hình 27. Activity Cập nhật danh mục	53
Hình 28. Activity Xóa danh mục.....	54
Hình 29. Activity Thêm mới size	55
Hình 30. Activity Cập nhật size	56

Hình 31. Activity Xóa size	57
Hình 32. Activity Thêm mới tin tức	58
Hình 33. Activity Cập nhật tin tức	59
Hình 34. Activity Xóa tin tức	60
Hình 35. Activity Đánh giá.....	61
Hình 36. Activity Thông kê	62
Hình 37. Activity Quản lý đơn hàng	63
Hình 38. Activity Thêm mới slide.....	64
Hình 39. Activity Cập nhật slide	65
Hình 40. Activity Xóa slide	66
Hình 41. Sequence Đăng nhập	67
Hình 42. Sequence Quên mật khẩu	68
Hình 43. Sequence Đăng ký	68
Hình 44. Sequence Đăng xuất	69
Hình 45. Sequence Tìm kiếm sản phẩm	69
Hình 46. Sequence Thêm sản phẩm vào giỏ hàng.....	70
Hình 47. Sequence Cập nhật sản phẩm trong giỏ hàng.....	71
Hình 48. Sequence Xóa sản phẩm trong giỏ hàng.....	72
Hình 49. Sequence Đặt hàng	73
Hình 50. Sequence Thêm mới sản phẩm.....	74
Hình 51. Sequence Cập nhật sản phẩm	75
Hình 52. Sequence Xóa sản phẩm.....	76
Hình 53. Sequence Thêm mới danh mục	77
Hình 54. Sequence Cập nhật danh mục	78
Hình 55. Sequence Xóa danh mục	79
Hình 56. Sequence Thêm mới size	80
Hình 57. Sequence Cập nhật size	81
Hình 58. Sequence Xóa size	82
Hình 59. Sequence Thêm mới tin tức	83
Hình 60. Sequence Cập nhật tin tức	84
Hình 61. Sequence Xóa tin tức	85

Hình 62. Sequence Thêm mới slide.....	86
Hình 63. Sequence Cập nhật slide	87
Hình 64. Sequence Xóa slide.....	88
Hình 65. Sequence Đánh giá	89
Hình 66. Sequence Thông kê.....	90
Hình 67. Sequence Quản lý đơn hàng	91
Hình 68. Biểu đồ class	92
Hình 69. Giao diện trang chủ	93
Hình 70. Giao diện đăng nhập	94
Hình 71. Giao diện đăng ký	94
Hình 72. Giao diện trang sản phẩm	95
Hình 73. Giao diện trang chi tiết sản phẩm	96
Hình 74. Giao diện trang giỏ hàng	97
Hình 75. Giao diện trang đặt hàng.....	97
Hình 76. Giao diện tin tức	98
Hình 77. Giao diện liên hệ.....	98
Hình 78. Giao diện trang quản trị	99
Hình 79. Giao diện trang sản phẩm	99
Hình 80. Giao diện trang quản lý đơn hàng	100
Hình 81. Giao diện trang thống kê	100

LỜI CẢM ƠN

Trước hết, em xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến quý thầy cô trong Khoa Công nghệ thông tin - Trường Đại học Xây dựng Hà Nội đã tận tình giảng dạy, truyền đạt kiến thức cho em trong suốt thời gian 4,5 năm học tập tại trường. Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến ThS. Đào Thị Ngọc Hân, người đã trực tiếp hướng dẫn em trong suốt quá trình thực hiện đồ án tốt nghiệp với đề tài “Xây dựng website bán hàng thời trang”.

Sự tận tâm, nhiệt huyết của quý thầy cô đã giúp em có được những kiến thức nền tảng vững chắc, từ đó có thể tự tin thực hiện tốt đồ án tốt nghiệp của mình. Em cũng xin cảm ơn ban lãnh đạo nhà trường, các khoa phòng ban chức năng đã tạo điều kiện thuận lợi cho em trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Với điều kiện thời gian cũng như kinh nghiệm còn hạn chế của một sinh viên, đề tài đồ án này không thể tránh khỏi những sai sót. Em rất mong nhận được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến giúp em có điều kiện để có thể bổ sung, mở rộng và tối ưu đề tài này tốt hơn. Đồng thời, giúp em trang bị thêm kiến thức thực tiễn để sau này có thể áp dụng vào công việc thực tế sau này.

Em cũng xin bày tỏ sự biết ơn sâu sắc đến gia đình, bạn bè đã luôn động viên, ủng hộ em trong suốt thời gian qua.

Em xin chân thành cảm ơn!

PHẦN 1. ĐẶT VẤN ĐỀ VÀ ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP

CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU BÀI TOÁN

Trong những năm gần đây, nhu cầu mua sắm thời trang trực tuyến ngày càng tăng cao. Điều này là do sự phát triển của công nghệ, sự tiện lợi của việc mua sắm trực tuyến và sự đa dạng của các sản phẩm thời trang trên thị trường.

Xu hướng này cũng đã tác động đến nhu cầu mua sắm thời trang của người dùng. Thay vì đến các cửa hàng trực tiếp, nhiều người lựa chọn mua sắm thời trang trực tuyến thông qua các website bán thời trang.

Hiện nay, có rất nhiều website bán thời trang được phát triển. Tuy nhiên, đa phần các website bán thời trang đều gặp phải một số hạn chế như:

- Tính đa dạng của sản phẩm: Một số website bán thời trang chỉ tập trung vào một số mặt hàng thời trang nhất định, chưa đáp ứng được nhu cầu đa dạng của người dùng.
- Chất lượng sản phẩm: Một số website bán thời trang chưa đảm bảo về chất lượng sản phẩm, khiến người dùng lo ngại về độ uy tín của website.
- Giá cả sản phẩm: Một số website bán thời trang có giá cả sản phẩm cao hơn so với thị trường, khiến người dùng cảm thấy không hài lòng.
- Giao diện người dùng: Một số website bán thời trang có giao diện người dùng chưa thân thiện, khiến người dùng khó sử dụng.

Để giải quyết các hạn chế trên, cần xây dựng một website bán thời trang đáp ứng được các yêu cầu sau:

- Tính đa dạng của sản phẩm: Website cần cung cấp đầy đủ các mặt hàng thời trang, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người dùng.
- Chất lượng sản phẩm: Website đảm bảo về chất lượng sản phẩm, cung cấp thông tin đầy đủ về sản phẩm.
- Giá cả sản phẩm: Website cung cấp giá cả sản phẩm cạnh tranh, phù hợp với túi tiền của người dùng.
- Giao diện người dùng: Website có giao diện người dùng thân thiện, dễ sử dụng.

Đề tài đồ án này sẽ xây dựng một website bán thời trang đáp ứng được các yêu cầu trên.

CHƯƠNG 2. MỤC TIÊU ĐỀ TÀI

2.1. Mục tiêu đề tài

Mục tiêu của đề tài là xây dựng một website bán quần áo nam, nữ và trẻ em sử dụng .NET Framework MVC, đáp ứng được các yêu cầu sau:

- Đa dạng về sản phẩm: Website cung cấp đầy đủ các mặt hàng quần áo nam, nữ và trẻ em, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người dùng.

Để đạt được mục tiêu này, website cần cung cấp đầy đủ các mặt hàng quần áo, bao gồm áo, quần, váy, đầm, áo khoác, giày dép, phụ kiện,... cho cả nam, nữ và trẻ em. Ngoài ra, website cũng cần cung cấp các sản phẩm quần áo theo xu hướng mới nhất, phù hợp với nhu cầu của người dùng.

- Chất lượng sản phẩm: Website đảm bảo về chất lượng sản phẩm, cung cấp thông tin đầy đủ về sản phẩm.

Để đảm bảo chất lượng sản phẩm, website cần hợp tác với các nhà cung cấp uy tín, có thương hiệu. Website cũng cần cung cấp thông tin đầy đủ về sản phẩm, bao gồm hình ảnh, thông số kỹ thuật, giá cả,... để người dùng có thể lựa chọn được sản phẩm phù hợp.

- Giá cả sản phẩm: Website cung cấp giá cả sản phẩm cạnh tranh, phù hợp với túi tiền của người dùng.

Để cung cấp giá cả sản phẩm cạnh tranh, website cần đàm phán với các nhà cung cấp để có được mức giá tốt nhất. Website cũng cần thường xuyên tổ chức các chương trình khuyến mãi, giảm giá để thu hút người dùng.

- Giao diện người dùng: Website có giao diện người dùng thân thiện, dễ sử dụng.

Để có giao diện người dùng thân thiện, dễ sử dụng, website cần được thiết kế khoa học, bố cục hợp lý. Website cũng cần sử dụng các màu sắc, font chữ phù hợp với đối tượng người dùng.

2.2. Triển khai mục tiêu đề tài

Để triển khai mục tiêu đề tài, cần thực hiện các công việc sau:

- Nghiên cứu thị trường: Nghiên cứu thị trường để xác định nhu cầu của người dùng, xu hướng phát triển của thị trường quần áo.
- Lựa chọn công nghệ: Lựa chọn công nghệ phù hợp để xây dựng website, bao gồm ngôn ngữ lập trình, hệ quản trị cơ sở dữ liệu, framework,...
- Thiết kế giao diện người dùng: Thiết kế giao diện người dùng khoa học, bố cục hợp lý, sử dụng màu sắc, font chữ phù hợp với đối tượng người dùng.
- Phát triển chức năng: Phát triển các chức năng cần thiết cho website, bao gồm chức năng tìm kiếm sản phẩm, chức năng xem sản phẩm, chức năng đặt hàng,...
- Tích hợp thanh toán: Tích hợp các phương thức thanh toán phổ biến để người dùng có thể thanh toán dễ dàng.
- Phân phối website: Phân phối website lên internet để người dùng có thể truy cập.

2.3. Khả năng thực hiện

Để thực hiện đề tài, cần có kiến thức và kỹ năng về lập trình web, bao gồm các ngôn ngữ lập trình như HTML, CSS, JavaScript,... và các công nghệ như .NET Framework MVC, SQL Server,... Ngoài ra, cần có thời gian và nguồn lực để thực hiện đề tài.

2.4. Đóng góp

- Đề tài có thể đóng góp cho người dùng, doanh nghiệp và xã hội như sau:
- Đối với người dùng: Đề tài cung cấp một website bán quần áo nam, nữ và trẻ em uy tín, chất lượng, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người dùng.
- Đối với doanh nghiệp: Đề tài giúp doanh nghiệp tiếp cận được nhiều khách hàng hơn, tăng doanh thu và lợi nhuận.
- Đối với xã hội: Đề tài góp phần thúc đẩy phát triển thương mại điện tử, tạo thêm việc làm và tăng thu nhập cho người dân.

CHƯƠNG 3. CÁC VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

Để đạt được các mục tiêu đề ra, cần giải quyết các vấn đề sau:

Tìm hiểu nhu cầu của người dùng: Để xây dựng website đáp ứng được nhu cầu của người dùng, cần nghiên cứu nhu cầu của người dùng về sản phẩm thời trang, bao gồm các yếu tố sau:

- Nhu cầu về chủng loại sản phẩm: Người dùng có nhu cầu về các mặt hàng quần áo nào?
- Nhu cầu về chất lượng sản phẩm: Người dùng có nhu cầu về sản phẩm thời trang chất lượng như thế nào?
- Nhu cầu về giá cả sản phẩm: Người dùng có nhu cầu về sản phẩm thời trang có giá cả như thế nào?
- Nhu cầu về giao diện người dùng: Người dùng có nhu cầu về giao diện người dùng như thế nào?

Nghiên cứu nhu cầu của người dùng có thể được thực hiện thông qua các phương pháp sau:

- Phỏng vấn trực tiếp người dùng
- Khảo sát trực tuyến
- Phân tích dữ liệu từ các trang web thương mại điện tử

Lựa chọn công nghệ phù hợp:

Để xây dựng website đáp ứng được các yêu cầu về tính đa dạng, chất lượng, giá cả và giao diện người dùng, cần lựa chọn công nghệ phù hợp. Các công nghệ cần được lựa chọn bao gồm:

- Ngôn ngữ lập trình: Các ngôn ngữ lập trình phổ biến được sử dụng để xây dựng website bao gồm HTML, CSS, JavaScript, PHP, Python,...
- Hệ quản trị cơ sở dữ liệu: Hệ quản trị cơ sở dữ liệu phổ biến được sử dụng để lưu trữ dữ liệu của website bao gồm MySQL, PostgreSQL, SQL Server,...
- Framework: Framework là một bộ công cụ và thư viện hỗ trợ việc xây dựng website. Các framework phổ biến được sử dụng để xây dựng website bao gồm Laravel, Django, Spring Boot,...

Thiết kế và triển khai website:

Sau khi đã tìm hiểu nhu cầu của người dùng và lựa chọn công nghệ phù hợp, cần tiến hành thiết kế và triển khai website. Quá trình thiết kế và triển khai website bao gồm các bước sau:

- Thiết kế giao diện người dùng: Thiết kế giao diện người dùng cần đảm bảo tính thân thiện, dễ sử dụng và phù hợp với đối tượng người dùng.
- Phát triển chức năng: Phát triển các chức năng cần thiết cho website, bao gồm chức năng tìm kiếm sản phẩm, chức năng xem sản phẩm, chức năng đặt hàng,...
- Tích hợp thanh toán: Tích hợp các phương thức thanh toán phổ biến để người dùng có thể thanh toán dễ dàng.

CHƯƠNG 4. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ CÔNG CỤ SỬ DỤNG

4.1. Mô tả chức năng của hệ thống

Các chức năng chính của website bao gồm:

- Đăng ký, đăng nhập, đăng xuất: Cho phép người dùng thao tác tạo tài khoản để đăng nhập vào hệ thống và đăng xuất khỏi hệ thống.
- Thao tác với sản phẩm trên giao diện người dùng: Cho phép người dùng xem danh sách sản phẩm, chi tiết sản phẩm, tìm kiếm và lọc theo giá, thêm giỏ hàng, đánh giá và bình luận,...
- Quản lý giỏ hàng: Cho phép người dùng xem thông tin giỏ hàng, cập nhật số lượng sản phẩm có trong giỏ hàng, xóa sản phẩm khỏi giỏ hàng.
- Đặt hàng: Cho phép người dùng nhập thông tin cần thiết và chọn phương thức thanh toán (COD, thanh toán online) để tiến hành đặt hàng.
- Quản lý tài khoản người dùng: Cho phép quản trị viên quản lý tài khoản của người dùng, thực hiện chức năng thêm, sửa, xóa, tìm kiếm, kích hoạt – khóa.
- Quản lý sản phẩm: Cho phép quản trị viên xem thông tin, thêm, sửa, xóa, tìm kiếm, kích hoạt – khóa sản phẩm.
- Quản lý danh mục của sản phẩm: Cho phép quản trị viên thêm, sửa, xóa, kích hoạt – khóa danh mục.
- Quản lý các size: Cho phép quản trị thêm, sửa, xóa các kích cỡ của sản phẩm.
- Quản lý đơn hàng: Cho phép quản trị viên chọn xem thông tin đơn hàng, thay đổi trạng thái của đơn hàng.
- Quản lý tin tức: Cho phép quản trị viên thêm, sửa, xóa các tin tức về thời trang.
- Quản lý danh mục của tin tức: Cho phép quản trị viên thêm, sửa, xóa, kích hoạt – khóa danh mục.
- Quản lý slider: Cho phép quản trị viên thêm, sửa, xóa, kích hoạt – khóa các slide hiển thị trên giao diện trang chủ.

4.2. Cơ sở lý thuyết

4.2.1. Ngôn ngữ lập trình C#

C# là một ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng, được phát triển bởi Microsoft. C# là một ngôn ngữ mạnh mẽ và linh hoạt, có thể được sử dụng để phát triển các ứng dụng đa nền tảng, bao gồm ứng dụng web, ứng dụng desktop và ứng dụng di động.

Các ứng dụng của C#

- **Ứng dụng web:** C# được sử dụng để phát triển các ứng dụng web, bao gồm các website tĩnh và website động.
- **Ứng dụng Windows:** C# được sử dụng để phát triển các ứng dụng Windows, bao gồm các ứng dụng desktop và ứng dụng UWP.
- **Ứng dụng di động:** C# được sử dụng để phát triển các ứng dụng di động, bao gồm ứng dụng iOS, Android và Windows Phone.
- **Ứng dụng máy tính đám mây:** C# được sử dụng để phát triển các ứng dụng máy tính đám mây, bao gồm các ứng dụng web, ứng dụng di động và ứng dụng máy tính.

Một số ưu điểm của C#

- **Hướng đối tượng:** C# là một ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng, cho phép lập trình viên tạo ra các ứng dụng phức tạp và dễ bảo trì.
- **Đa nền tảng:** C# là ngôn ngữ lập trình đa nền tảng, có thể được sử dụng để phát triển ứng dụng cho nhiều hệ điều hành khác nhau.
- **Tốc độ:** C# là ngôn ngữ lập trình nhanh, có thể tạo ra các ứng dụng có hiệu suất cao.
- **An toàn:** C# là ngôn ngữ lập trình an toàn, có các tính năng để giúp lập trình viên tránh khỏi các lỗi phổ biến.
- **Mở rộng:** C# là ngôn ngữ lập trình mở, cho phép lập trình viên mở rộng các tính năng của ngôn ngữ.

Các nhược điểm của C#

- **Có thể phức tạp:** C# là một ngôn ngữ lập trình mạnh mẽ, nhưng cũng có thể phức tạp đối với người mới bắt đầu.
- **Có thể rườm rà:** C# có thể rườm rà, với nhiều cú pháp và quy ước.
- **Không phải là ngôn ngữ lập trình tốt nhất cho tất cả các loại ứng dụng:** C# không phải là ngôn ngữ lập trình tốt nhất cho tất cả các loại ứng dụng. Ví dụ, C# không phải là lựa chọn tốt cho phát triển ứng dụng di động iOS.

4.2.2. Nền tảng phát triển ASP.NET

ASP.NET là một framework phát triển web của Microsoft, được sử dụng để xây dựng các ứng dụng web động, có thể tương tác với người dùng. ASP.NET được phát triển lần đầu tiên vào năm 2002, cùng với nền tảng .NET của Microsoft.

ASP.NET có các đặc điểm sau

- **Động:** ASP.NET cho phép lập trình viên tạo ra các ứng dụng web động, có thể tương tác với người dùng.
- **Tích hợp chặt chẽ với .NET:** ASP.NET được tích hợp chặt chẽ với nền tảng .NET, cho phép lập trình viên sử dụng các tính năng của .NET trong các ứng dụng web.
- **Đa nền tảng:** ASP.NET là framework phát triển web đa nền tảng, có thể được sử dụng để phát triển ứng dụng web cho nhiều hệ điều hành khác nhau.

ASP.NET được sử dụng để phát triển nhiều loại ứng dụng web, bao gồm

- Website thương mại điện tử
- Website tin tức
- Website mạng xã hội
- Website giáo dục, doanh nghiệp

Ưu điểm của ASP.NET

- **Động:** ASP.NET cho phép lập trình viên tạo ra các ứng dụng web động, có thể tương tác với người dùng theo thời gian thực.
- **Tích hợp chặt chẽ với .NET:** ASP.NET được tích hợp chặt chẽ với nền tảng .NET, cho phép lập trình viên sử dụng các tính năng của .NET trong các ứng dụng web, chẳng hạn như truy cập cơ sở dữ liệu, bảo mật, xử lý giao dịch,...
- **Đa nền tảng:** ASP.NET là framework phát triển web đa nền tảng, có thể được sử dụng để phát triển ứng dụng web cho nhiều hệ điều hành khác nhau, bao gồm Windows, macOS, Linux, iOS và Android.
- **Hiệu suất cao:** ASP.NET được thiết kế để đạt được hiệu suất cao, có thể tạo ra các ứng dụng web có tốc độ phản hồi nhanh.
- **An toàn:** ASP.NET có các tính năng bảo mật tích hợp sẵn, giúp bảo vệ ứng dụng web khỏi các cuộc tấn công.
- **Được hỗ trợ rộng rãi:** ASP.NET được hỗ trợ rộng rãi bởi cộng đồng lập trình viên và các công ty phát triển phần mềm.

Nhược điểm của ASP.NET

- ASP.NET cũng có một số nhược điểm, bao gồm:
- Có thể phức tạp: ASP.NET là một framework mạnh mẽ, nhưng cũng có thể phức tạp đối với người mới bắt đầu.
- Có thể rườm rà: ASP.NET có thể rườm rà, với nhiều cú pháp và quy ước.
- Không phải là framework tốt nhất cho tất cả các loại ứng dụng: ASP.NET không phải là framework tốt nhất cho tất cả các loại ứng dụng. Ví dụ, ASP.NET không phải là lựa chọn tốt cho phát triển ứng dụng di động native.

4.2.3. Ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản (HTML)

HTML là gì?

HTML (HyperText Markup Language) là loại ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản được sử dụng trong việc phát triển các trang web.

Tuy nhiên đừng hiểu lầm HTML là ngôn ngữ lập trình vì nó thực chất chỉ là một cách xác định cấu trúc, ý nghĩa và mục đích của các phân tử trên trang web, như các phần tử văn bản, hình ảnh, liên kết,...bằng cách sử dụng các thẻ. Ví dụ: nếu muốn tạo một đoạn văn bản, chỉ cần sử dụng thẻ `<p>`, nếu muốn tạo tiêu đề cho trang web sử dụng thẻ `<h1>`.

Vai trò của HTML

Nhiệm vụ chính của HTML xây dựng cấu trúc siêu văn bản trên một trang web và khai báo các tập tin kỹ thuật số như hình ảnh, video, âm thanh. Ngoài ra, HTML còn có các công dụng quan trọng khác, bao gồm:

- Phân chia và định dạng nội dung: chia đoạn, định dạng và nhấn mạnh văn bản, đặt tiêu đề, ngắt dòng, tạo danh sách, và tạo ký tự đặc biệt.
- Tạo liên kết và chèn hình ảnh: bao gồm liên kết nội bộ và liên kết ngoài web, ảnh minh họa,... thu hút người dùng
- Tạo các kiểu mẫu: gồm cách hiển thị các đoạn văn bản, hình ảnh, bảng,...giúp cho trang web đồng nhất và dễ dàng quản lý hơn.
- Xác định các thuộc tính của trang web: bao gồm màu sắc, kích thước, vị trí và các thông tin khác.

4.2.4. Ngôn ngữ định kiểu (CSS)

CSS là gì?

CSS (Cascading Style Sheets) là một ngôn ngữ thiết kế được sử dụng trong thiết kế trang web để mô tả cách trình bày, bố cục và phong cách của nội dung trên trang web. CSS giúp tạo ra các trang web chuyên nghiệp và dễ đọc hơn. Lưu ý rằng, CSS không phải ngôn ngữ lập trình.

Nếu ví HTML là bức tường thì CSS giống như lớp sơn trang trí. HTML cung cấp các công cụ cơ bản để cấu trúc nội dung trên trang web còn CSS giúp định dạng (style) nội dung này để nó được hiển thị cho người dùng theo đúng ý định thiết kế.

Ba phong cách chính của CSS gồm

- Internal CSS: Là phong cách được đặt trực tiếp trong thẻ `<head>` của trang web, cho phép chỉnh sửa các phong cách của trang web nhanh chóng và dễ dàng. Tuy nhiên, nó chỉ ảnh hưởng đến trang web đó, không áp dụng cho các trang khác.
- Inline CSS: Bạn có thể thêm phong cách trực tiếp vào mỗi phần tử HTML trên trang web bằng thuộc tính “style”, cho phép dễ dàng chỉnh sửa phong cách của phần tử mà không cần truy cập trực tiếp vào file CSS.
- External CSS: Cho phép bạn tạo file CSS riêng biệt và áp dụng nó cho nhiều trang web khác nhau. Bạn có thể chỉnh sửa phong cách trong file CSS để thay đổi toàn bộ trang web, qua đó bạn giúp cải thiện tốc độ tải trang web, giảm thiểu thời gian và công sức để thay đổi phong cách của trang web.

Vai trò của CSS

- Xác định phong cách và định nghĩa nội dung dưới dạng văn bản HTML trên trang web
- Tạo ra trang web tương thích với nhiều thiết bị khác nhau.
- Tạo ra bố cục, hiệu ứng và sự độc đáo để thu hút, tăng tính tương tác và trải nghiệm của người dùng.
- Điều khiển định dạng và tái sử dụng các kiểu dáng và phong cách giúp tiết kiệm thời gian và công sức.
- Giúp giảm thiểu lượng mã nguồn và tăng tốc độ tải trang.

4.2.5. Ngôn ngữ lập trình JavaScript

JavaScript là gì?

JavaScript là một trong những ngôn ngữ lập trình phổ biến nhất hiện nay. Nó được tạo ra bởi Brendan Eich (1995) và trở thành một phần quan trọng của các trang web hiện đại. JavaScript giúp biến những trang web tĩnh trở nên động, tạo ra sự tương tác và cải thiện hiệu suất của máy chủ. Nó làm cho các tính năng như Slideshow, Pop-up quảng cáo, cùng tính năng Autocomplete của Google trở nên dễ dàng và thuận tiện hơn.

Đồng thời, sự kết hợp giữa JavaScript, HTML và CSS giúp tăng cường trải nghiệm người dùng và cải thiện giao diện của trang web.

Vai trò của JavaScript

- Tạo bố cục chuyển động với thư viện ảnh và hiệu ứng động.
- Xây dựng các trò chơi, hoạt hình 2D hoặc 3D, và các ứng dụng cơ sở dữ liệu phức tạp để tăng tính tương tác trên trang web.
- Tăng cường hành vi người dùng bằng các tính năng như xác nhận hộp thoại, các lời kêu gọi hành động, và các tính năng tương tác khác.
- Kiểm soát mặc định của trình duyệt bằng cách thay đổi các hành vi mặc định của trình duyệt, chẳng hạn như xử lý các biểu mẫu đăng ký và đăng nhập của người dùng.
- Hỗ trợ việc xử lý dữ liệu phía máy khách (client-side), giảm tải cho máy chủ và tăng tốc độ xử lý trang.

4.2.6. Thư viện Bootstrap và jQuery

Bootstrap là gì?

Bootstrap là một framework CSS và JavaScript giúp tạo giao diện web đáp ứng với nhiều kích thước màn hình khác nhau. Bootstrap cung cấp một bộ các thành phần và công cụ CSS được thiết kế sẵn để tạo các trang web và ứng dụng web trông chuyên nghiệp và hiện đại.

jQuery là gì?

jQuery là một thư viện JavaScript cung cấp các hàm tiện ích để thực hiện các tác vụ phổ biến trong JavaScript. jQuery bao gồm các hàm để xử lý sự kiện, thao tác DOM,... jQuery cũng cung cấp các thư viện bổ sung cho các tác vụ cụ thể, chẳng hạn như xử lý hình ảnh, bản đồ và âm thanh.

Bootstrap và jQuery là hai thư viện bổ sung cho nhau. Bootstrap cung cấp các công cụ để định dạng giao diện web, trong khi jQuery cung cấp các hàm để thêm các tính năng tương tác vào giao diện web.

Ưu điểm của sử dụng Bootstrap và jQuery

- Tiết kiệm thời gian và công sức: Bootstrap và jQuery cung cấp các công cụ và hàm tiện ích sẵn sàng sử dụng, giúp lập trình viên tiết kiệm thời gian và công sức trong việc xây dựng website.
- Tăng khả năng tương thích: Bootstrap và jQuery được thiết kế để tương thích với nhiều trình duyệt và thiết bị, giúp website của bạn có thể được truy cập bởi nhiều người dùng hơn.
- Tăng tính thẩm mỹ: Bootstrap cung cấp các giao diện đẹp mắt và đáp ứng, giúp website của bạn trông chuyên nghiệp và bắt mắt hơn.

Nhược điểm

- Có thể phức tạp: Bootstrap và jQuery là những thư viện lớn với nhiều tính năng, có thể khiến cho việc học và sử dụng chúng trở nên phức tạp.
- Có thể phụ thuộc: Bootstrap và jQuery là những thư viện phụ thuộc, tức là bạn cần tải xuống và sử dụng chúng cùng với các thư viện khác, chẳng hạn như CSS và JavaScript.

Khi nào nên sử dụng Bootstrap và jQuery

- Bootstrap nên được sử dụng khi bạn cần tạo một trang web đẹp mắt và đáp ứng mà không cần phải viết nhiều mã CSS. Bootstrap cung cấp một bộ các thành phần giao diện web có sẵn, giúp bạn tiết kiệm thời gian và công sức.
- jQuery nên được sử dụng khi bạn cần viết mã JavaScript phức tạp. jQuery cung cấp một bộ các hàm và phương thức giúp đơn giản hóa việc viết mã JavaScript.

4.2.7. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu MS SQL Server

MS SQL Server là gì?

MS SQL Server là một hệ thống quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ (RDBMS) được phát triển bởi Microsoft. Nó là một trong những hệ thống quản trị cơ sở dữ liệu phổ biến nhất trên thế giới, được sử dụng bởi các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân.

Một số đặc điểm

- Lưu trữ dữ liệu: MS SQL Server có thể lưu trữ một lượng lớn dữ liệu trong các bảng, cột và chỉ mục.
- Truy xuất dữ liệu: MS SQL Server cung cấp nhiều cách để truy xuất dữ liệu, bao gồm các truy vấn SQL, truy vấn ngôn ngữ tự nhiên và các công cụ truy vấn trực quan.
- Bảo mật dữ liệu: MS SQL Server cung cấp nhiều tính năng bảo mật để bảo vệ dữ liệu khỏi truy cập trái phép, bao gồm mã hóa, kiểm soát truy cập và bảo mật dữ liệu.
- Quản lý dữ liệu: MS SQL Server cung cấp nhiều tính năng để quản lý dữ liệu, bao gồm phân tích dữ liệu, quản lý dữ liệu di động và quản lý dữ liệu lớn.

Ưu điểm của MS SQL Server

- Khả năng mở rộng: MS SQL Server có thể mở rộng để đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, từ các ứng dụng nhỏ đến các ứng dụng lớn và phức tạp.
- Tính sẵn sàng cao: MS SQL Server cung cấp các tính năng để đảm bảo tính sẵn sàng cao của dữ liệu, chẳng hạn như sao lưu và phục hồi, tích hợp với các hệ thống dự phòng và khả năng chịu lỗi.
- Tính bảo mật: MS SQL Server cung cấp một loạt các tính năng bảo mật để bảo vệ dữ liệu khỏi truy cập trái phép, chẳng hạn như mã hóa, kiểm soát truy cập và bảo mật dữ liệu.
- Tính năng và chức năng: MS SQL Server cung cấp một loạt các tính năng và chức năng để quản lý dữ liệu, bao gồm lưu trữ dữ liệu, truy xuất dữ liệu, bảo mật dữ liệu và quản lý dữ liệu.

Nhược điểm của MS SQL Server

- Chi phí: MS SQL Server có thể đắt hơn các hệ thống quản trị cơ sở dữ liệu khác.
- Yêu cầu phần cứng: MS SQL Server yêu cầu phần cứng mạnh mẽ để chạy hiệu quả.
- Học tập: MS SQL Server có thể khó học đối với người mới bắt đầu.

4.3. Các công nghệ sử dụng

- Môi trường triển khai: Visual Studio 2019.
- Ngôn ngữ và framework: C# & ASP.NET.
- Công cụ lưu trữ dữ liệu: MS SQL Server.
- Công cụ hỗ trợ vẽ biểu đồ: Visual Paradigm Community Edition, draw.io.

PHẦN 2. CÁC KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

CHƯƠNG 5. PHÂN TÍCH BÀI TOÁN

5.1. Phân tích yêu cầu đề tài

5.1.1. Tóm tắt hoạt động của hệ thống mà dự án sẽ được ứng dụng

- Là một Website chuyên bán các sản phẩm về thời trang.
- Là một Website động, các thông tin được cập nhật theo định kỳ.
- Người dùng truy cập vào Website có thể xem, tìm kiếm, mua các sản phẩm, hoặc đặt hàng sản phẩm.
- Các sản phẩm được sắp xếp hợp lý. Vì vậy người dùng sẽ có cái nhìn tổng quan về tất cả các sản phẩm hiện có.
- Người dùng có thể xem chi tiết từng sản (có hình ảnh minh họa sản phẩm).
- Khi đã chọn được món hàng vừa ý thì người dùng click vào nút cho vào giỏ hàng hoặc chọn biểu tượng giỏ hàng để sản phẩm được cập nhật trong giỏ hàng.
- Người dùng vẫn có thể quay trở lại trang sản phẩm để xem và chọn tiếp, các sản phẩm đã chọn sẽ được lưu vào trong giỏ hàng.
- Khách hàng cũng có thể bỏ đi những sản phẩm không vừa ý đã có trong giỏ hàng.
- Nếu đã quyết định mua các sản phẩm trong giỏ hàng thì người dùng click vào mục thanh toán để hoàn tất việc mua hàng, hoặc cũng có thể huỷ mua hàng.
- Đơn giá của các món hàng sẽ có trong giỏ hàng.
- Người dùng sẽ chọn các hình thức vận chuyển, thanh toán hàng do hệ thống đã định.

5.1.2. Phạm vi dự án được ứng dụng

- Dành cho mọi đối tượng có nhu cầu mua sắm trên mạng.
- Do nghiệp vụ của cửa hàng kết hợp với công nghệ mới và được xử lý trên hệ thống máy tính nên công việc liên lạc với khách hàng cũng như việc xử lý hóa đơn thực hiện một cách nhanh chóng và chính xác. Rút ngắn được thời gian làm việc, cũng như đưa thông tin về các sản phẩm mới nhanh chóng đến cho khách hàng.

5.1.3. Đối tượng sử dụng

Gồm hai đối tượng cơ bản: người dùng và người quản trị

- Người dùng: Qua Website, khách hàng có thể xem thông tin, lựa chọn những sản phẩm ưa thích ở mọi nơi thậm chí ngay trong phòng làm việc của mình.
- Quản trị viên: Nhà quản trị có toàn quyền sử dụng và cập nhật sản phẩm, hoá đơn, quản lý khách hàng, đảm bảo tính an toàn cho Website.

5.2. Xác định yêu cầu của khách hàng

5.2.1. Hệ thống hiện tại của cửa hàng

Hiện tại cửa hàng đang sử dụng cơ chế quảng cáo, hợp đồng trung bày, đặt hàng trực tiếp tại trung tâm do các nhân viên bán hàng trực tiếp đảm nhận (hoặc có thể gọi điện đến nhà phân phối để đặt hàng và cung cấp địa chỉ để nhân viên giao hàng tận nơi cho khách hàng). Trong cả hai trường hợp trên khách hàng đều nhận hàng và thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt tại nơi giao hàng. Và trong tờ hoá đơn khách hàng phải điền đầy đủ thông tin cá nhân và số lượng mặt hàng cần mua. Kế toán phải chuẩn bị hoá đơn thanh toán, nhập một số dữ liệu liên quan như ngày, giờ, tên khách hàng, mã số mặt hàng, số lượng mua, các hợp đồng trung bày sản phẩm, tổng số các hoá đơn vào trong sổ kinh doanh.

Dựa vào những ràng buộc cụ thể của hệ thống hiện hành chúng ta có thể đề nghị một hệ thống khác tiên tiến hơn, tiết kiệm được thời gian...

5.2.2. Hệ thống đề nghị

Để có thể vừa quảng cáo, bán hàng và giới thiệu sản phẩm của cửa hàng trên mạng thì website cần có các phần như:

Về giao diện:

Giao diện người dùng

- Phải có một giao diện thân thiện dễ sử dụng.
- Phải nêu bật được thế mạnh của website, cũng như tạo được niềm tin cho khách hàng ngay từ lần viếng thăm đầu tiên.
- Giới thiệu được sản phẩm của cửa hàng đang có.
- Có biểu mẫu đăng ký để trở thành thành viên.

- Có danh mục sản phẩm.
- Chức năng đặt hàng, mua hàng.
- Có biểu mẫu liên hệ.
- Chức năng tìm kiếm sản phẩm.
- Mỗi loại sản phẩm cần phải có trang xem chi tiết sản phẩm.
- Mục login của khách hàng khi đã trở thành thành viên gồm có: Email, Mật khẩu

Giao diện người quản trị

- Quản lý sản phẩm.
- Quản lý hóa đơn.
- Quản lý khách hàng.
- Quản lý đơn hàng.
- Quản lý tin tức.
- Quản lý danh mục sản phẩm, tin tức.
- Quản lý thông tin về size.

Về nghiệp vụ

- Người xây dựng nên hệ thống phải am hiểu về thương mại điện tử, hiểu rõ cách thức mua bán hàng qua mạng.
- Người xây dựng nên hệ thống đặc biệt phải hiểu rõ các thông số kỹ thuật về máy tính: Có thể đưa ra được một cái nhìn tổng quát, sâu rộng về sản phẩm.

Về bảo mật

- Quản trị viên có toàn quyền giữ bảo mật cho website bằng mật khẩu riêng.
- Quản lý Email & Password của khách hàng an toàn: Thông tin của khách hàng được bảo mật

Về hệ thống

- Phần cứng: PC bộ vi xử lý core i3,5,7 đời 8 trở lên, ram 8Gb trở lên, ổ cứng 50Gb trở lên (ưu tiên ổ SSD).
- Hệ điều hành: Window 10 trở lên
- Phần mềm hỗ trợ: Visual studio 2019, SQL Server 2019.

Lựa chọn giải pháp

- Chương trình sử dụng ngôn ngữ ASP và cơ sở dữ liệu SQL.

5.3. Yêu cầu giao diện website

5.3.1. Giao diện người dùng

- Phải có một giao diện thân thiện dễ sử dụng;
- Màu sắc hài hòa làm nổi bật hình ảnh của sản phẩm, font chữ thống nhất, tiện lợi khi sử dụng.
- Giới thiệu những thông tin về cửa hàng: Địa chỉ liên hệ của cửa hàng hoặc các đại lý trực thuộc, các số điện thoại liên hệ, email liên hệ.
- Sản phẩm của cửa hàng: sản phẩm đang có, sản phẩm bán chạy, sản phẩm mới nhất, sản phẩm sắp ra mắt...

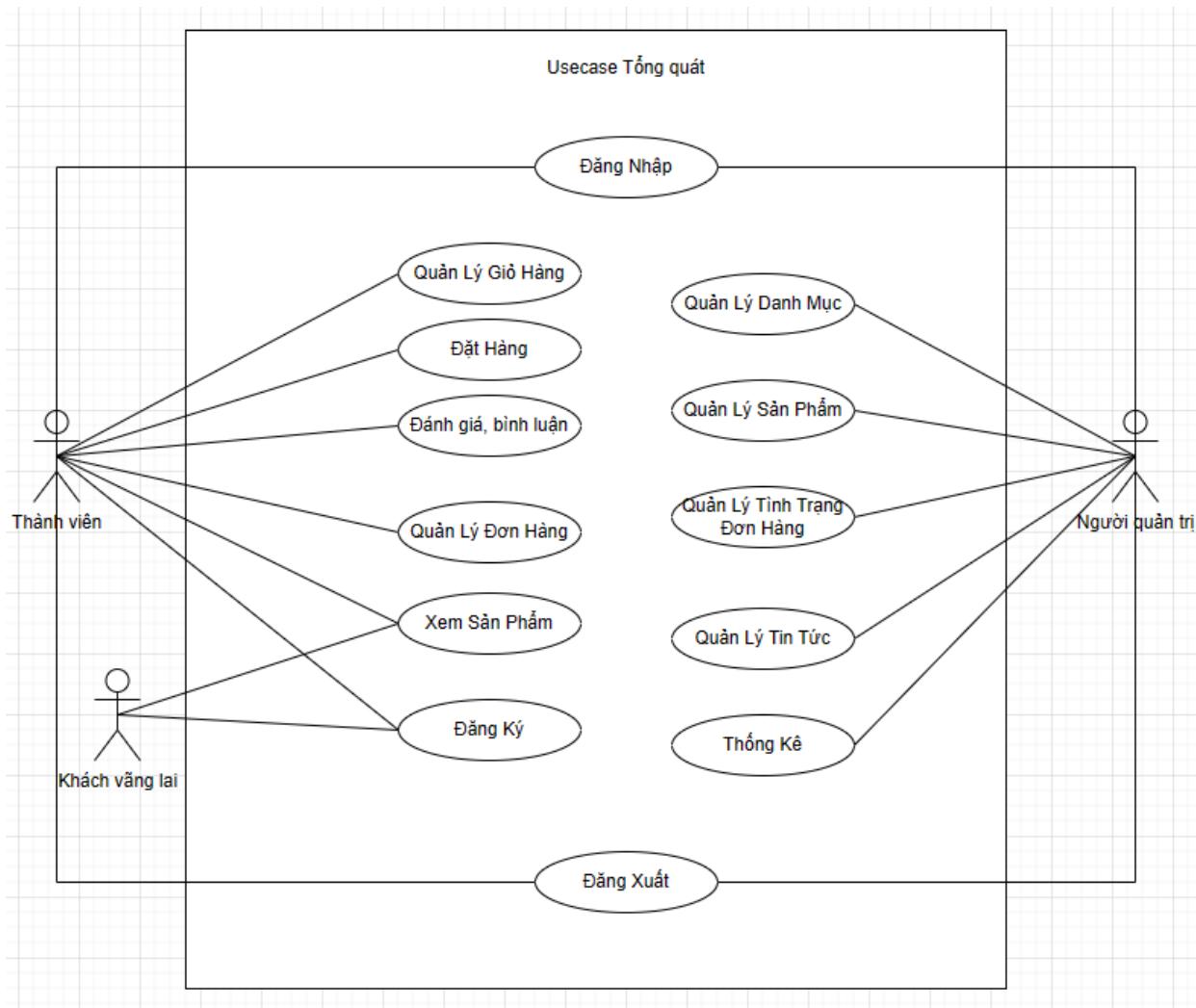
5.3.2. Giao diện quản trị

- Giao diện đơn giản, dễ quản lý dữ liệu.
- Phải được bảo vệ bằng Email & Password riêng của Admin.

CHƯƠNG 6. PHÂN TÍCH THIẾT KẾ HỆ THỐNG

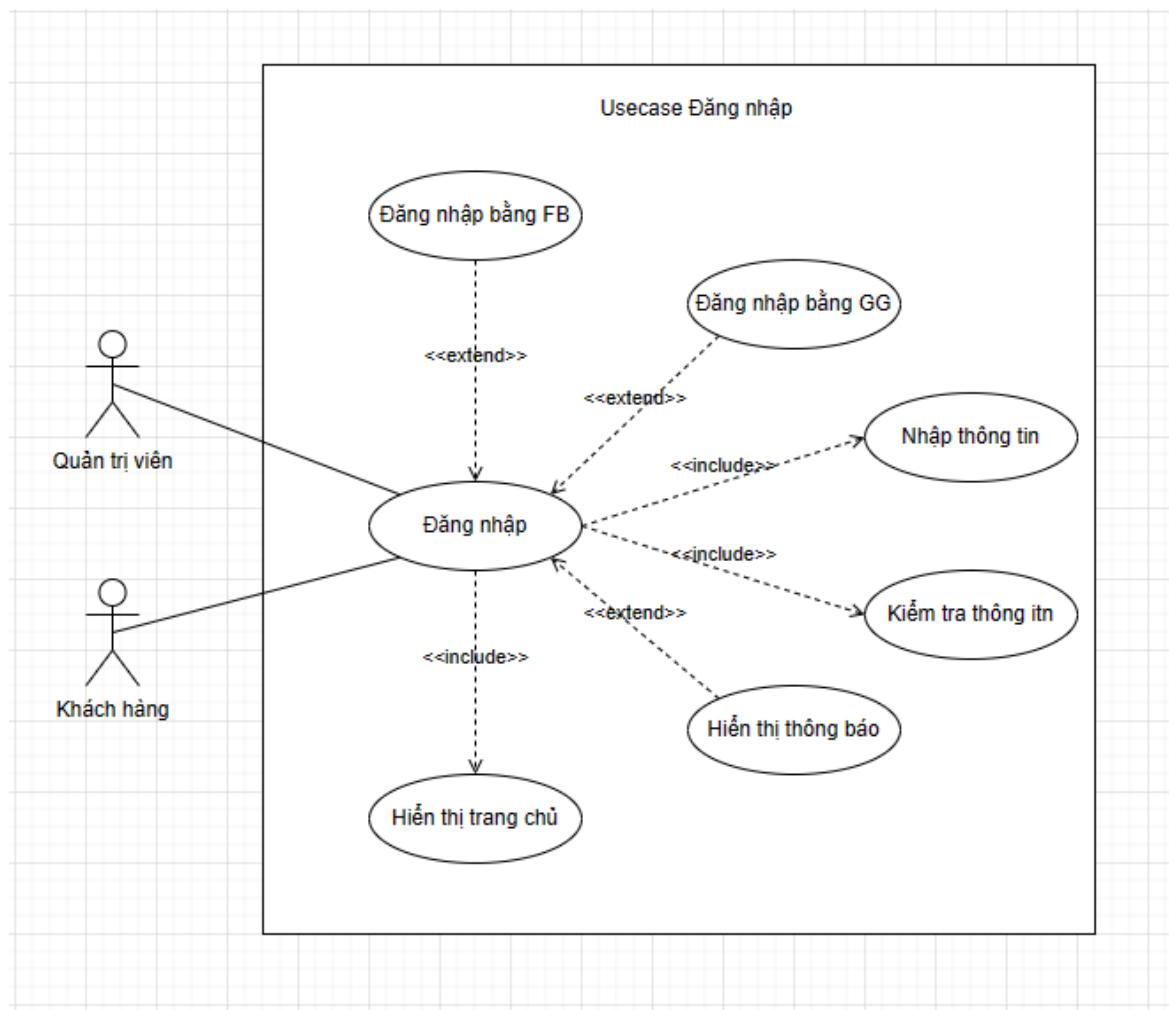
6.1. Biểu đồ Usecase

6.1.1. Usecase Tổng quát



Hình 1. Usecase Tổng quát

6.1.2. Usecase Đăng nhập



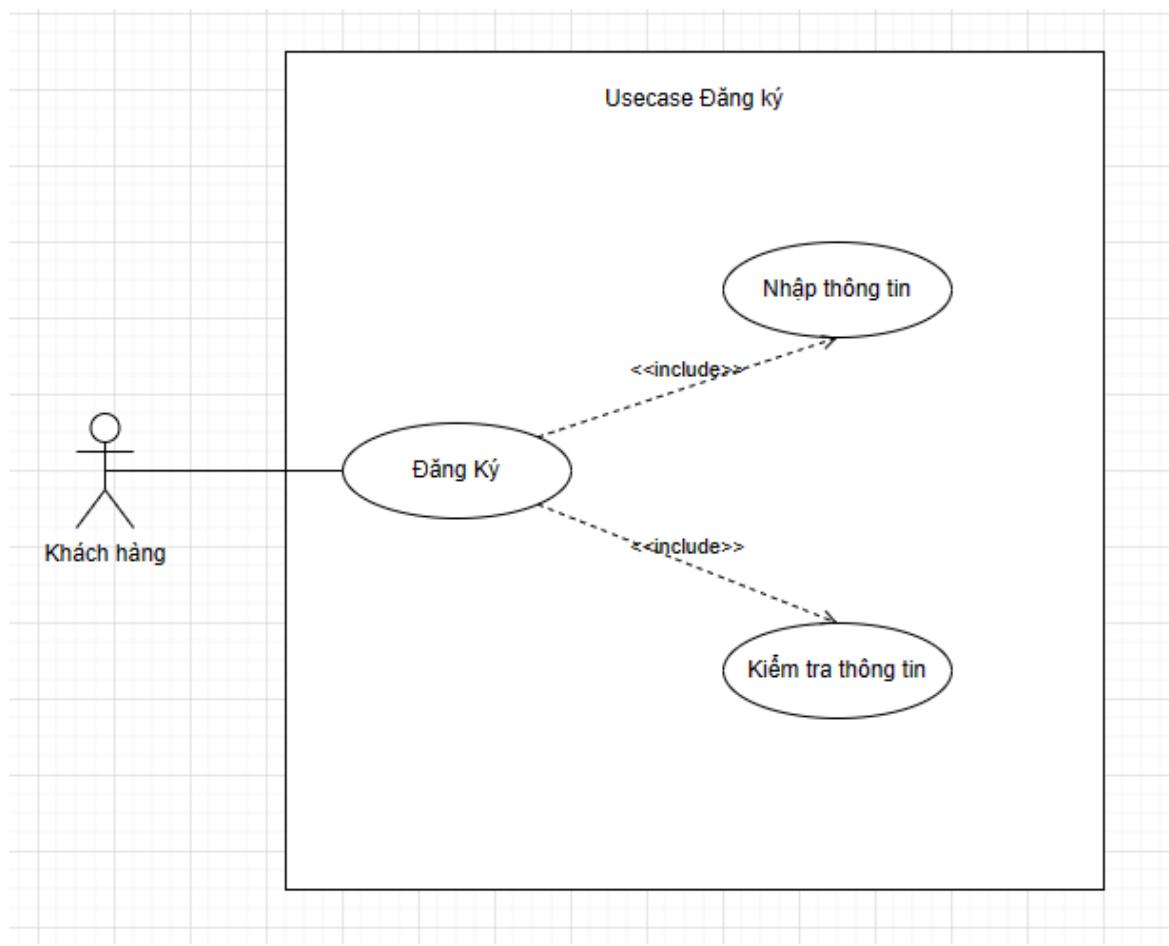
Hình 2. Usecase Đăng nhập

Tên Usecase	Đăng nhập
Tác nhân	Quản trị viên, Khách hàng
Mục đích	Cho phép người dùng truy cập hệ thống.
Điều kiện tiên quyết	Người dùng đã có tài khoản trong hệ thống hoặc tài khoản Facebook, Google.
Mô tả chung	Tất cả các trường trong form gồm Email, Password đều là trường bắt buộc. Nếu bỏ trống, hiển thị thông báo vui lòng nhập Email, Password.
Luồng sự kiện	1. Truy cập vào website.

	<ol style="list-style-type: none"> 2. Người dùng chọn nút đăng nhập. 3. Hiển thị form đăng nhập. 4. Nhập thông tin đăng nhập (Email, Password). 5. Gửi thông tin đăng nhập tới hệ thống. 6. Kiểm tra thông tin đăng nhập, nếu đúng thì cho phép truy cập hệ thống, sai thì thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại.
Ngoại lệ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống thông báo chưa nhận đủ thông tin. 2. Hệ thống thông báo thông tin nhập sai. 3. Hệ thống thông báo tài khoản không tồn tại trong hệ thống. 4. Hệ thống thông báo tài khoản bị khóa.
Các yêu cầu đặc biệt	

Bảng 1. Đặc tả Usecase đăng nhập

6.1.3. Usecase Đăng ký



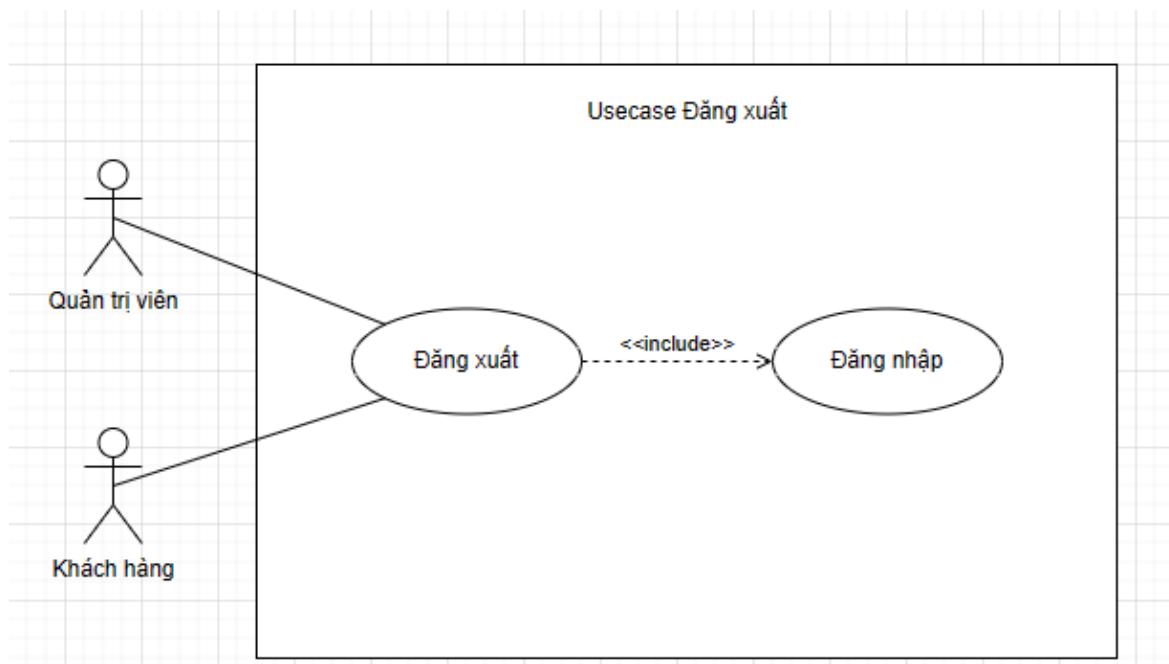
Hình 3. Usecase Đăng ký

Tên Usecase	Đăng ký
Tác nhân	Khách hàng
Mục đích	Đăng ký tài khoản để đăng nhập vào hệ thống.
Điều kiện tiên quyết	Khách hàng chưa có tài khoản trong hệ thống.
Mô tả chung	Quản trị viên có duy nhất một tài khoản để đăng nhập vào hệ thống. Việc đăng ký tài khoản chỉ dành cho khách hàng để tiến hành đặt hàng.
Luồng sự kiện	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tại trang chủ chọn chức năng đăng ký. 2. Hiển thị form đăng ký.

	<ol style="list-style-type: none"> 3. Nhập các thông tin yêu cầu. 4. Gửi thông tin đăng ký tới hệ thống. 5. Kiểm tra thông tin, nếu hợp lệ thì cho phép truy cập hệ thống và cập nhật tài khoản vào CSDL.
Ngoại lệ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống báo lỗi. 2. Hệ thống thông báo bắt buộc phải nhập.

Bảng 2. Đặc tả usecase đăng ký

6.1.4. Usecase Đăng xuất



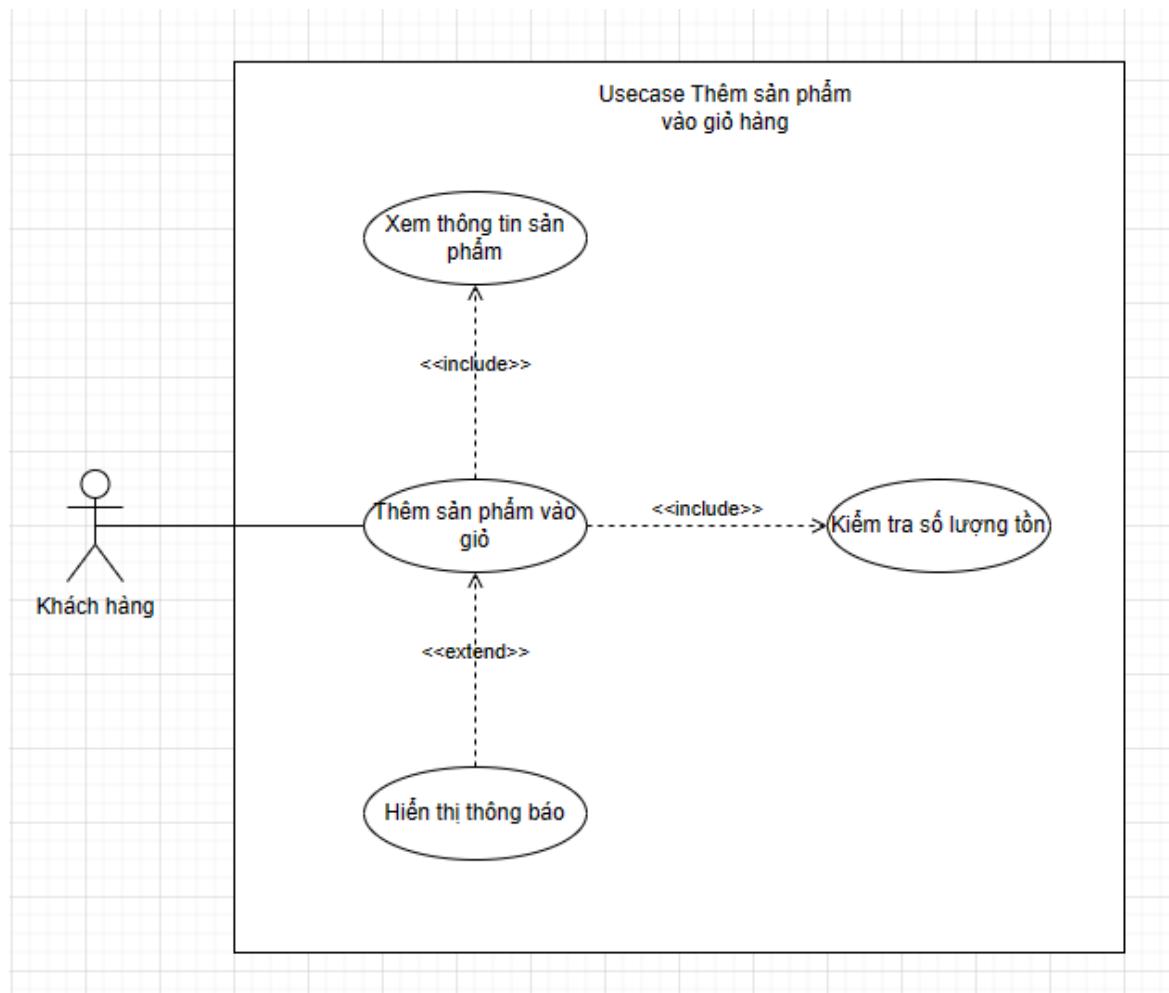
Hình 4. Usecase Đăng xuất

Tên Usecase	Đăng xuất
Tác nhân	Quản trị viên, Khách hàng
Mục đích	Đăng xuất khỏi hệ thống.
Điều kiện tiên quyết	Quản trị viên, Khách hàng đang đăng nhập trong hệ thống.

Mô tả chung	Quản trị viên, Khách hàng tiến hành đăng xuất khỏi hệ thống khi đã hoàn thành hành động mong muốn.
Luồng sự kiện	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tại trang chủ chọn nút đăng xuất. 2. Hệ thống tiến hành xóa tài khoản khỏi phiên session và chuyển hướng về trang đăng nhập.
Ngoại lệ	

Bảng 3. Đặc tả usecase đăng xuất

6.1.5. Usecase Thêm sản phẩm vào giỏ hàng

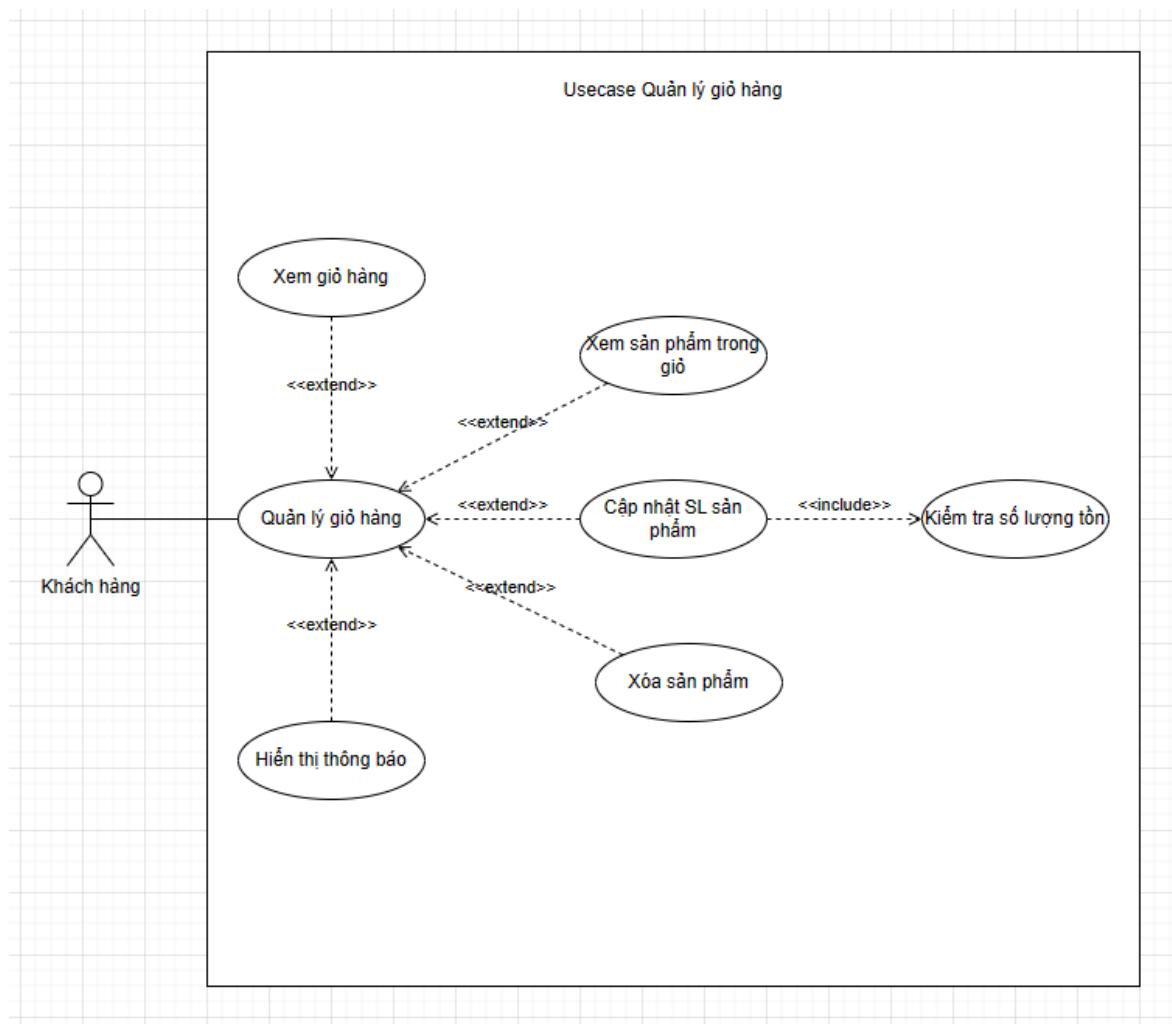


Hình 5. Usecase Thêm sản phẩm vào giỏ hàng

Tên Usecase	Thêm sản phẩm vào giỏ hàng
Tác nhân	Khách hàng
Mục đích	Thêm sản phẩm muốn mua vào giỏ hàng.
Điều kiện tiên quyết	Khách hàng đang trong trang chi tiết sản phẩm.
Mô tả chung	Khách hàng truy cập trang web, tìm kiếm sản phẩm yêu thích và tiến hành thêm vào giỏ hàng.
Luồng sự kiện	<ol style="list-style-type: none"> 1. Truy cập vào website. 2. Chọn lựa sản phẩm yêu thích. 3. Hiển thị trang chi tiết sản phẩm. 4. Khách hàng chọn nút Thêm vào giỏ để thêm sản phẩm vào giỏ hàng.
Ngoại lệ	Hệ thống thông báo hết hàng đối với sản phẩm đã hết số lượng tồn trong kho.

Bảng 4. Đặc tả usecase thêm sản phẩm vào giỏ hàng

6.1.6. Usecase Quản lý giỏ hàng



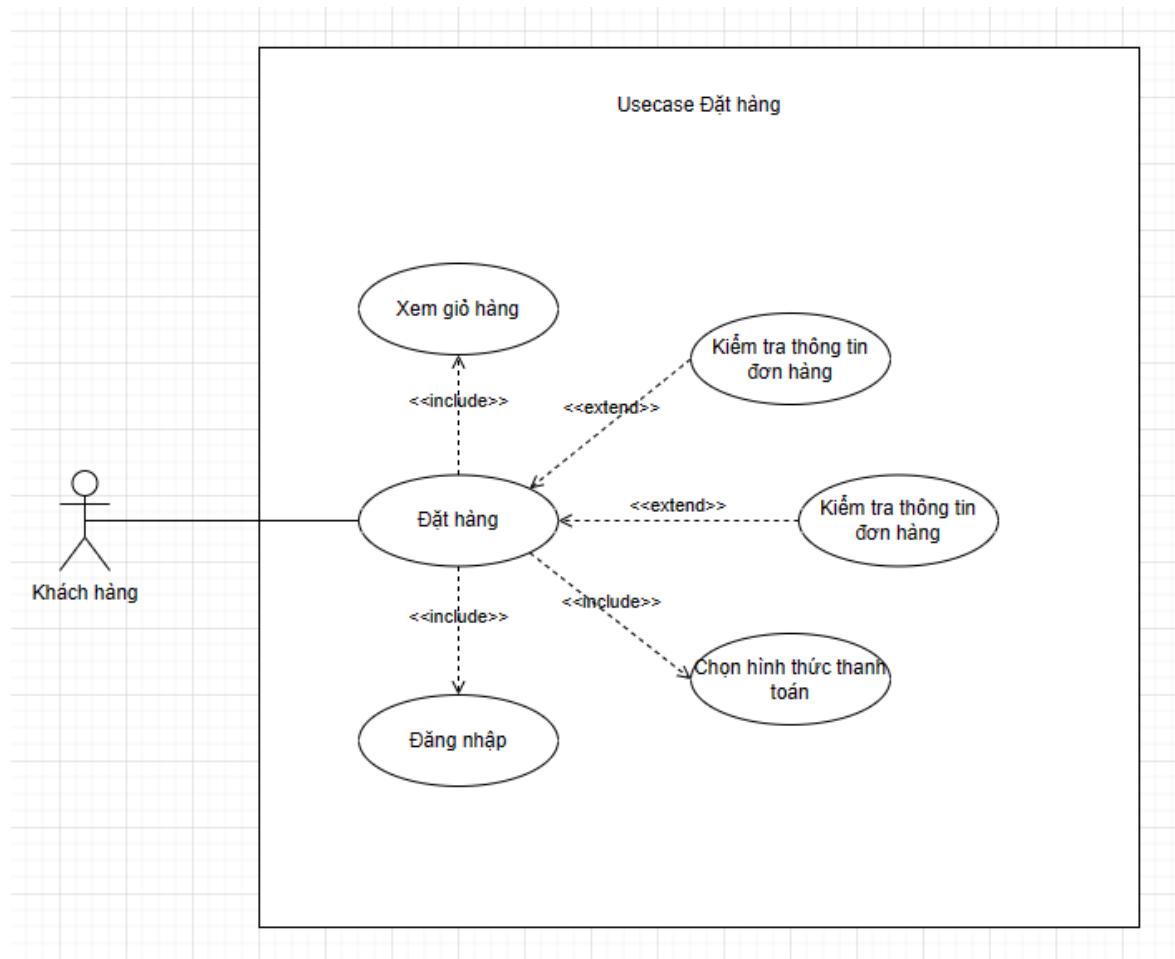
Hình 6. Usecase Quản lý giỏ hàng

Tên Usecase	Quản lý giỎ hàng
Tác nhân	Khách hàng
Mục đích	Xem số lượng sản phẩm đang có trong giỎ, cập nhật số lượng hoặc xóa sản phẩm khỏi giỎ.
Điều kiện tiên quyết	Có sản phẩm trong giỎ hàng.

Mô tả chung	Khách hàng mở giỏ hàng, kiểm tra danh sách sản phẩm có trong giỏ, tiến hành cập nhật số lượng hoặc xóa sản phẩm khỏi giỏ hàng.
Luồng sự kiện	<ol style="list-style-type: none"> 1. Truy cập vào website. 2. Chọn giỏ hàng. 3. Hiển thị giỏ hàng. 4. Tăng giảm số lượng của sản phẩm muốn chỉnh sửa. 5. Xóa sản phẩm khỏi giỏ nếu không muốn mua sản phẩm đó nữa. 6. Lưu thông tin giỏ hàng vào session.
Ngoại lệ	Hệ thống thông báo vượt quá số lượng tồn đói với số lượng của sản phẩm trong giỏ hàng lớn hơn số lượng tồn kho.

Bảng 5. Đặc tả usecase quản lý giỏ hàng

6.1.7. Usecase Đặt hàng



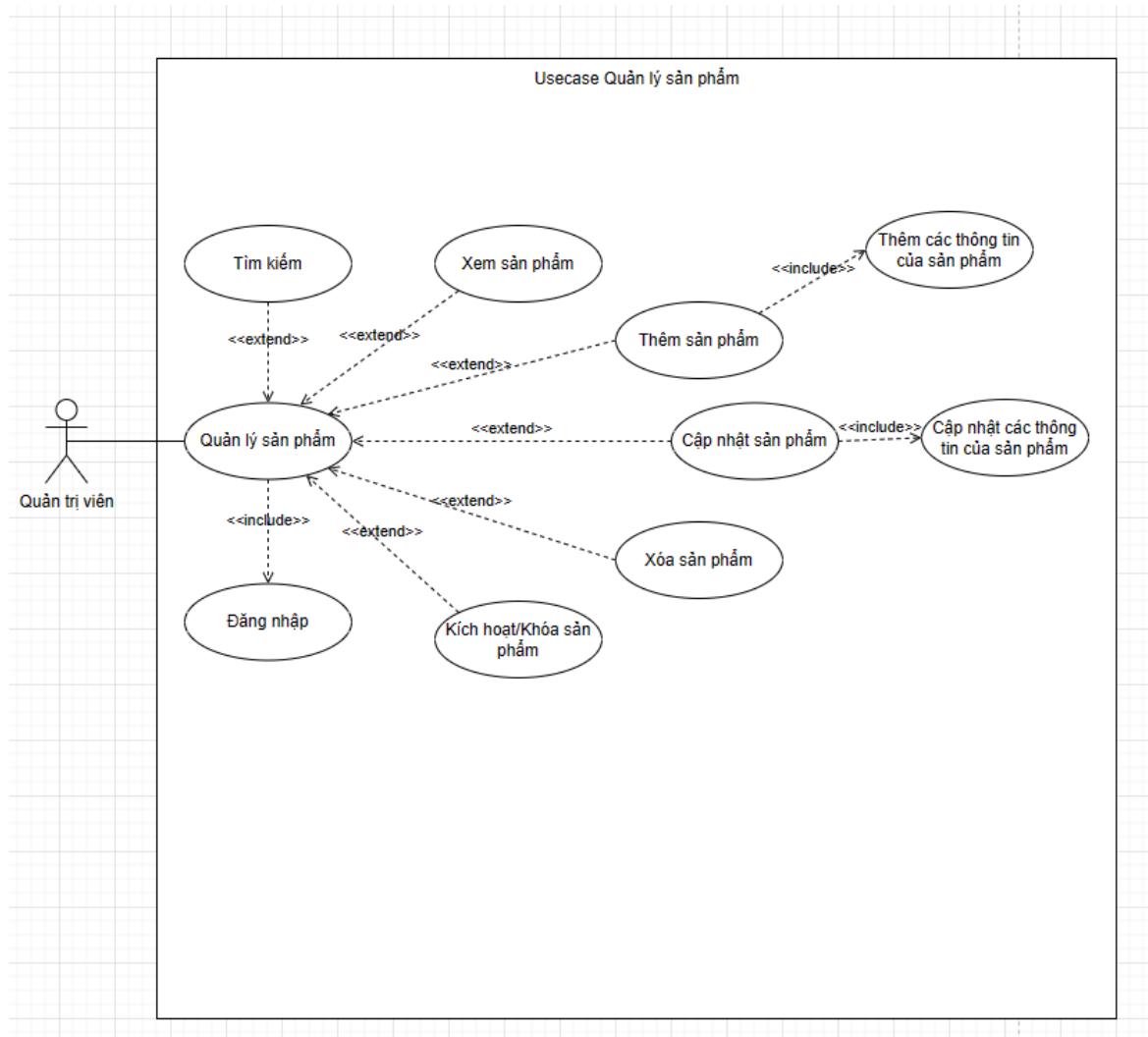
Hình 7. Usecase Đặt hàng

Tên Usecase	Đặt hàng
Tác nhân	Khách hàng
Mục đích	Khách hàng tạo đơn đặt hàng.
Điều kiện tiên quyết	Khách hàng đã đăng nhập và có sản phẩm trong giỏ hàng.
Mô tả chung	Khách hàng mở giỏ hàng, kiểm tra danh sách sản phẩm có trong giỏ, tiến hành cập nhật số lượng hoặc xóa sản phẩm khỏi giỏ hàng.
Luồng sự kiện	1. Truy cập vào website.

	2. Chọn giỏ hàng. 3. Án thanh toán. 4. Xác nhận địa điểm giao hàng và phương thức thanh toán. 5. Xác nhận mua hàng.
Ngoại lệ	Hệ thống thông báo thanh toán thất bại.

Bảng 6. Đặc tả usecase đặt hàng

6.1.8. Usecase Quản lý sản phẩm

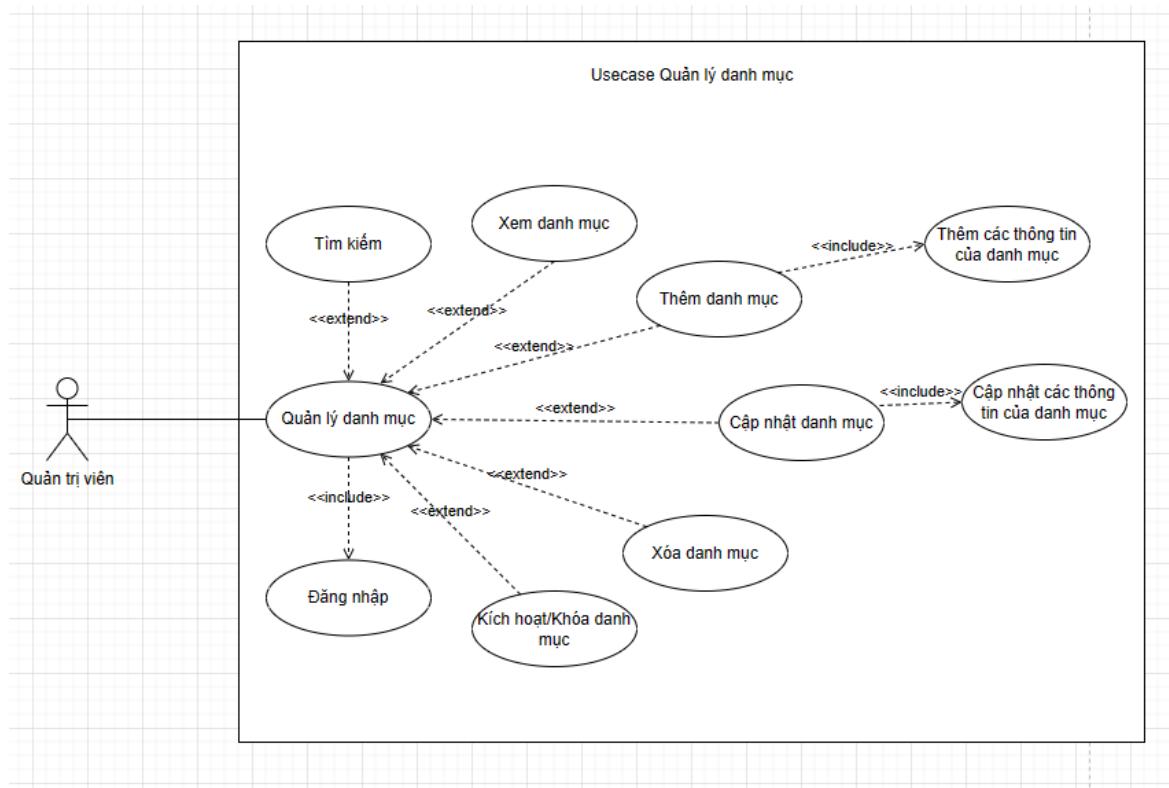


Hình 8. Usecase Quản lý sản phẩm

Tên Usecase	Quản lý sản phẩm
Tác nhân	Quản trị viên
Mục đích	Xem thông tin sản phẩm, thao tác tìm kiếm, thêm, sửa, xóa, kích hoạt hoặc khóa sản phẩm.
Điều kiện tiên quyết	Quản trị viên đang đăng nhập vào trang quản trị, chọn mục quản lý sản phẩm.
Mô tả chung	Quản trị viên đăng nhập trang quản trị, chọn quản lý sản phẩm để tiến hành các hành động thêm, sửa, xóa, tìm kiếm sản phẩm.
Luồng sự kiện	<ol style="list-style-type: none"> 1. Truy cập vào trang quản trị. 2. Chọn quản lý sản phẩm. 3. Thực hiện các chức năng tìm kiếm, thêm, sửa, xóa, kích hoạt hoặc khóa sản phẩm. 4. Đối với chức năng thêm, sửa : quản trị viên phải nhập các trường bắt buộc. 5. Nếu bỏ trống các trường bắt buộc, báo lỗi đở các trường trống. 6. Nếu quản trị đã nhập hết các trường, quản trị viên ấn lưu để cập nhật sản phẩm vào CSDL.
Ngoại lệ	

Bảng 7. Đặc tả usecase quản lý sản phẩm

6.1.9. Usecase Quản lý danh mục sản phẩm/tin tức



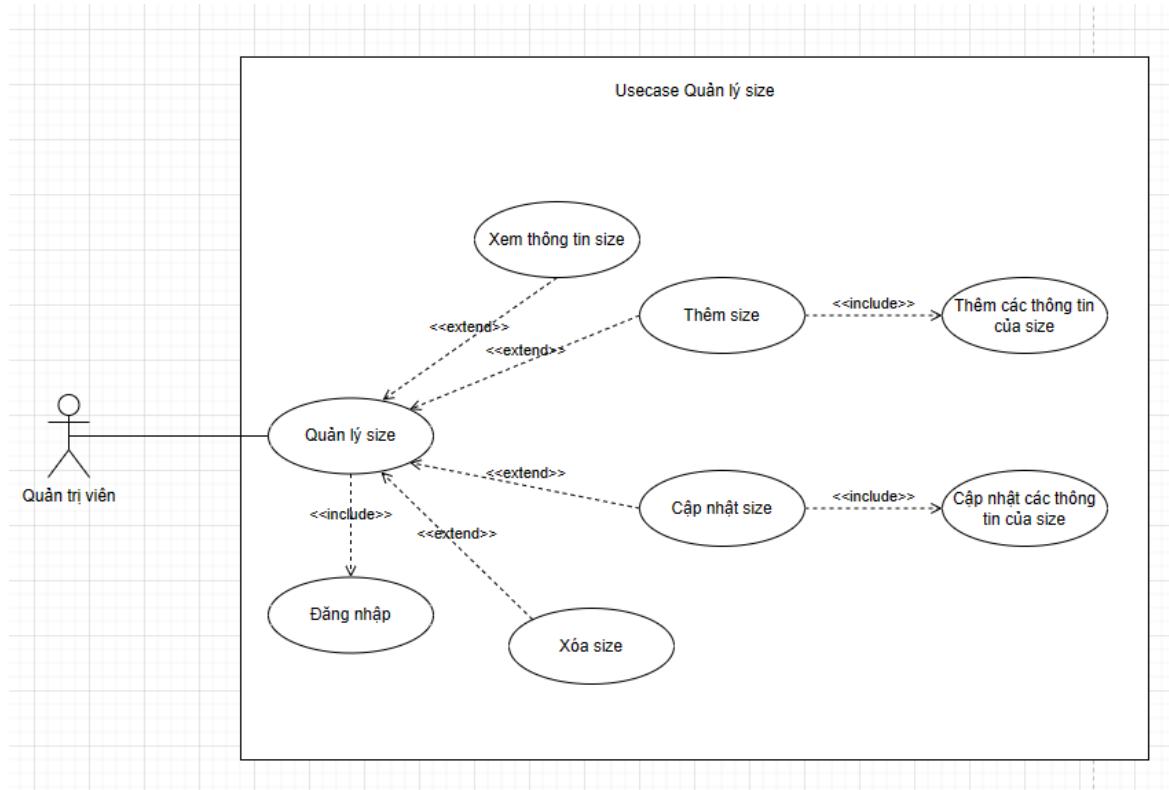
Hình 9. Usecase Quản lý danh mục sản phẩm/tin tức

Tên Usecase	Quản lý danh mục sản phẩm/tin tức
Tác nhân	Quản trị viên
Mục đích	Xem thông tin danh mục sản phẩm/tin tức, thao tác thêm, sửa, xóa, kích hoạt hoặc khóa sản phẩm/tin tức.
Điều kiện tiên quyết	Quản trị viên đang đăng nhập vào trang quản trị, chọn mục quản lý danh mục sản phẩm/quản lý danh mục tin tức.
Mô tả chung	Quản trị viên đăng nhập trang quản trị, chọn quản lý danh mục sản phẩm/quản lý danh mục tin tức để tiến hành các hành động thêm, sửa, xóa danh mục.
Luồng sự kiện	1. Truy cập vào trang quản trị.

	<ol style="list-style-type: none"> 2. Chọn quản lý danh mục sản phẩm/ quản lý danh mục tin tức.. 3. Thực hiện các chức năng thêm, sửa, xóa, kích hoạt hoặc khóa danh mục. 4. Đối với chức năng thêm, sửa : quản trị viên phải nhập các trường bắt buộc. 5. Nếu bỏ trống các trường bắt buộc, báo lỗi đỏ các trường trống. 6. Nếu quản trị đã nhập hết các trường, quản trị viênấn lưu để cập nhật danh mục vào CSDL.
Ngoại lệ	

Bảng 8. Đặc tả usecase quản lý danh mục sản phẩm/tin tức

6.1.10. Usecase Quản lý size

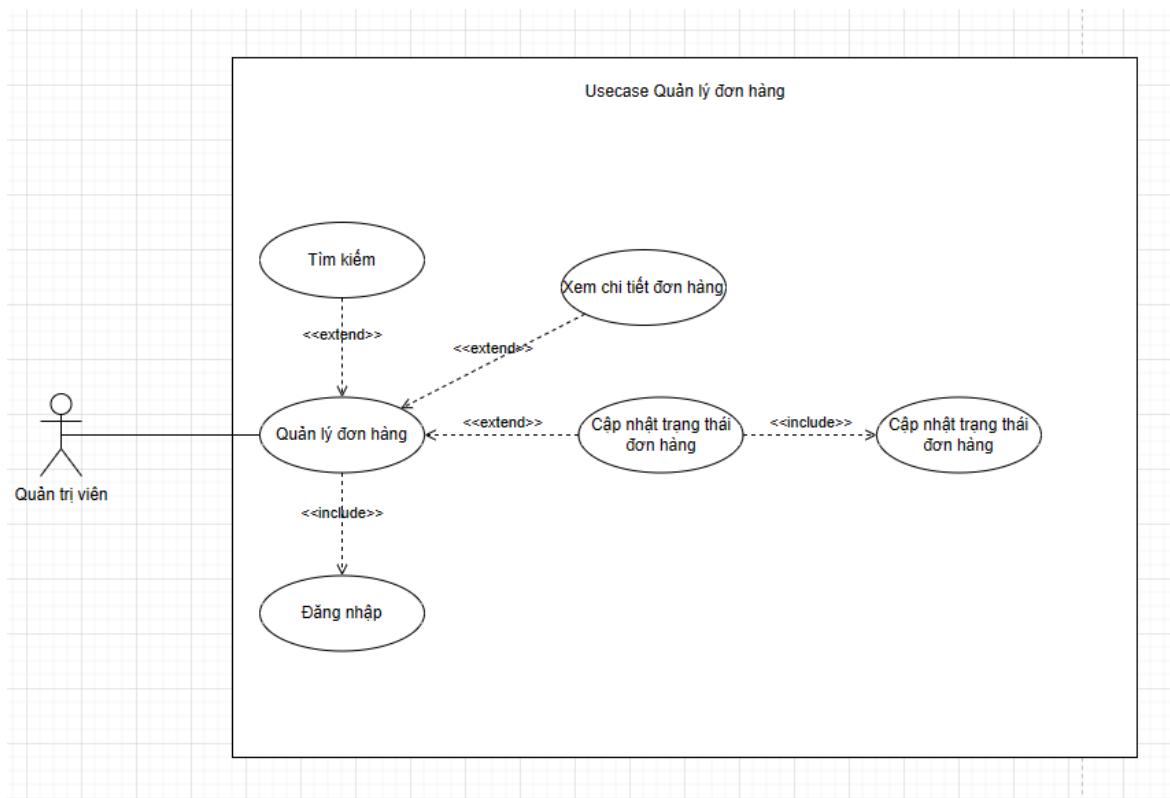


Hình 10. Usecase Quản lý size

Tên Usecase	Quản lý size
Tác nhân	Quản trị viên
Mục đích	Xem thông tin size, thao tác thêm, sửa, xóa, size.
Điều kiện tiên quyết	Quản trị viên đang đăng nhập vào trang quản trị, chọn mục quản lý size.
Mô tả chung	Quản trị viên đăng nhập trang quản trị, chọn quản lý size để tiến hành các hành động thêm, sửa, xóa size.
Luồng sự kiện	<ol style="list-style-type: none"> 1. Truy cập vào trang quản trị. 2. Chọn quản lý size. 3. Thực hiện các chức năng thêm, sửa, xóa size. 4. Đối với chức năng thêm, sửa : quản trị viên phải nhập các trường bắt buộc. 5. Nếu bỏ trống các trường bắt buộc, báo lỗi đỏ các trường trống. 6. Nếu quản trị đã nhập hết các trường, quản trị viên lưu để cập nhật size vào CSDL.
Ngoại lệ	

Bảng 9. Đặc tả usecase quản lý size

6.1.11. Usecase Quản lý đơn hàng



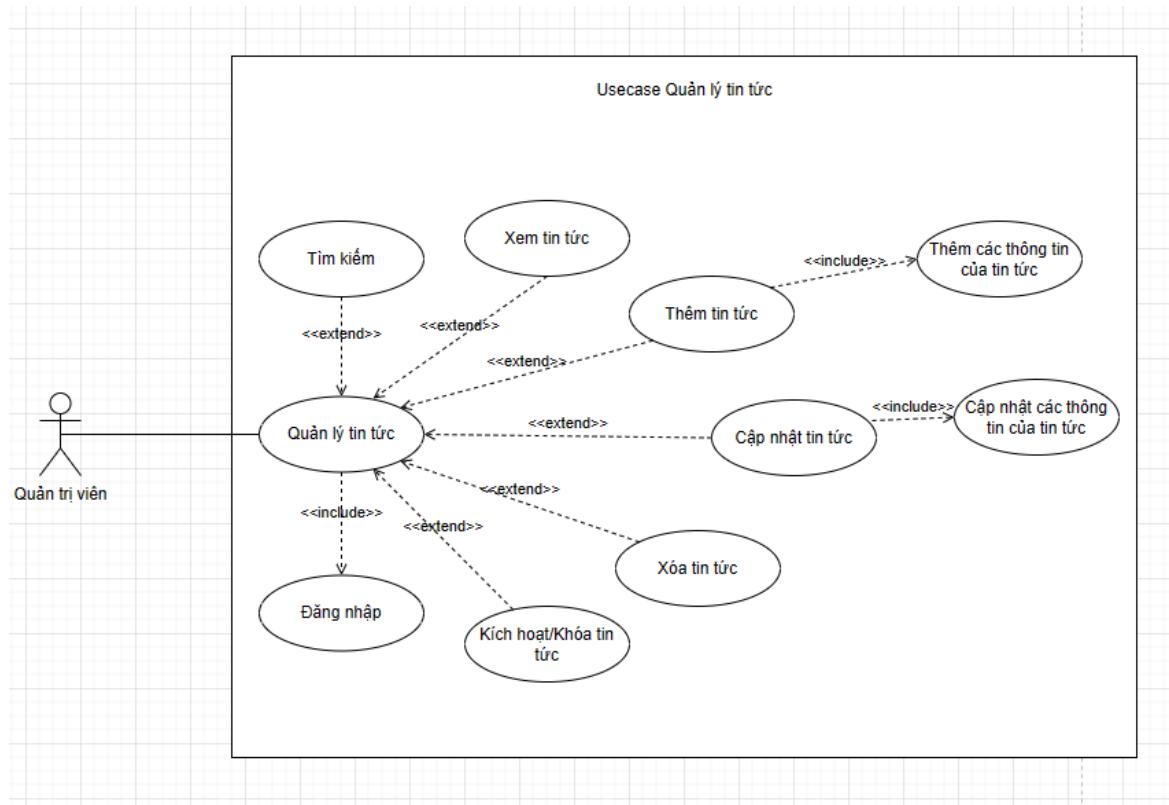
Hình 11. Usecase Quản lý đơn hàng

Tên Usecase	Quản lý đơn hàng
Tác nhân	Quản trị viên
Mục đích	Xem thông tin đơn hàng, tìm kiếm đơn hàng theo ngày, cập nhật trạng thái đơn hàng.
Điều kiện tiên quyết	Quản trị viên đang đăng nhập vào trang quản trị, chọn mục quản lý đơn hàng.
Mô tả chung	Quản trị viên đăng nhập trang quản trị, chọn quản lý đơn hàng để tiến hành các hành động xem chi tiết, cập nhật trạng thái của đơn hàng, tìm kiếm đơn hàng theo ngày.
Luồng sự kiện	<ol style="list-style-type: none"> 1. Truy cập vào trang quản trị. 2. Chọn quản lý đơn hàng.

	<p>3. Thực hiện các chức năng tìm kiếm, xem chi tiết, cập nhật trạng thái đơn hàng.</p> <p>4. Đối với chức năng thêm, sửa : quản trị viên phải nhập các trường bắt buộc.</p> <p>5. Nếu bỏ trống các trường bắt buộc, báo lỗi đỏ các trường trống.</p> <p>6. Nếu quản trị đã nhập hết các trường, quản trị viênấn lưu để cập nhật đơn hàng vào CSDL.</p>
Ngoại lệ	

Bảng 10. Đặc tả usecase quản lý đơn hàng

6.1.12. Usecase Quản lý tin tức

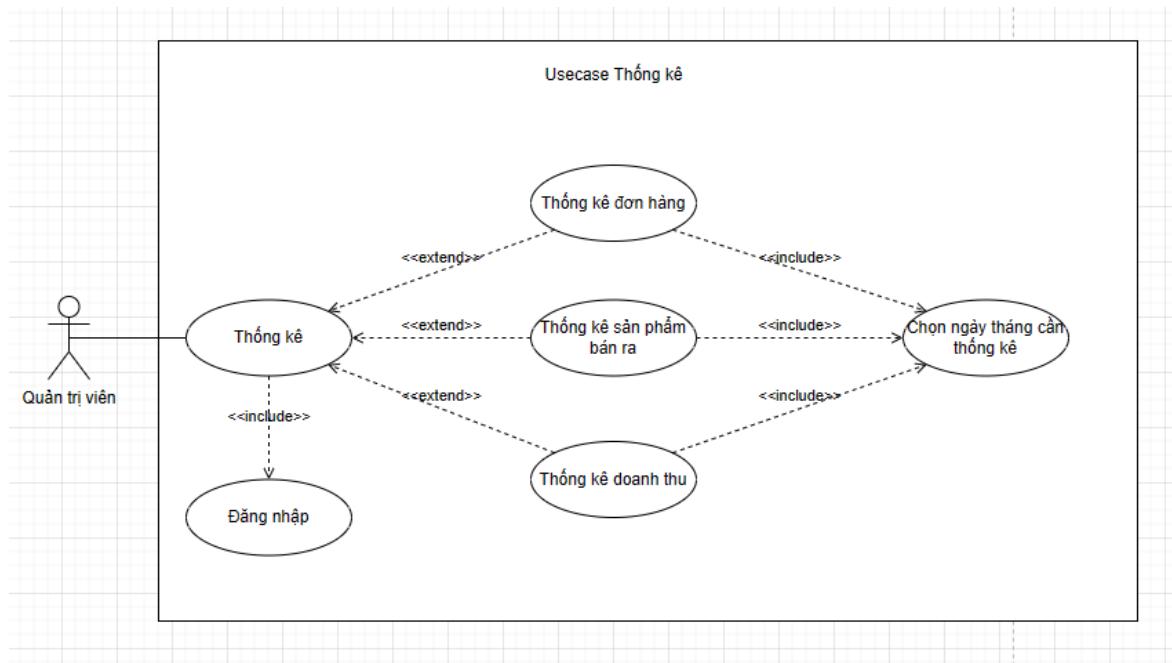


Hình 12. Usecase Quản lý tin tức

Tên usecase	Quản lý tin tức
Tác nhân	Quản trị viên
Mục đích	Xem thông tin tin tức, thao tác tìm kiếm, thêm, sửa, xóa, kích hoạt hoặc khóa tin tức.
Điều kiện tiên quyết	Quản trị viên đang đăng nhập vào trang quản trị, chọn mục quản lý tin tức.
Mô tả chung	Quản trị viên đăng nhập trang quản trị, chọn quản lý tin tức để tiến hành các hành động thêm, sửa, xóa, tìm kiếm tin tức.
Luồng sự kiện	<ol style="list-style-type: none"> 1. Truy cập vào trang quản trị. 2. Chọn quản lý tin tức. 3. Thực hiện các chức năng tìm kiếm, thêm, sửa, xóa, kích hoạt hoặc khóa tin tức. 4. Đối với chức năng thêm, sửa : quản trị viên phải nhập các trường bắt buộc. 5. Nếu bỏ trống các trường bắt buộc, báo lỗi đỏ các trường trống. 6. Nếu quản trị đã nhập hết các trường, quản trị viên ấn lưu để cập nhật tin tức vào CSDL.
Ngoại lệ	

Bảng 11. Đặc tả usecase quản lý tin tức

6.1.13. Usecase Thống kê



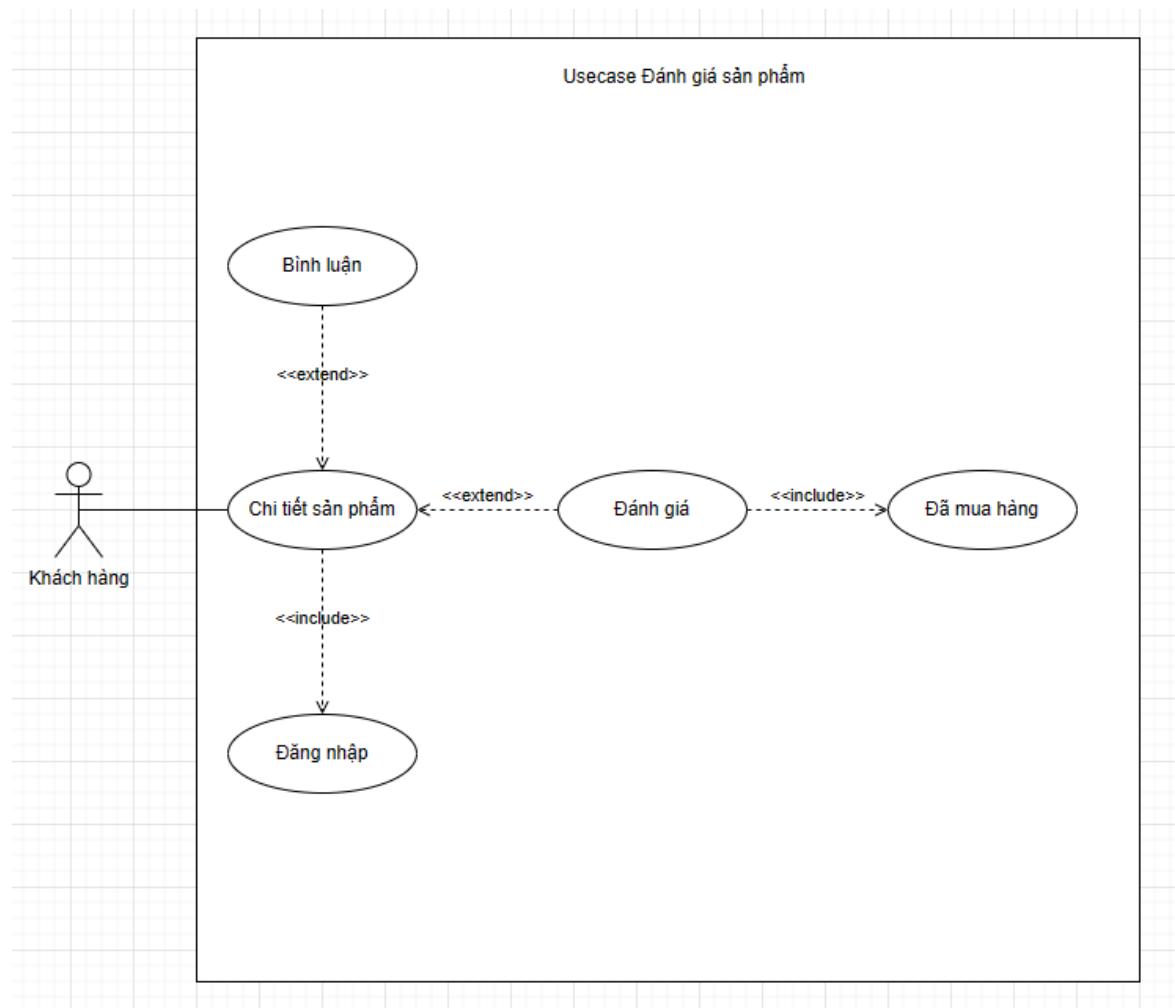
Hình 13. Usecase Thống kê

Tên Usecase	Thống kê
Tác nhân	Quản trị viên
Mục đích	Thống kê theo các mục.
Điều kiện tiên quyết	Quản trị viên đang đăng nhập vào trang quản trị, chọn mục thống kê.
Mô tả chung	Quản trị viên đăng nhập trang quản trị, chọn thống kê để tiến hành các hành động thống kê đơn hàng, sản phẩm bán ra, doanh thu theo khoảng ngày.
Luồng sự kiện	<ol style="list-style-type: none"> 1. Truy cập vào trang quản trị. 2. Chọn thống kê. 3. Chọn một trong các mục thống kê đơn hàng, thống kê sản phẩm bán ra, thống kê doanh thu.

	<p>4. Quản trị viên nhập khoảng ngày cần thống kê rồi ánh tìm kiếm.</p> <p>5. Hệ thống sẽ truy vấn CSDL và hiển thị dữ liệu tương ứng.</p>
Ngoại lệ	

Bảng 12. Đặc tả usecase thống kê

6.1.14. Usecase Đánh giá



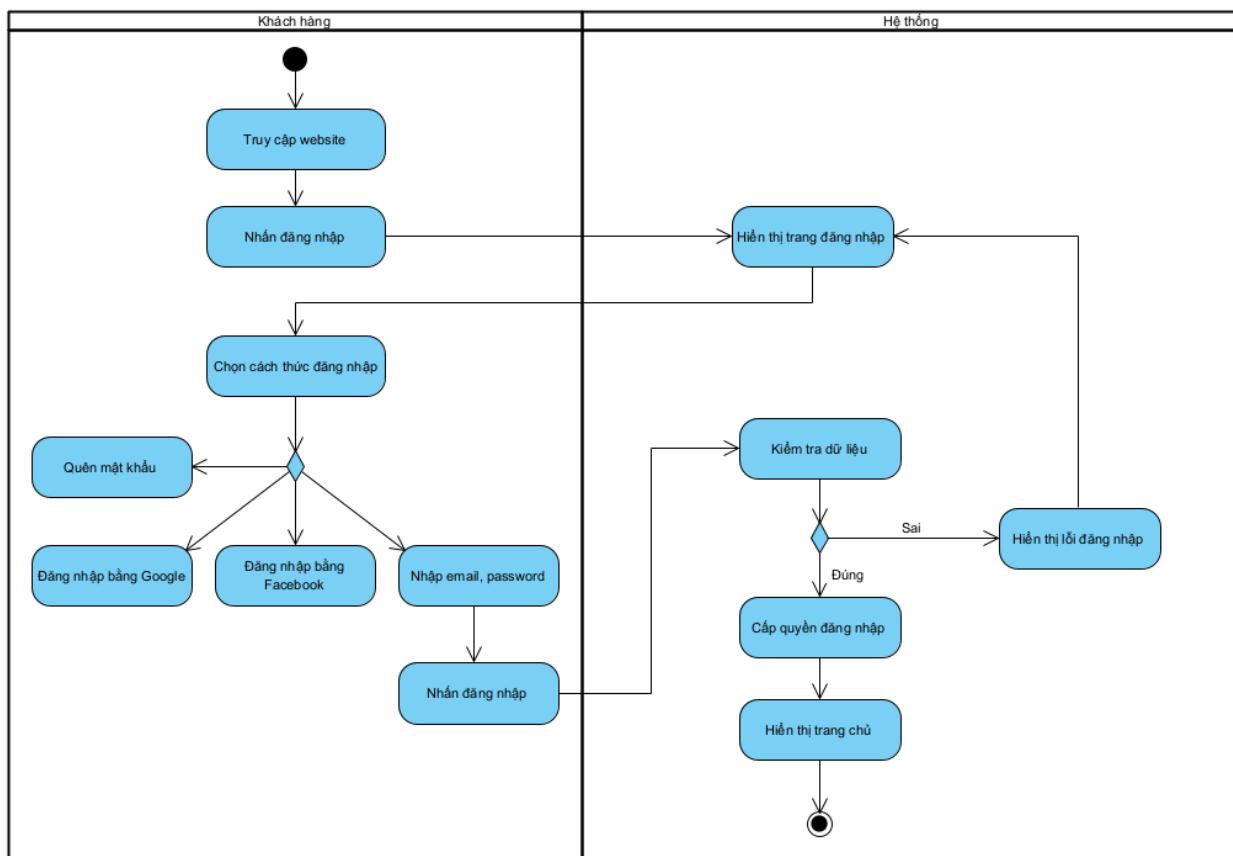
Hình 14. Usecase Đánh giá

Tên Usecase	Đánh giá
Tác nhân	Khách hàng
Mục đích	Bình luận, đánh giá sản phẩm.
Điều kiện tiên quyết	Khách hàng đang đăng nhập hệ thống. Đối với đánh giá, khách hàng phải mua ít nhất một sản phẩm muốn đánh giá.
Mô tả chung	Khách hàng muốn bình luận, đánh giá cần đăng nhập. Cần mua ít nhất một sản phẩm mới được đánh giá sản phẩm đó và mỗi tài khoản chỉ đánh giá được một lần/sản phẩm.
Luồng sự kiện	<ol style="list-style-type: none"> 1. Truy cập vào website. 2. Đăng nhập tài khoản. 3. Chọn chi tiết sản phẩm. 4. Chọn một trong hai mục bình luận, đánh giá. 5. Tiến hành bình luận, đánh giá. 6. Hệ thống sẽ lưu dữ liệu vào CSDL.
Ngoại lệ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Báo cần đăng nhập để thực hiện chức năng này. 2. Hệ thống thông báo lỗi chỉ được đánh giá một lần.

Bảng 13. Đặc tả usecase đánh giá

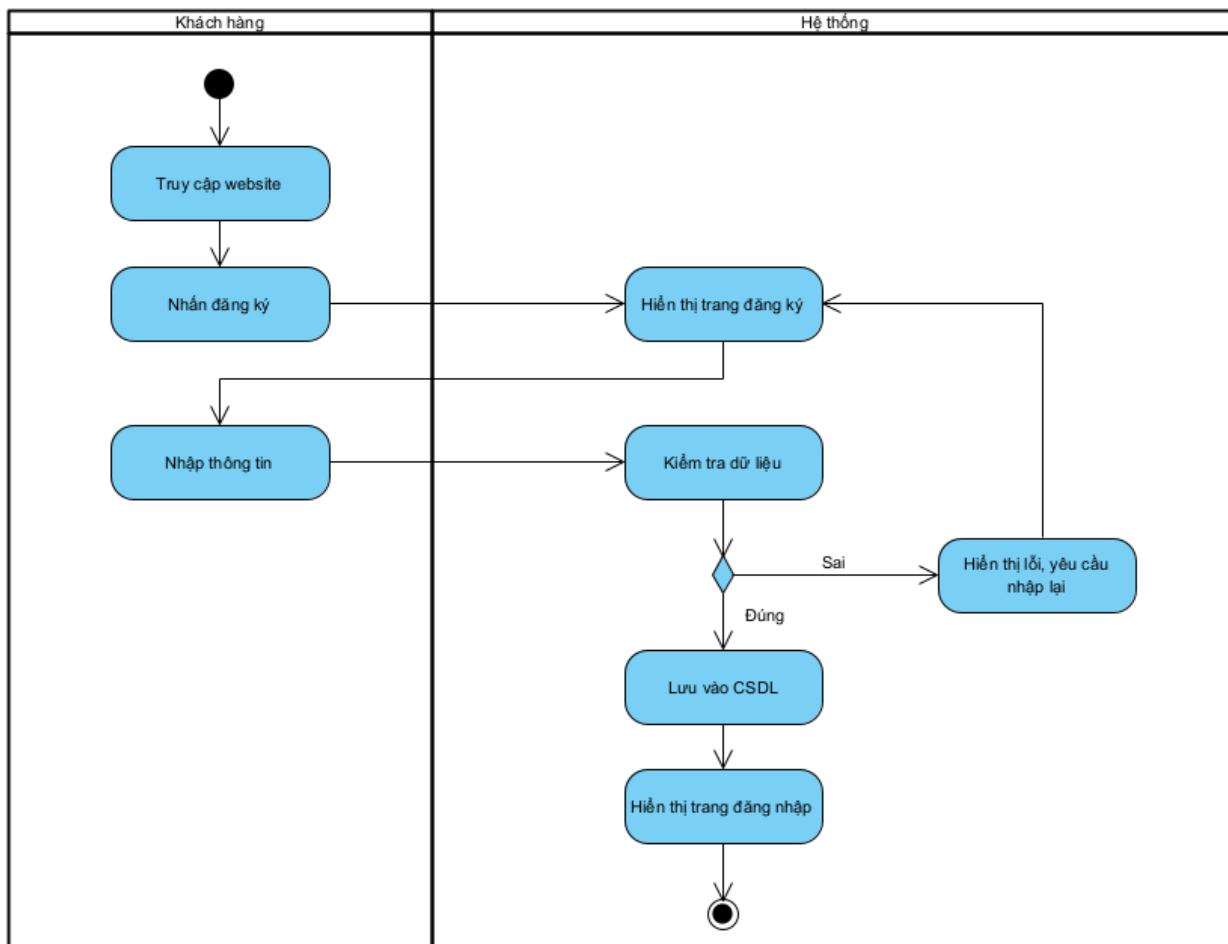
6.2. Biểu đồ Activity

6.2.1. Activity Đăng nhập



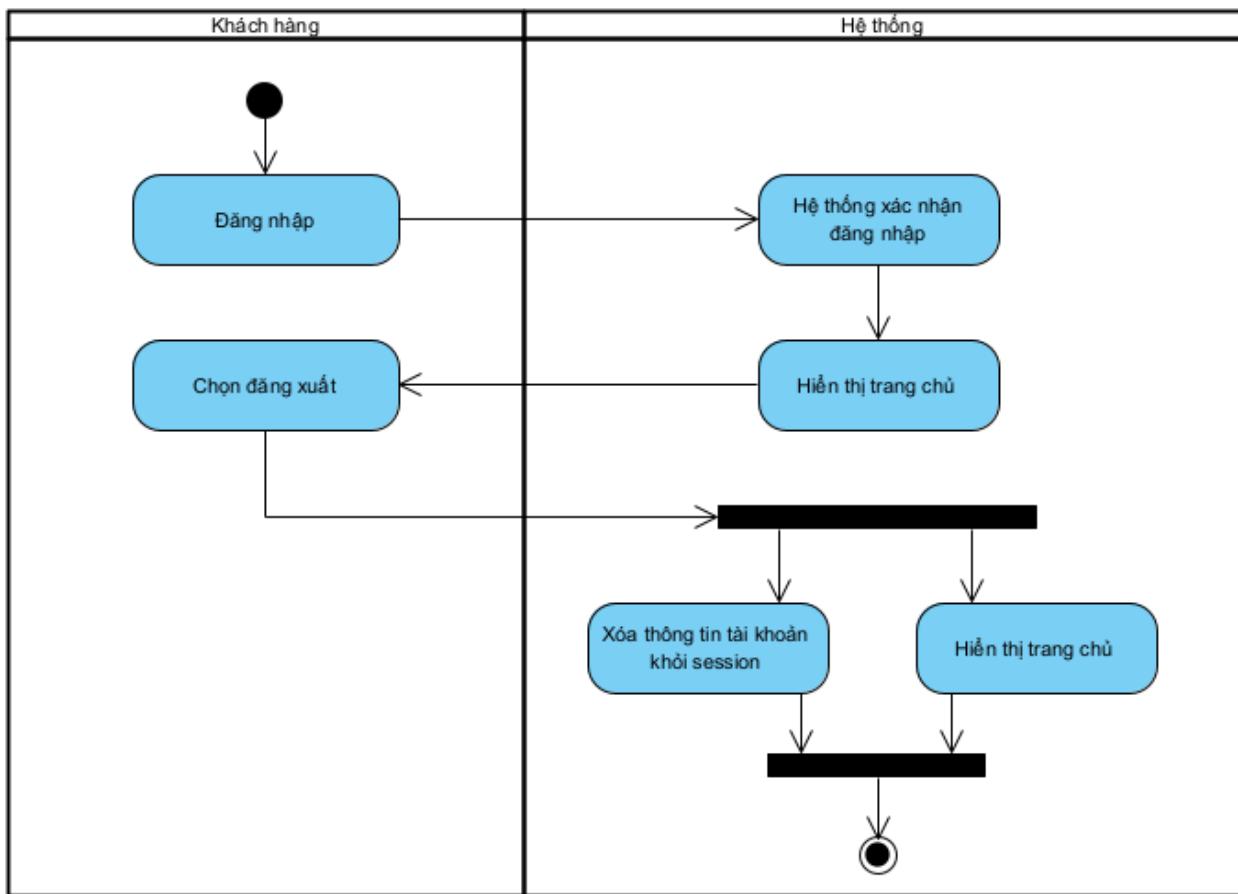
Hình 15. Activity Đăng nhập

6.2.2. Activity Đăng ký



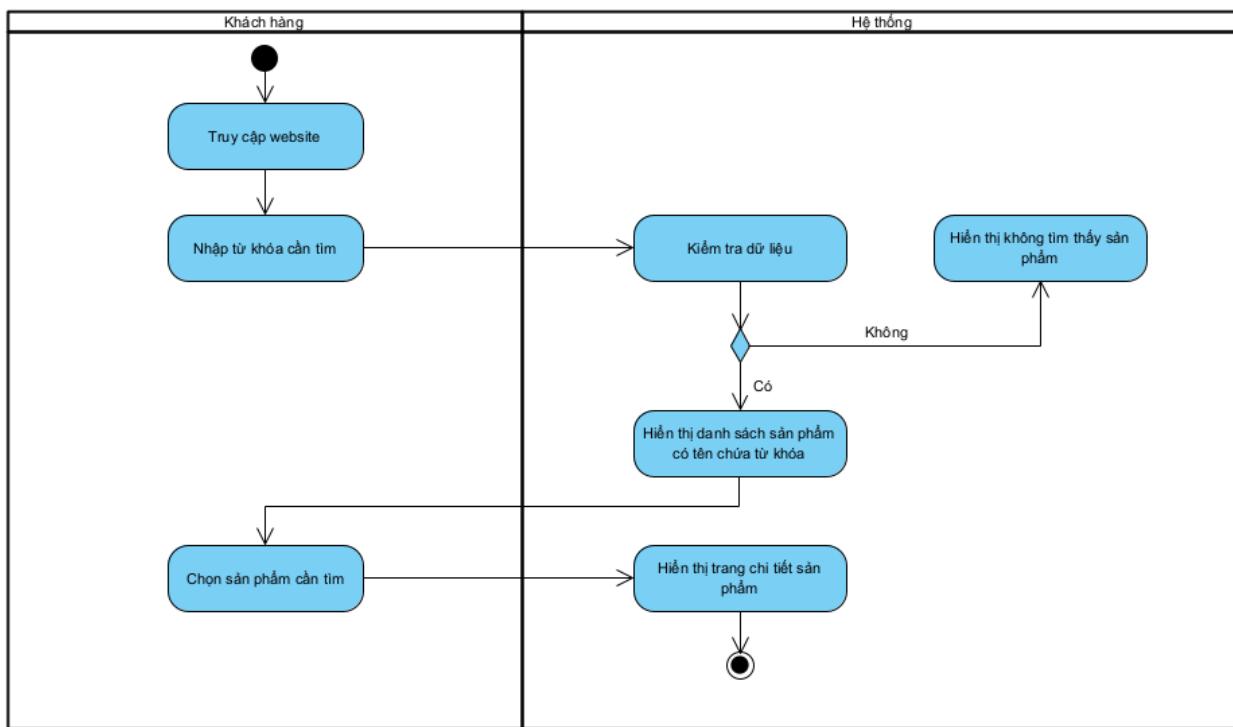
Hình 16. Activity đăng ký

6.2.3. Activity Đăng xuất



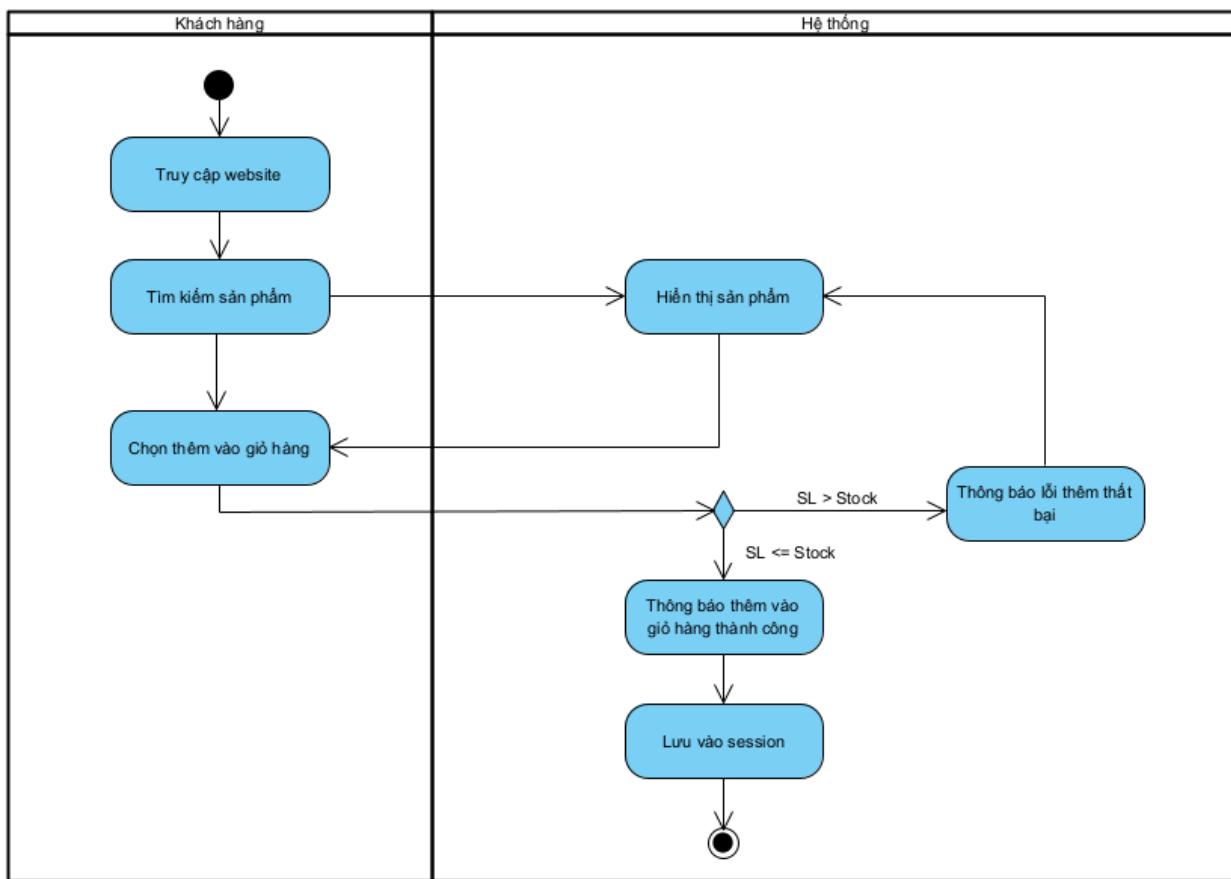
Hình 17. Activity Đăng xuất

6.2.4. Activity Tìm kiếm sản phẩm



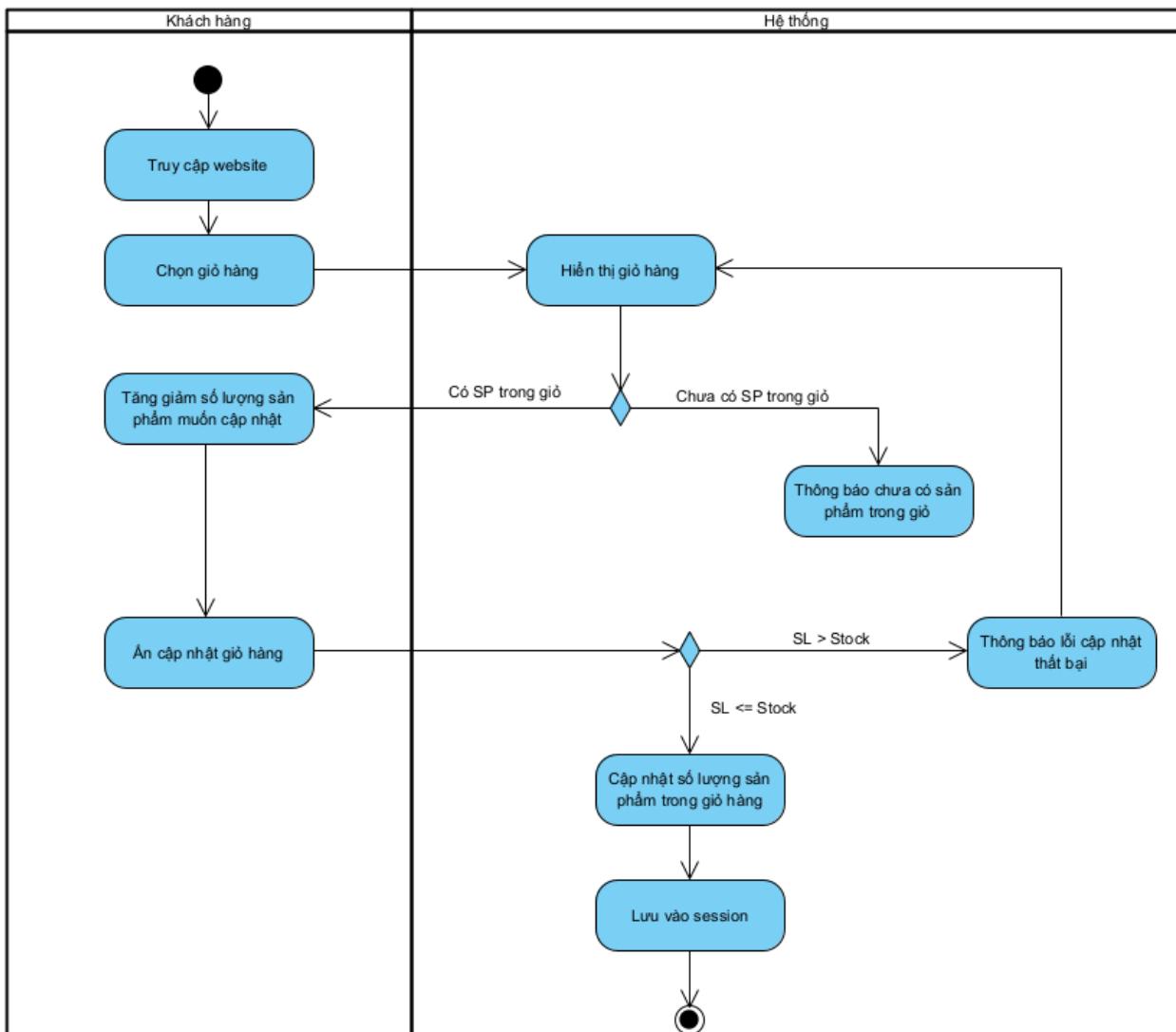
Hình 18. Activity Tìm kiếm sản phẩm

6.2.5. Activity Thêm sản phẩm vào giỏ hàng



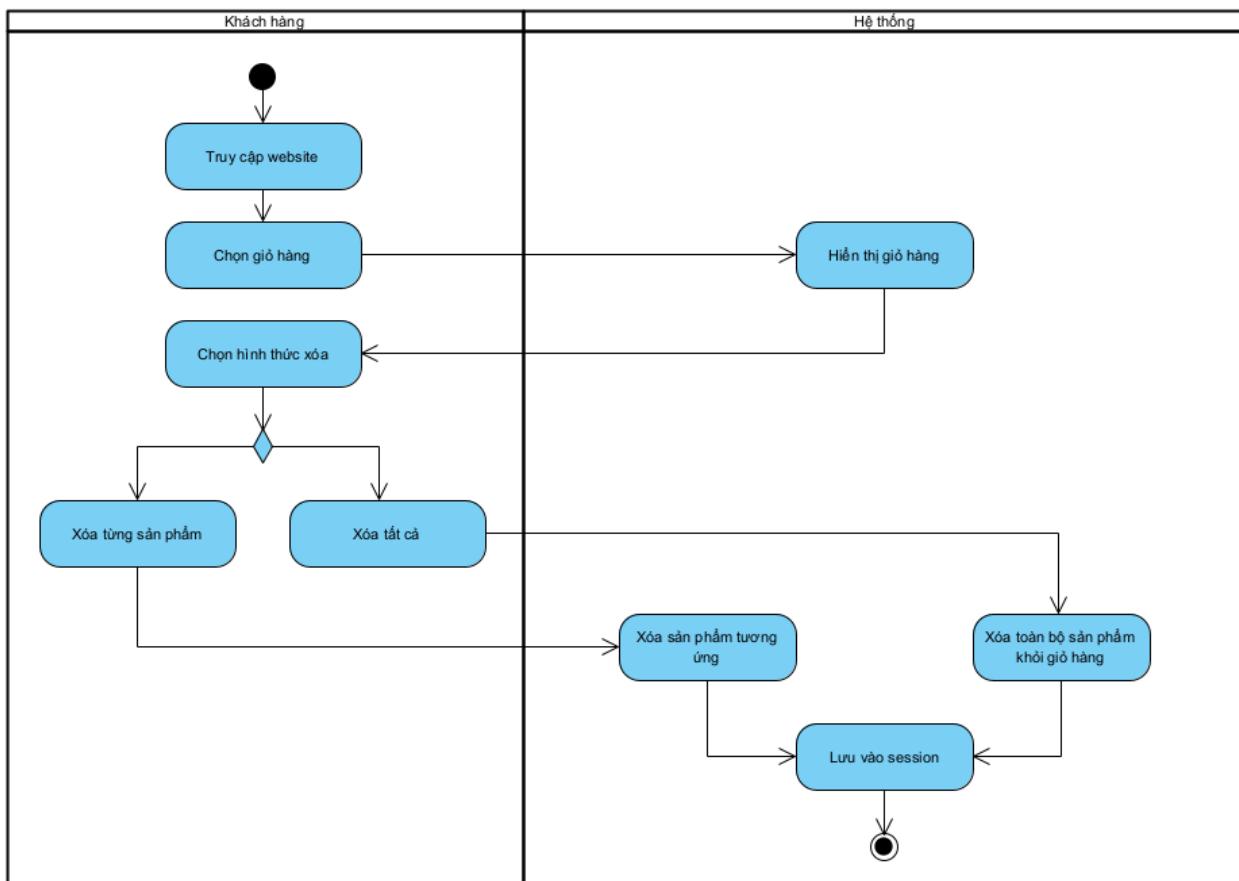
Hình 19. Activity Thêm sản phẩm vào giỏ hàng

6.2.6. Activity Cập nhật sản phẩm trong giỏ hàng



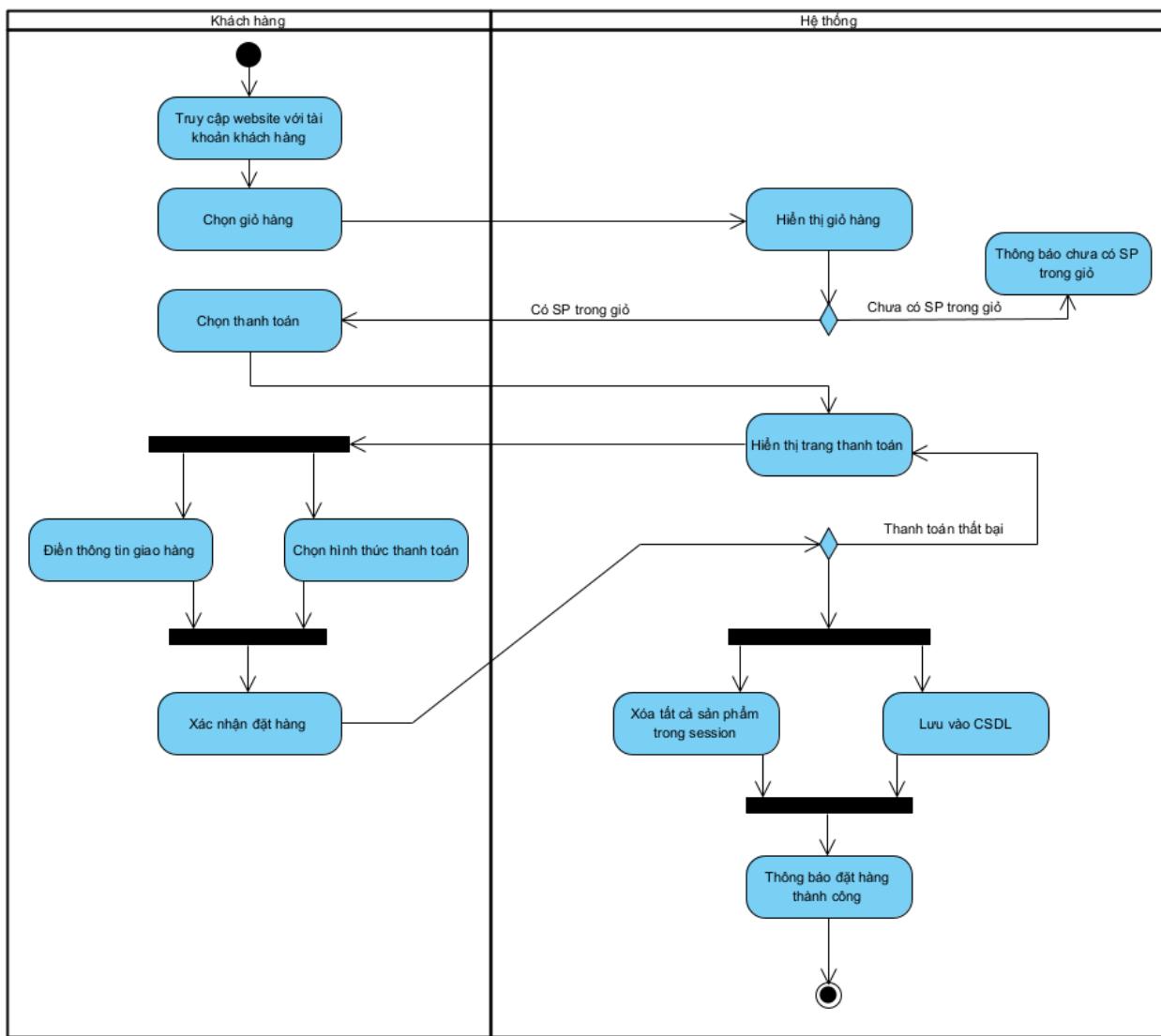
Hình 20. Activity Cập nhật sản phẩm trong giỏ hàng

6.2.7. Activity Xóa sản phẩm khỏi giỏ hàng



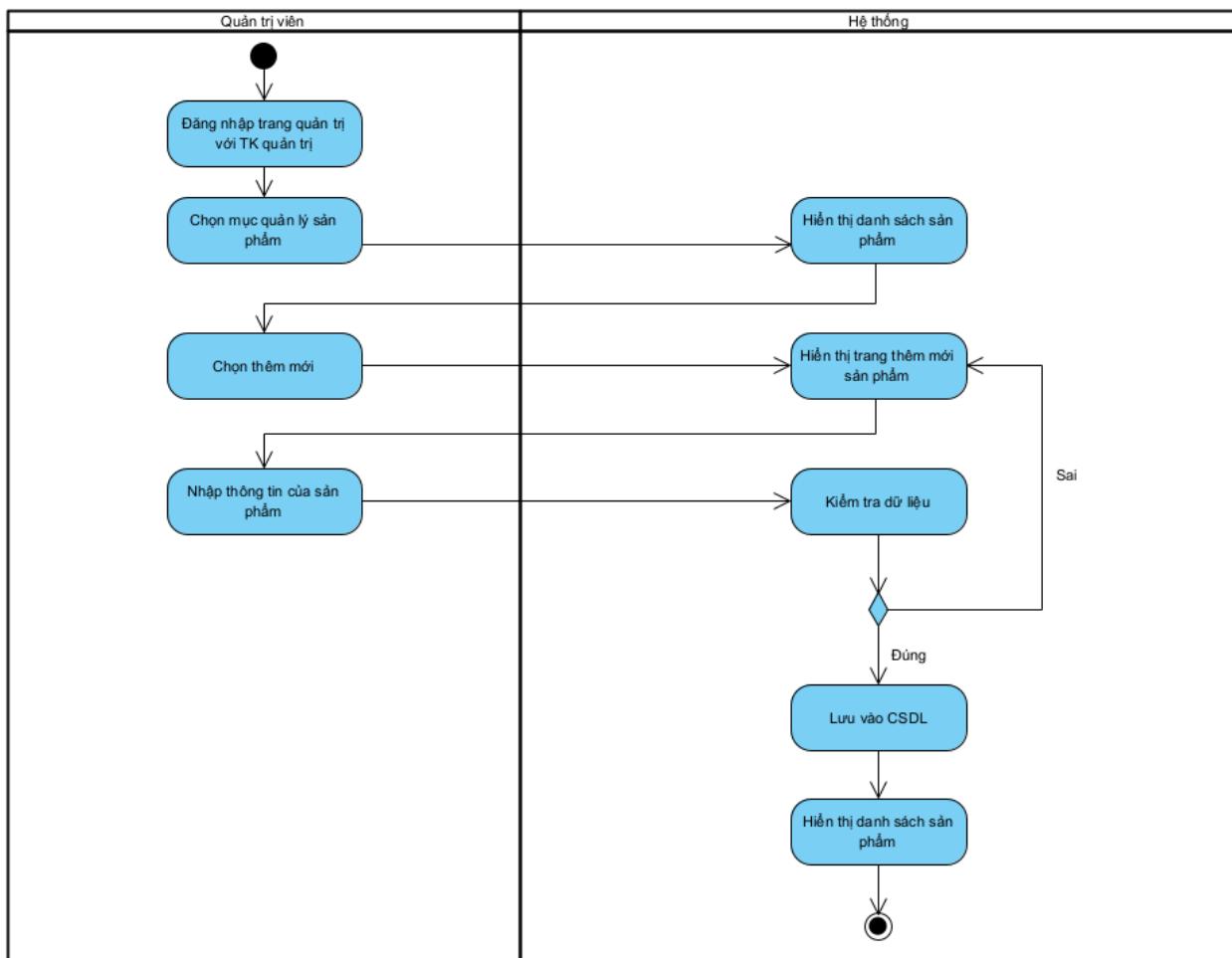
Hình 21. Activity Xóa sản phẩm khỏi giỏ hàng

6.2.8. Activity Đặt hàng



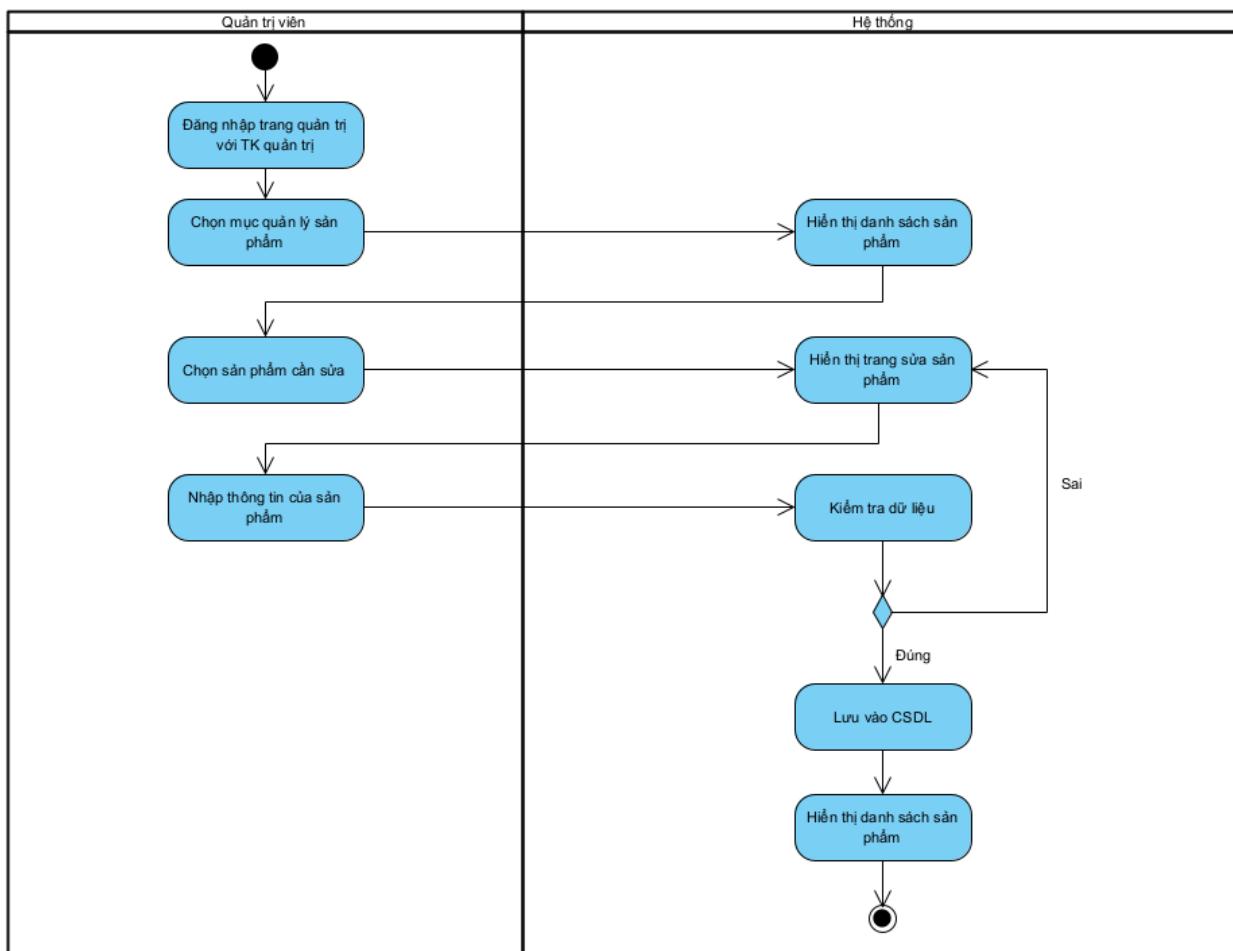
Hình 22. Activity Đặt hàng

6.2.9. Activity Thêm mới sản phẩm



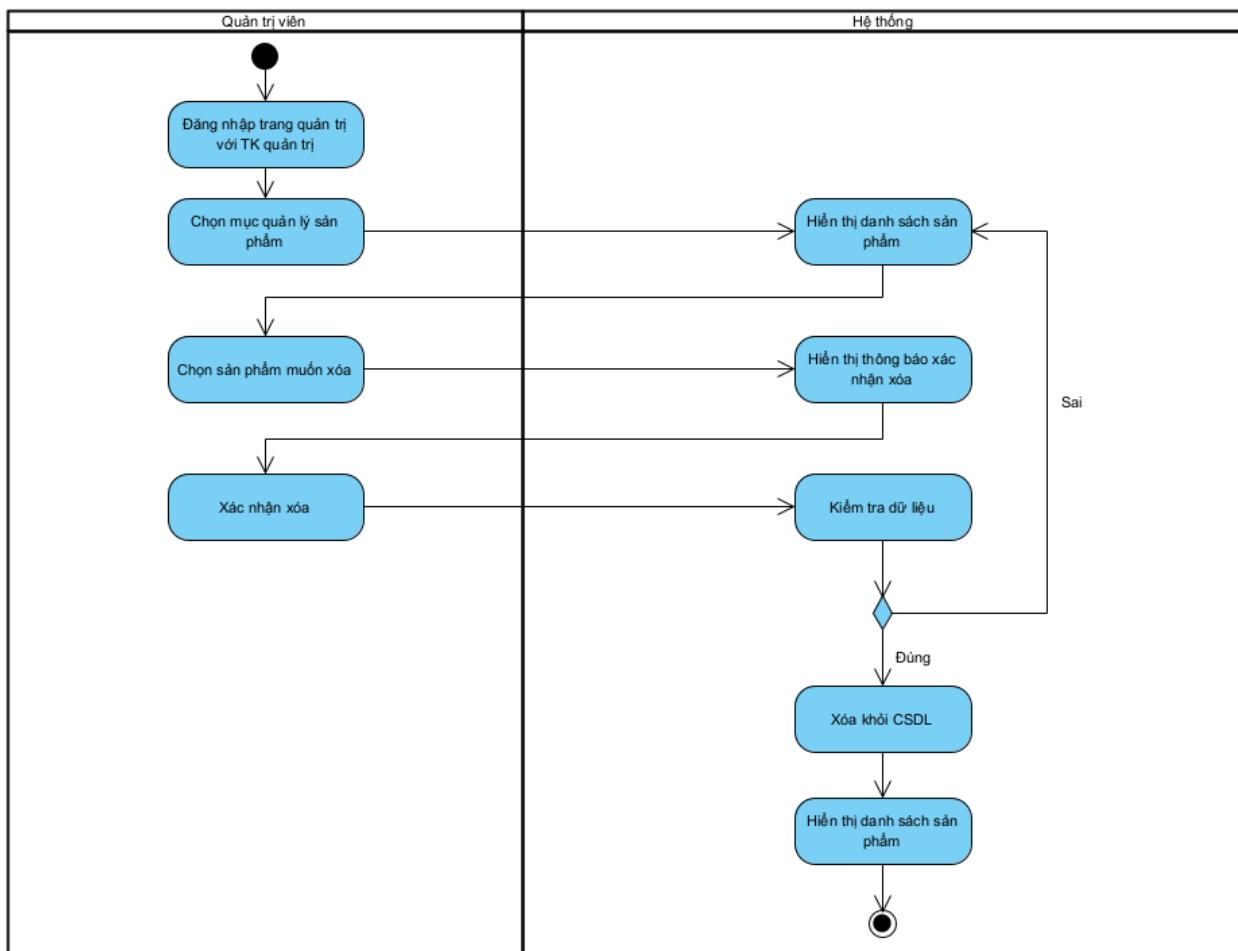
Hình 23. Activity Thêm mới sản phẩm

6.2.10. Activity Cập nhật sản phẩm



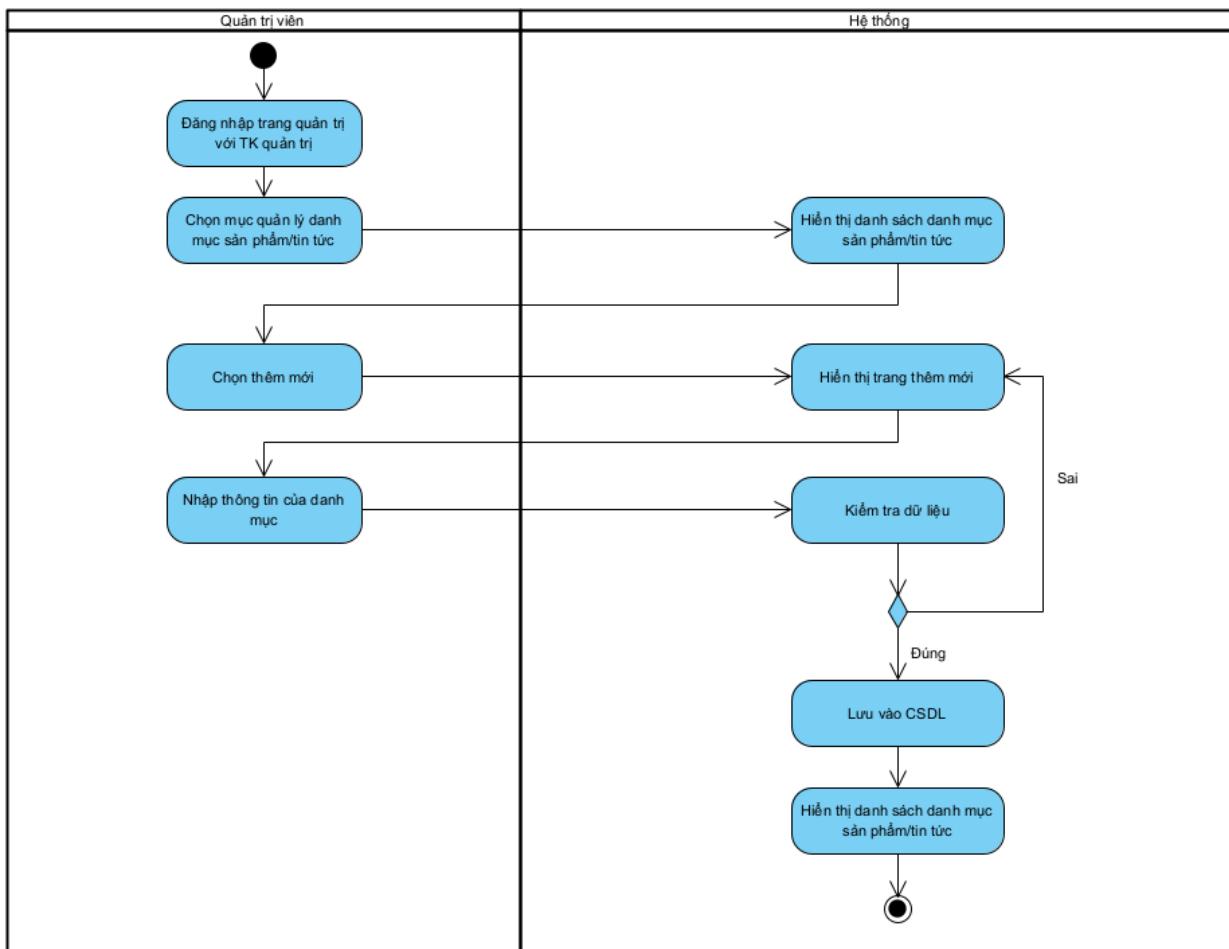
Hình 24. Activity Cập nhật sản phẩm

6.2.11. Activity Xóa sản phẩm



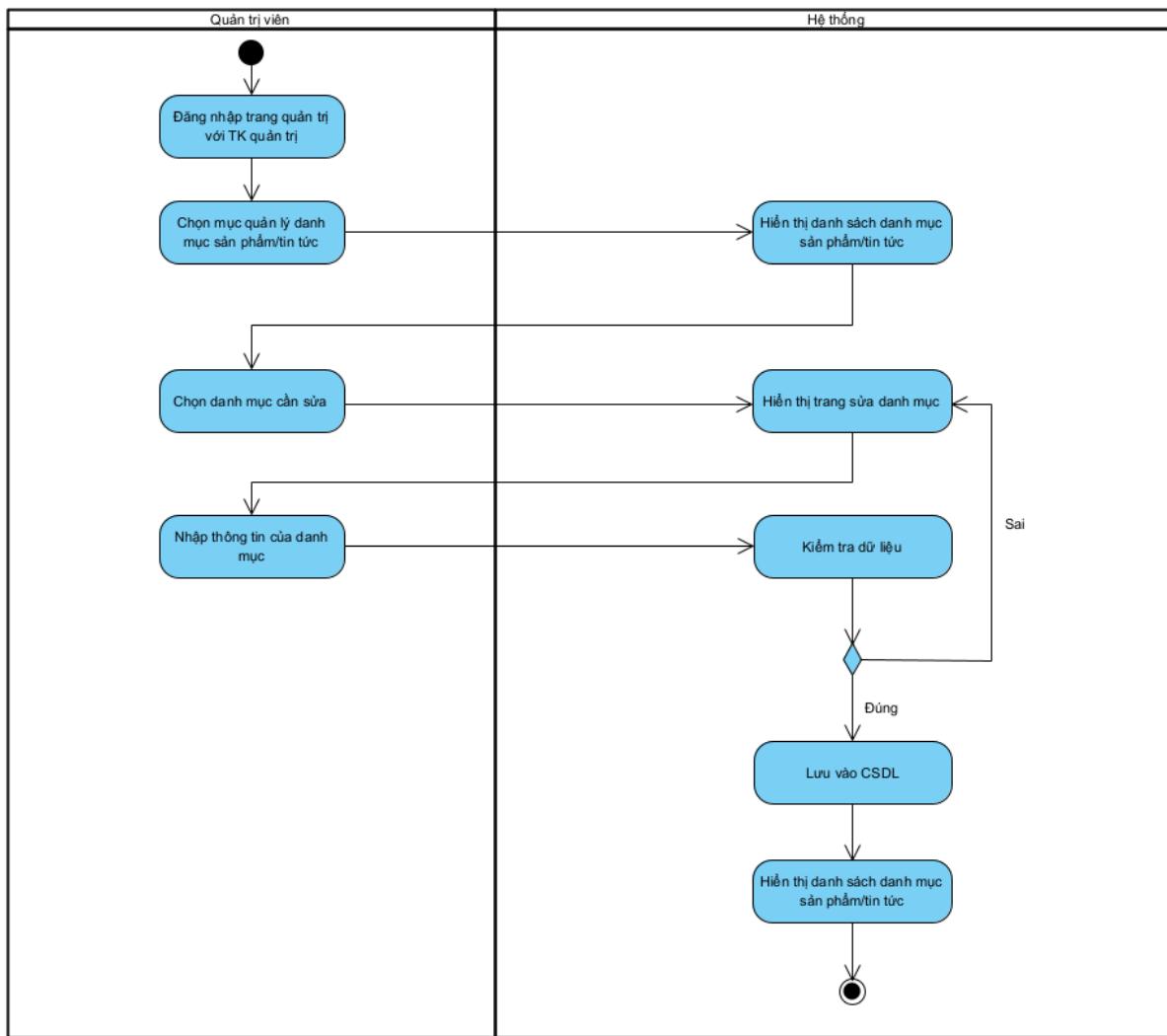
Hình 25. Activity Xóa sản phẩm

6.2.12. Activity Thêm mới danh mục



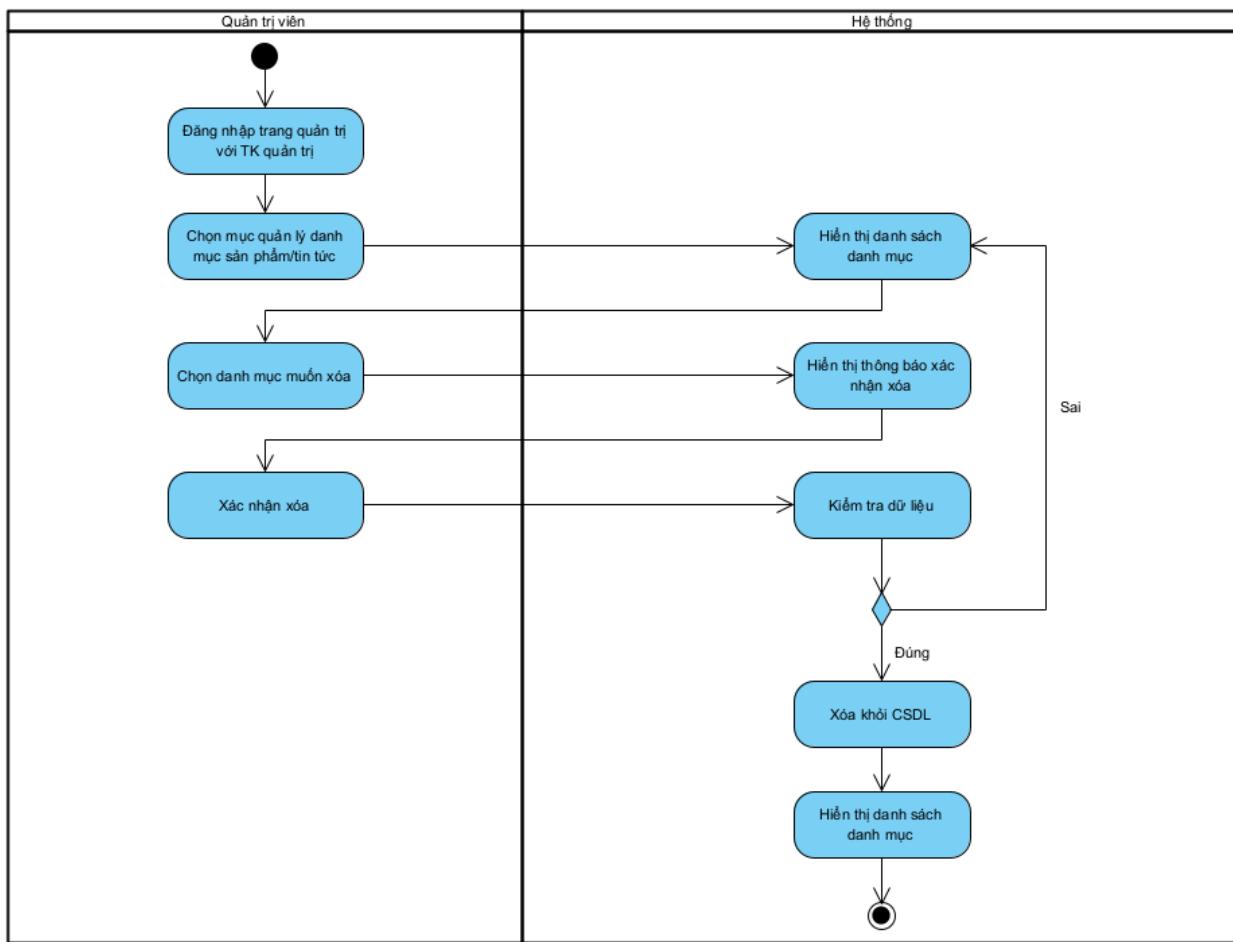
Hình 26. Activity Thêm mới danh mục

6.2.13. Activity Cập nhật danh mục



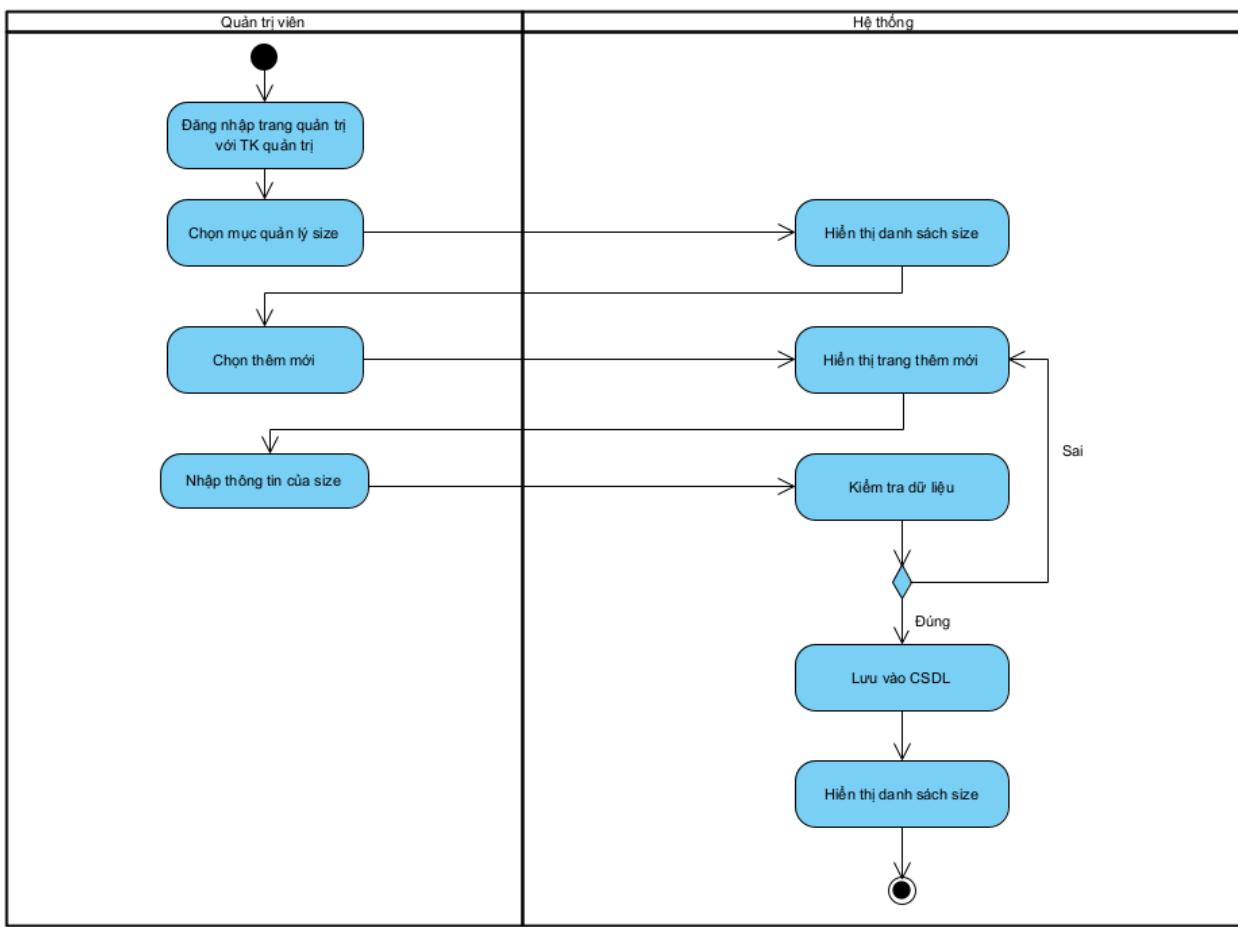
Hình 27. Activity Cập nhật danh mục

6.2.14. Activity Xóa danh mục



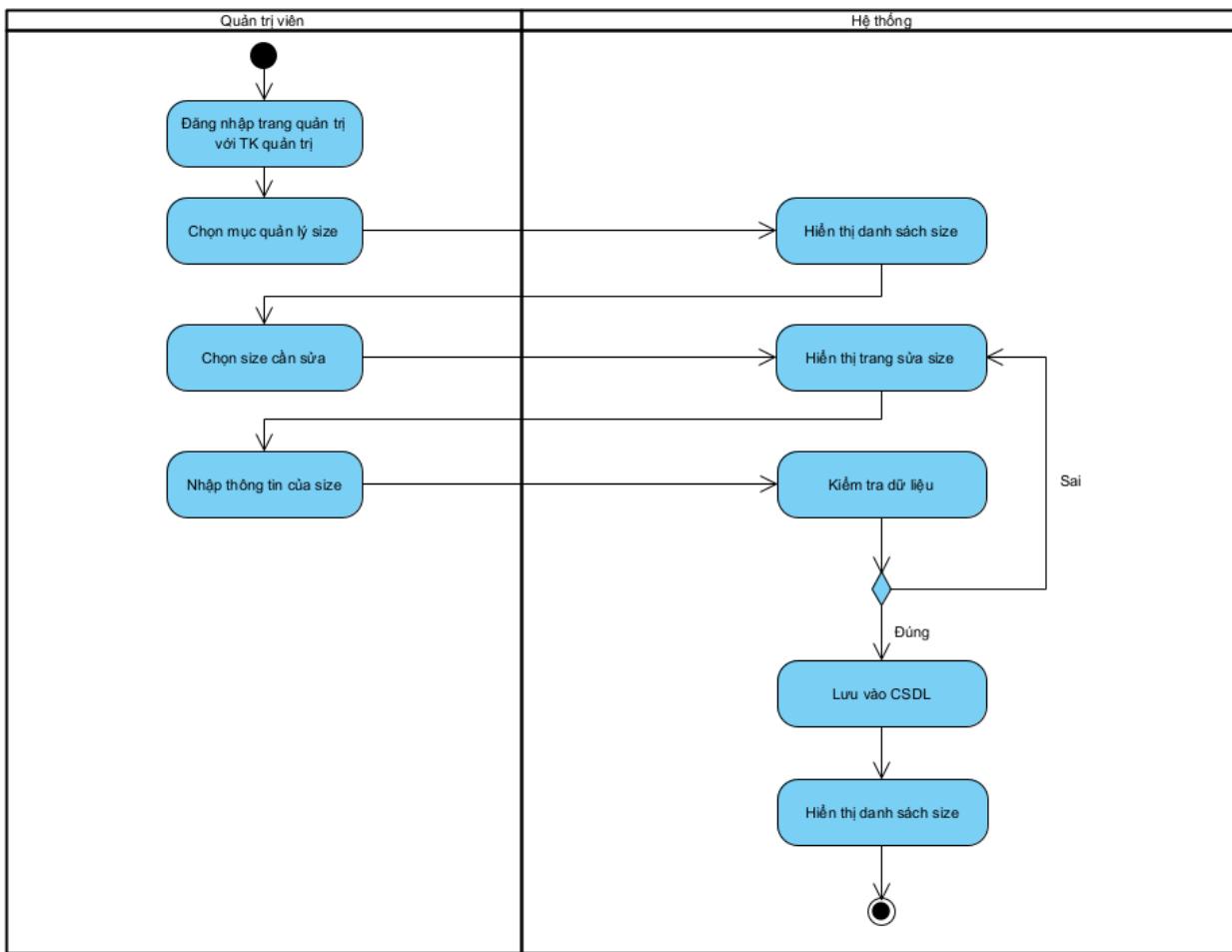
Hình 28. Activity Xóa danh mục

6.2.15. Activity Thêm mới size



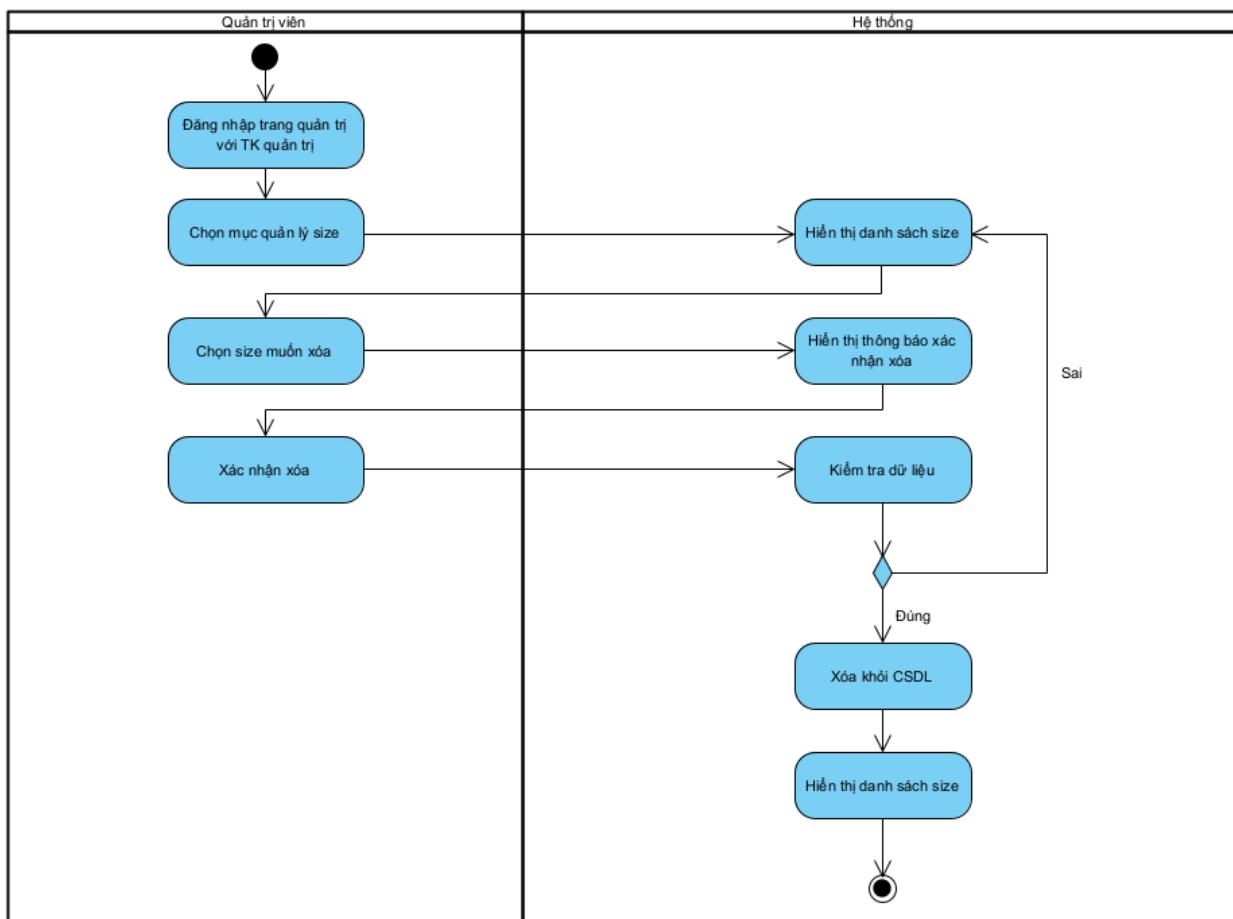
Hình 29. Activity Thêm mới size

6.2.16. Activity Cập nhật size



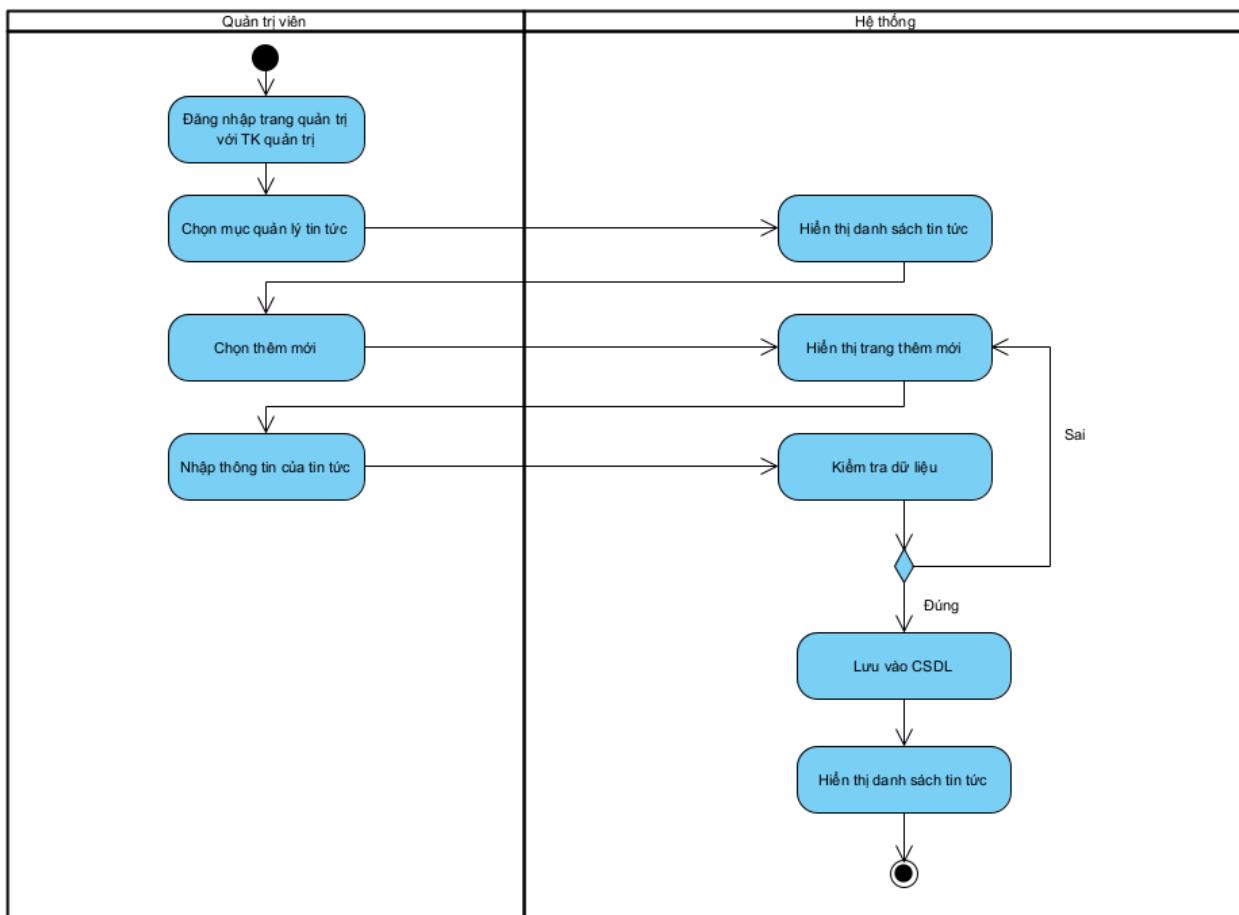
Hình 30. Activity Cập nhật size

6.2.17. Activity Xóa size



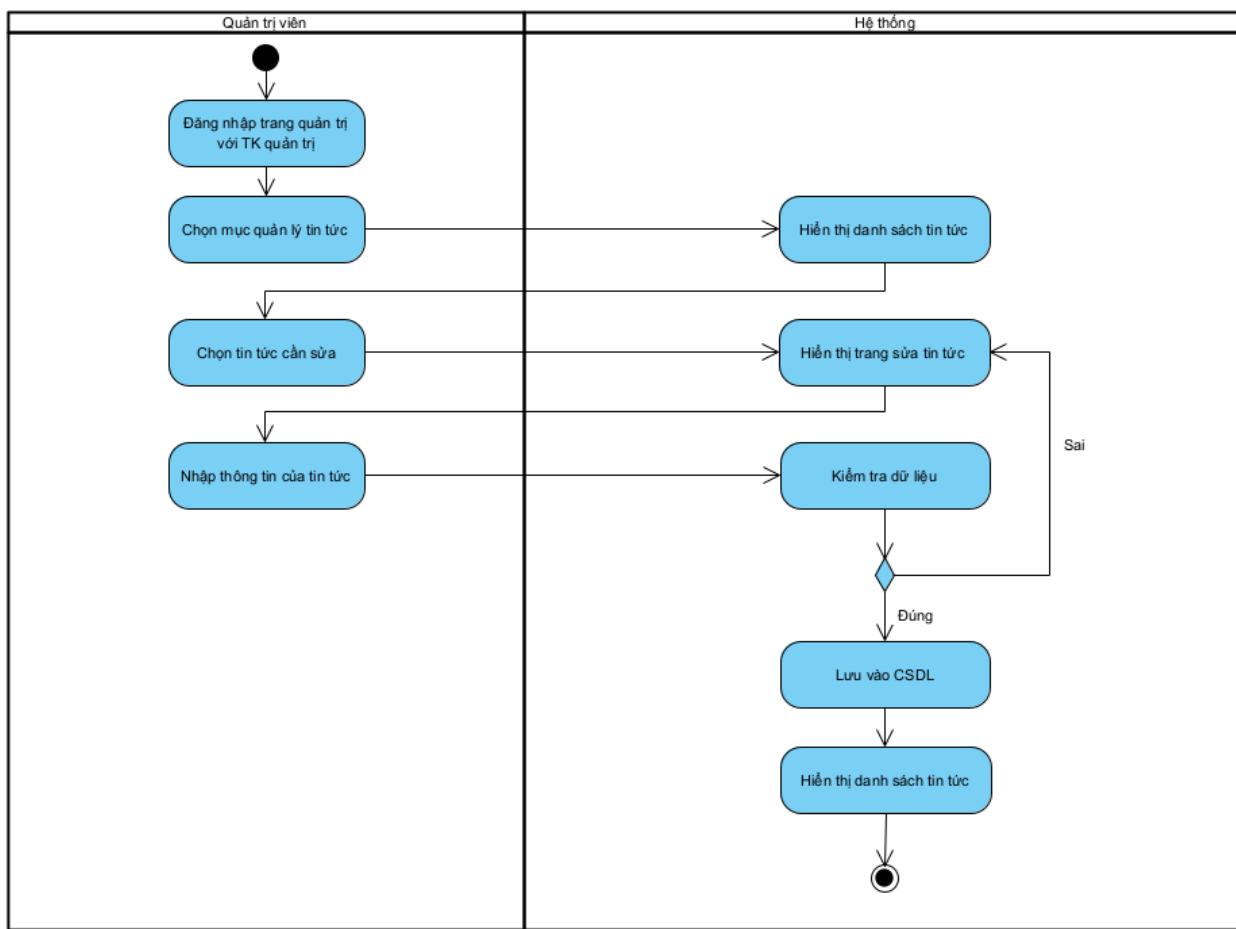
Hình 31. Activity Xóa size

6.2.18. Activity Thêm mới tin tức



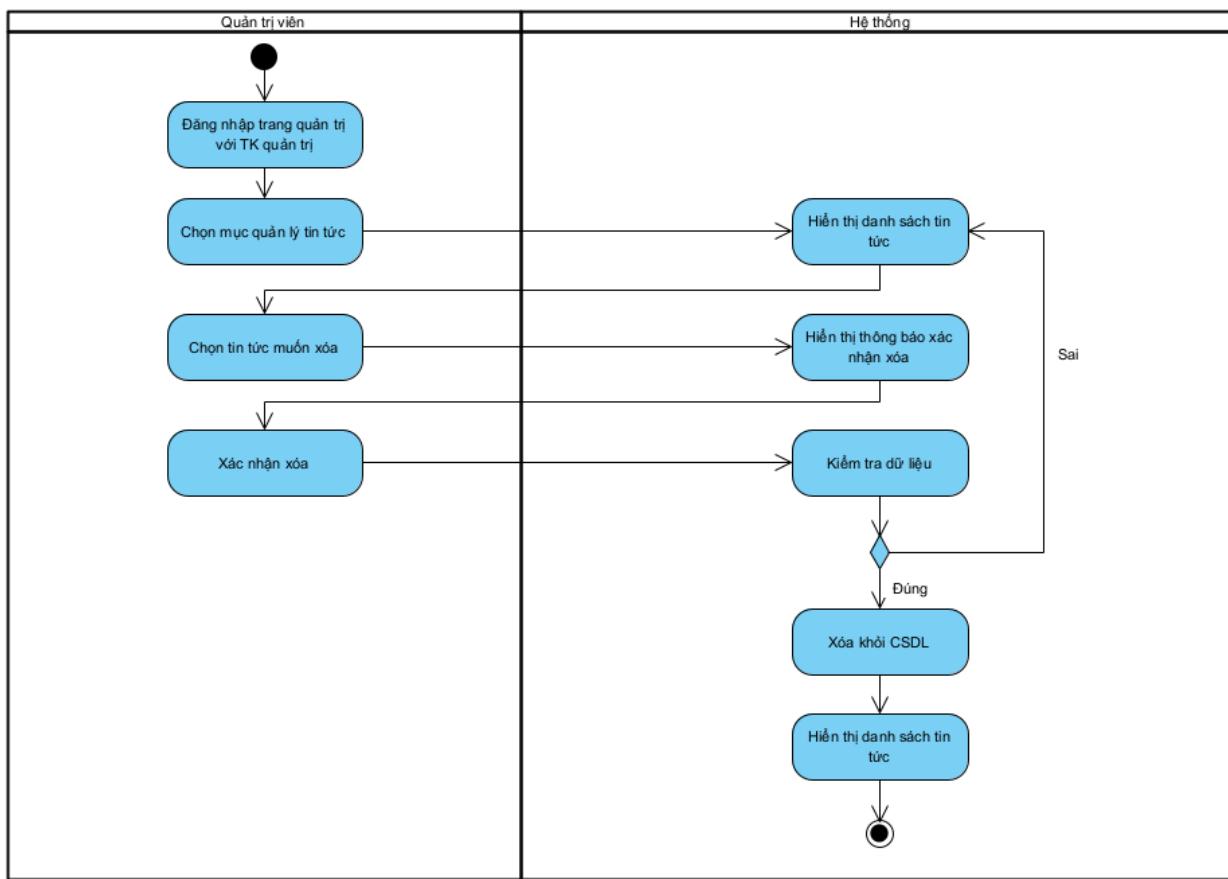
Hình 32. Activity Thêm mới tin tức

6.2.19. Activity Cập nhật tin tức



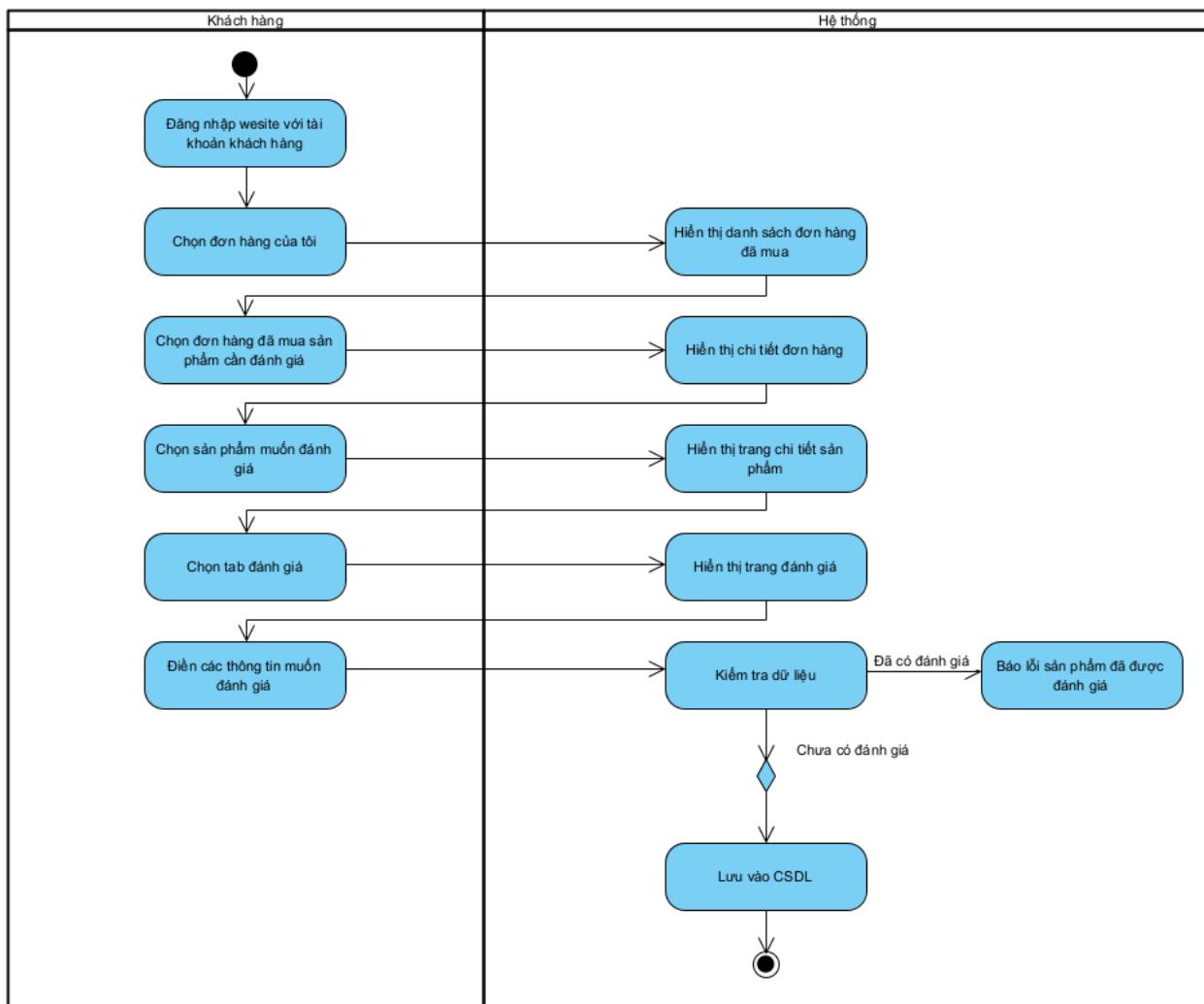
Hình 33. Activity Cập nhật tin tức

6.2.20. Activity Xóa tin tức



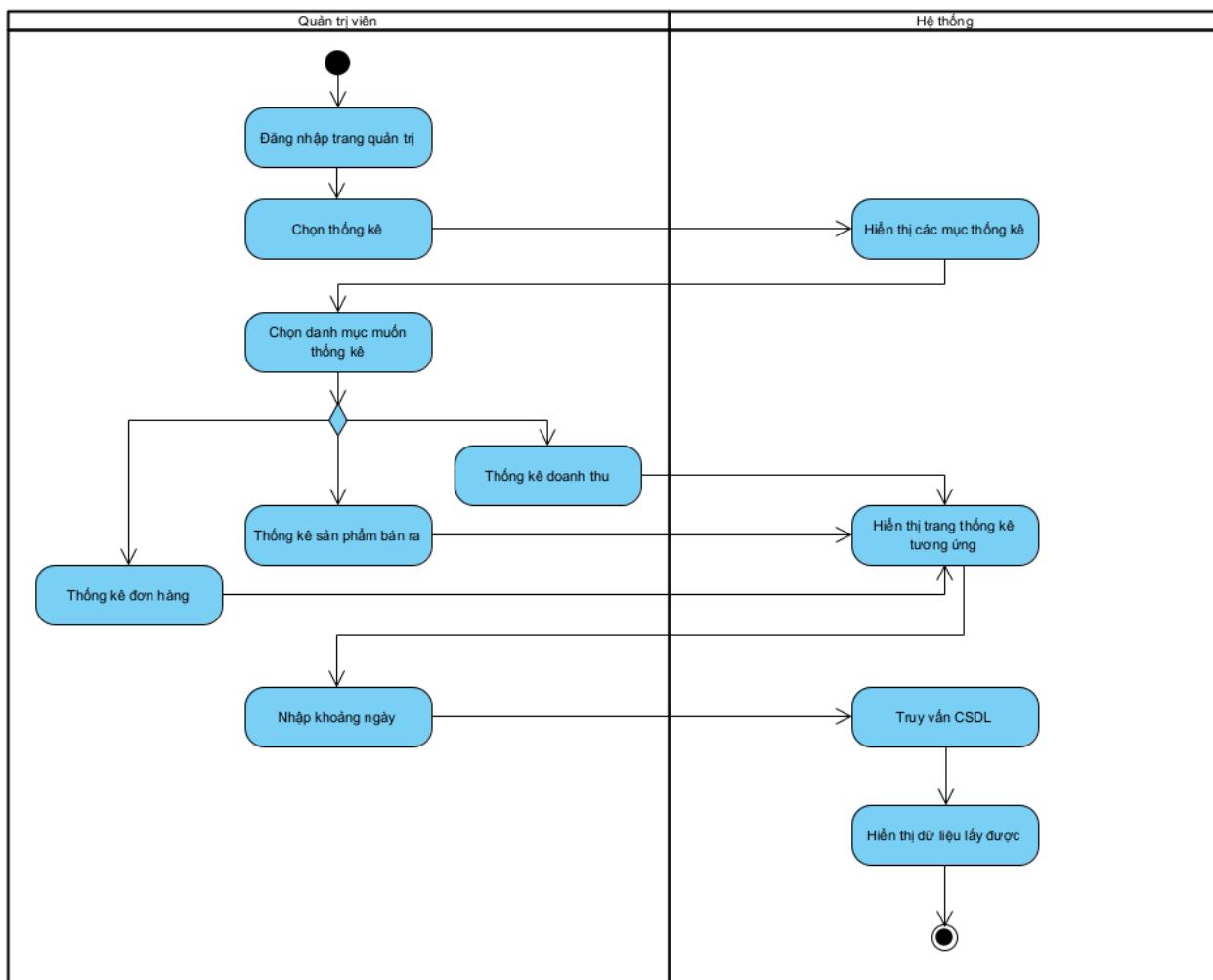
Hình 34. Activity Xóa tin tức

6.2.21. Activity Đánh giá



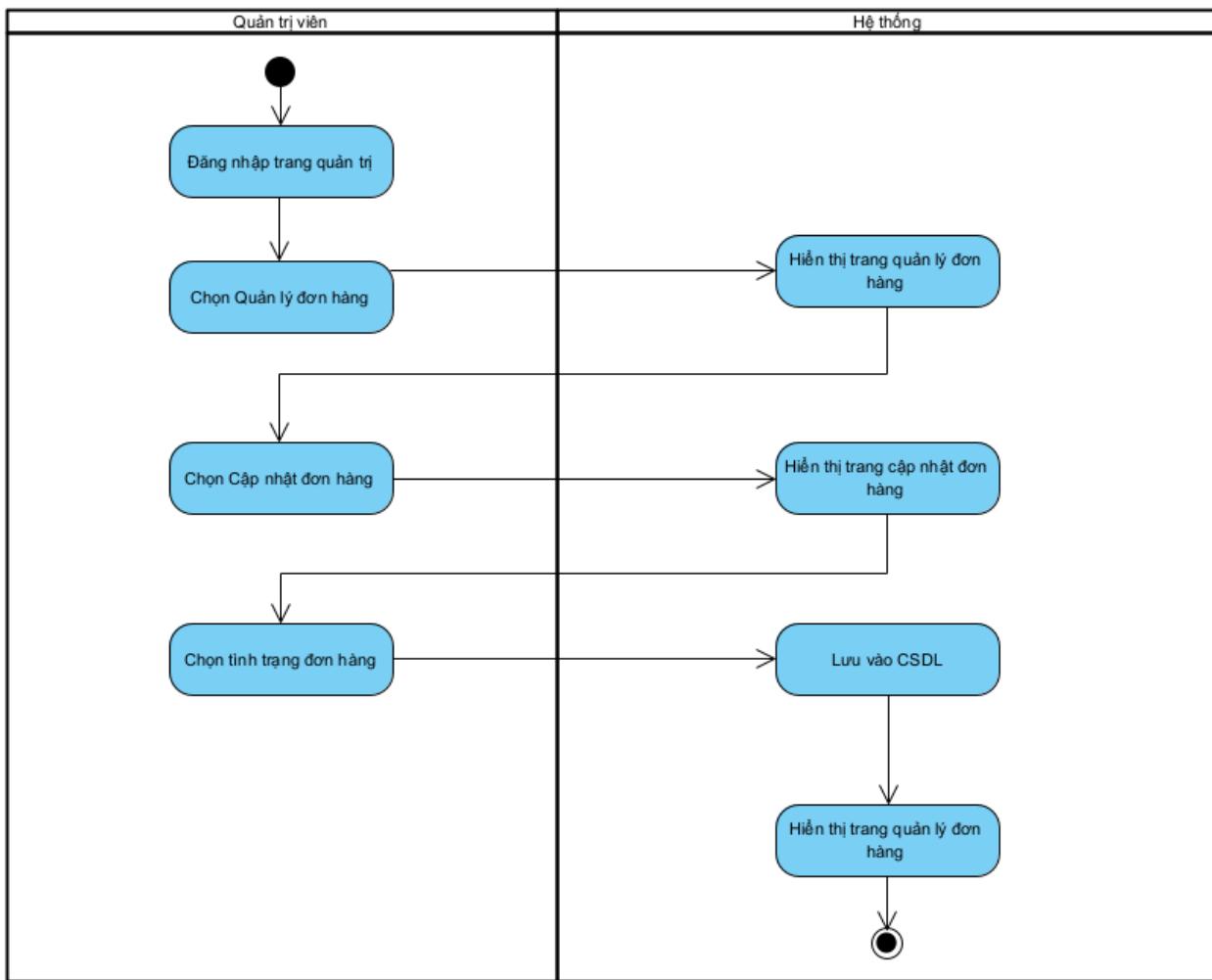
Hình 35. Activity Đánh giá

6.2.22. Activity Thống kê



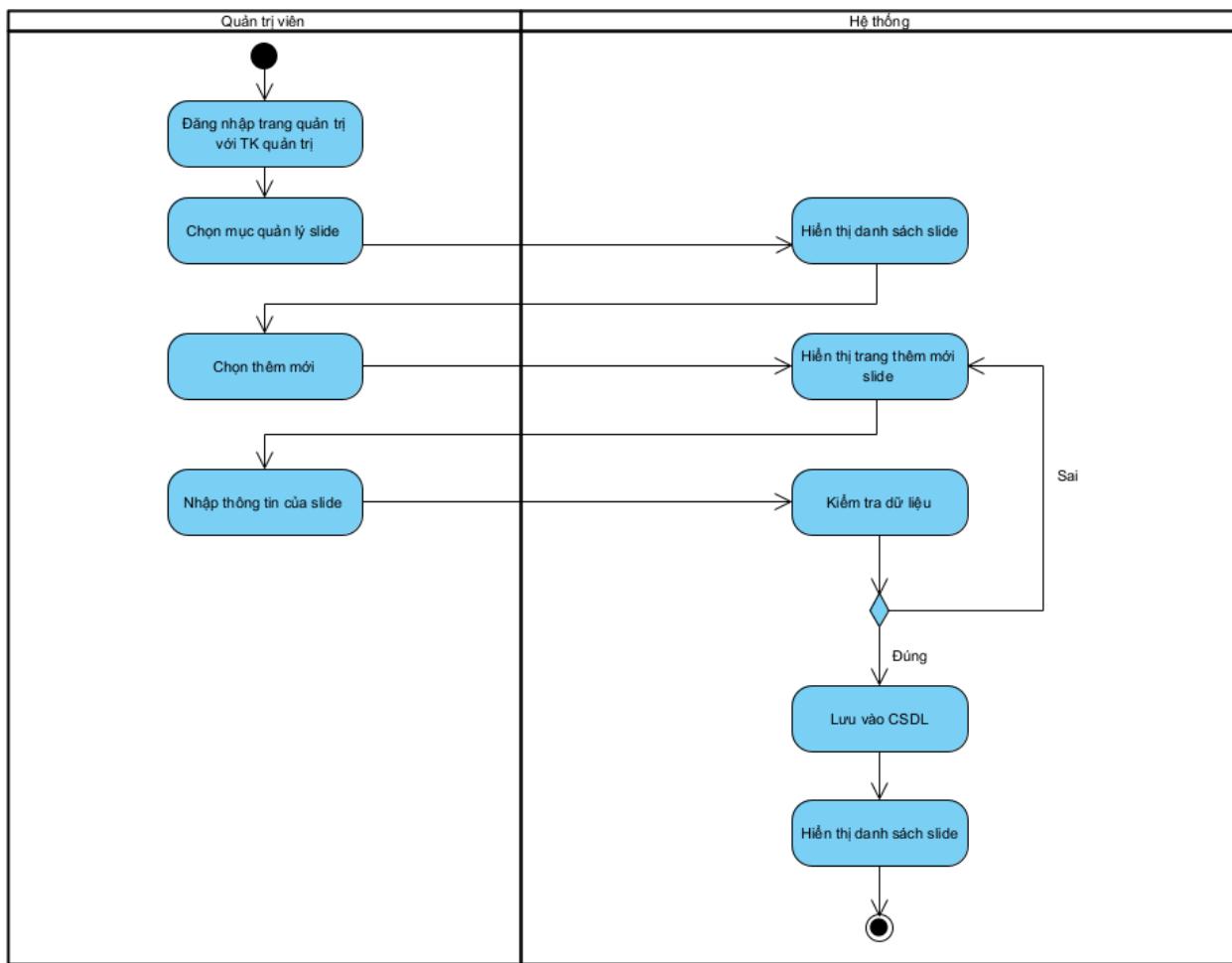
Hình 36. Activity Thống kê

6.2.23. Activity Quản lý đơn hàng



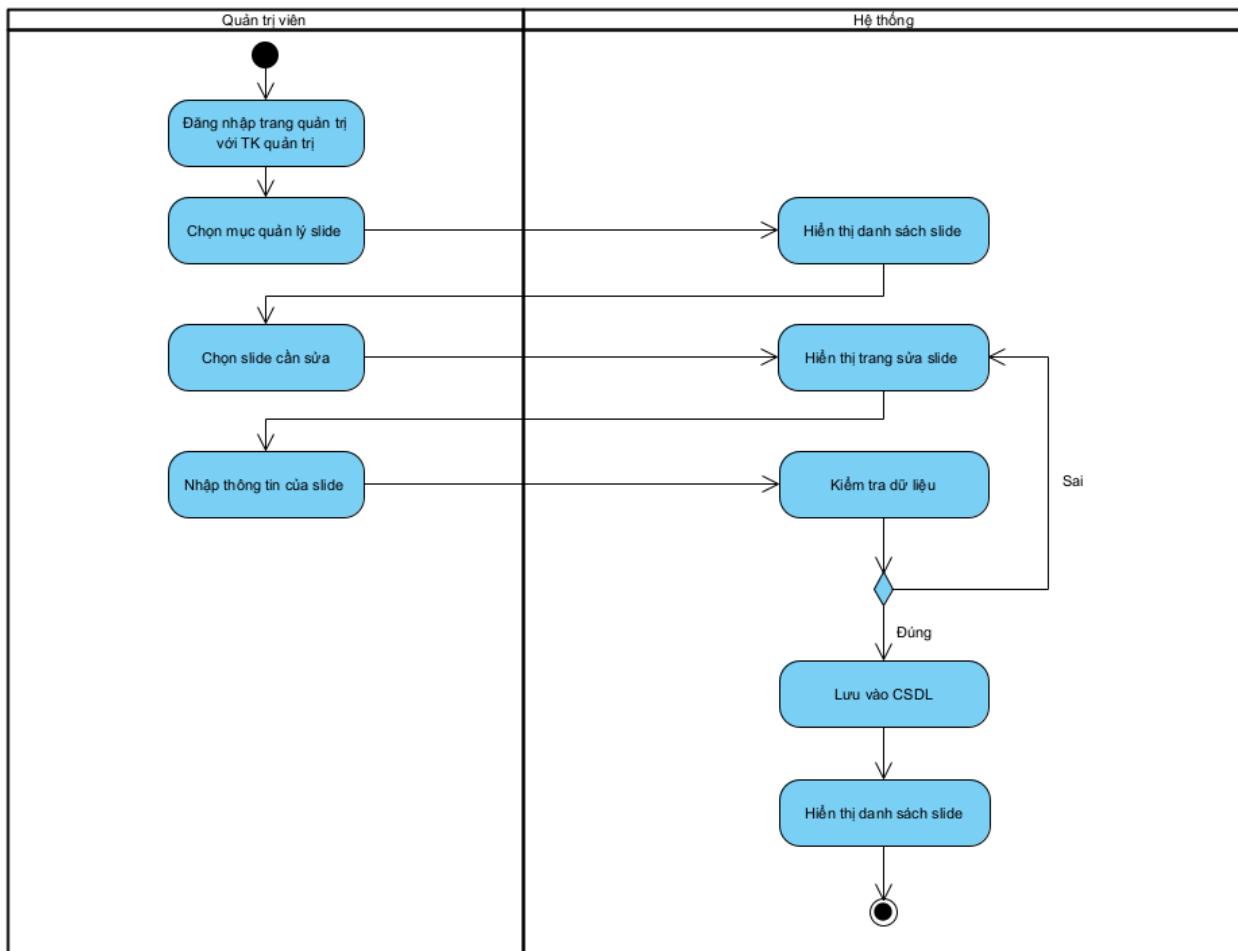
Hình 37. Activity Quản lý đơn hàng

6.2.24. Activity Thêm mới slide



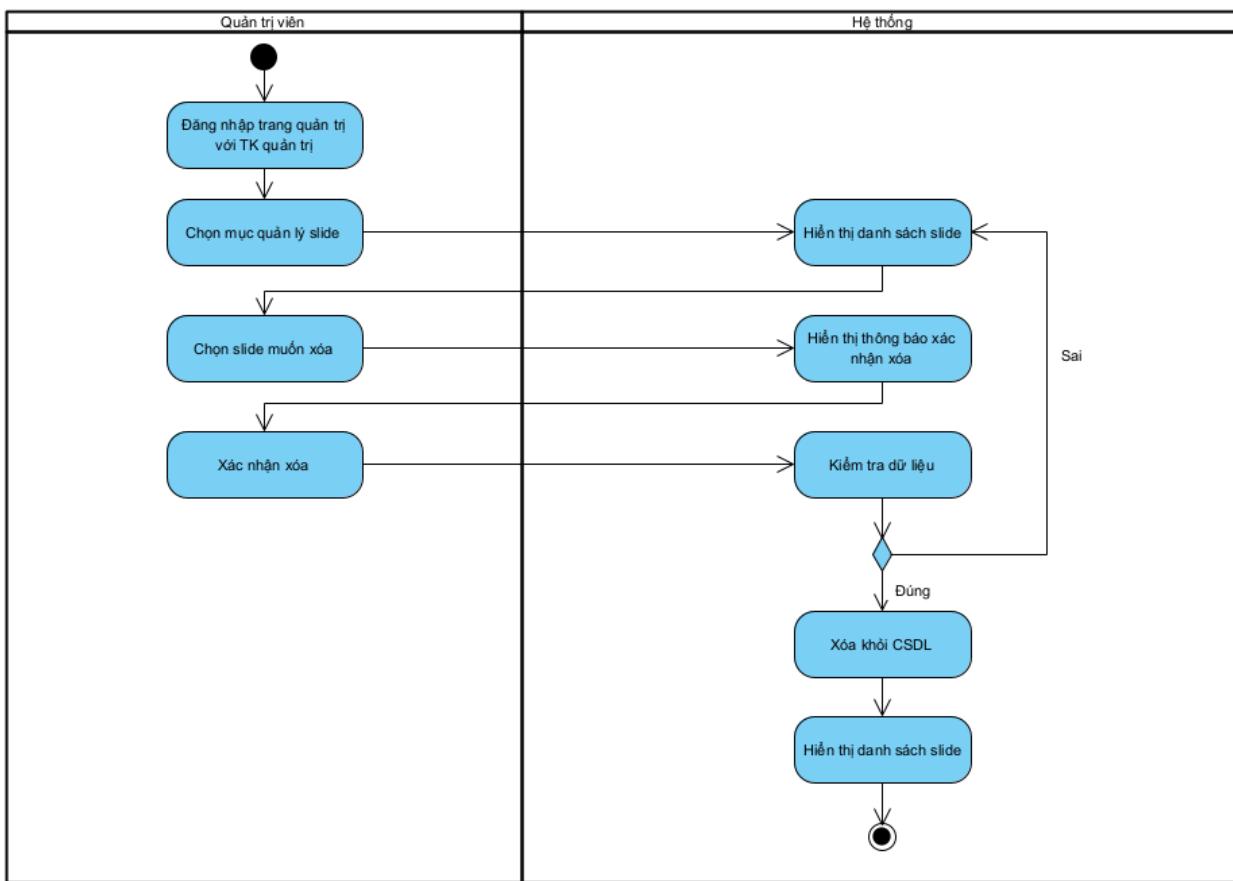
Hình 38. Activity Thêm mới slide

6.2.25. Activity Cập nhật slide



Hình 39. Activity Cập nhật slide

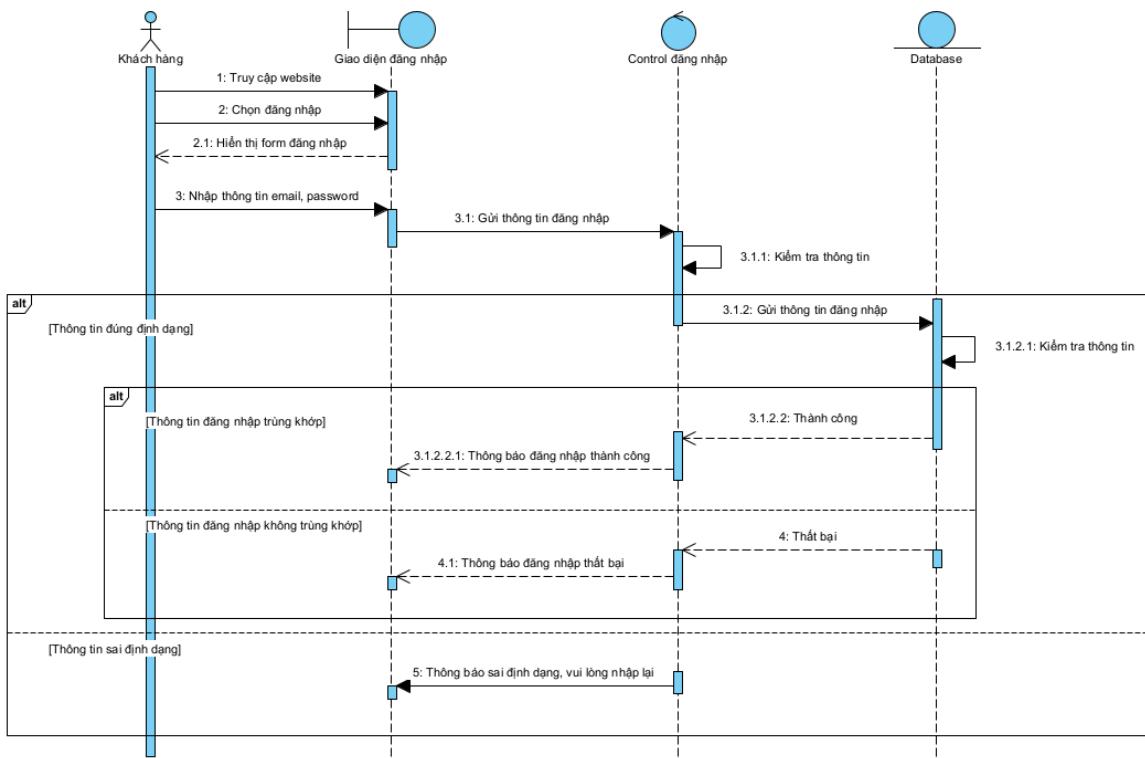
6.2.26. Activity Xóa slide



Hình 40. Activity Xóa slide

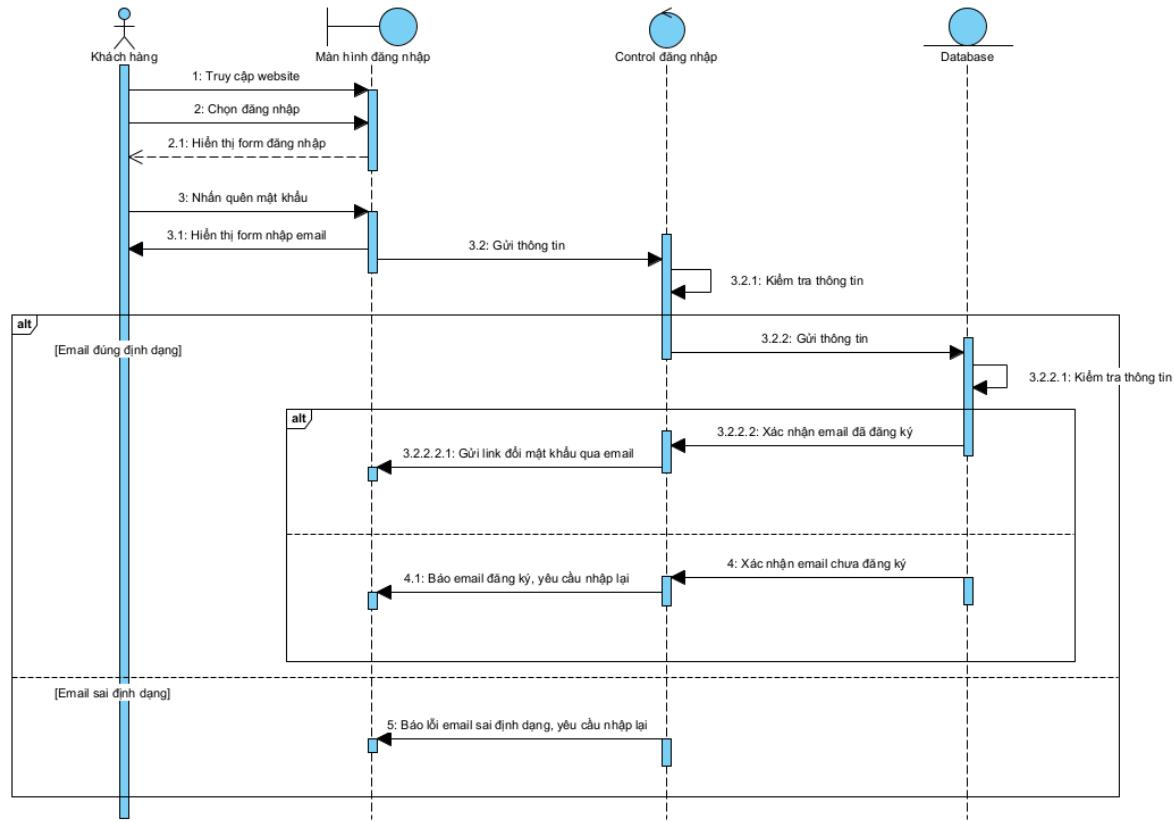
6.3. Biểu đồ Sequence

6.3.1. Sequence Đăng nhập



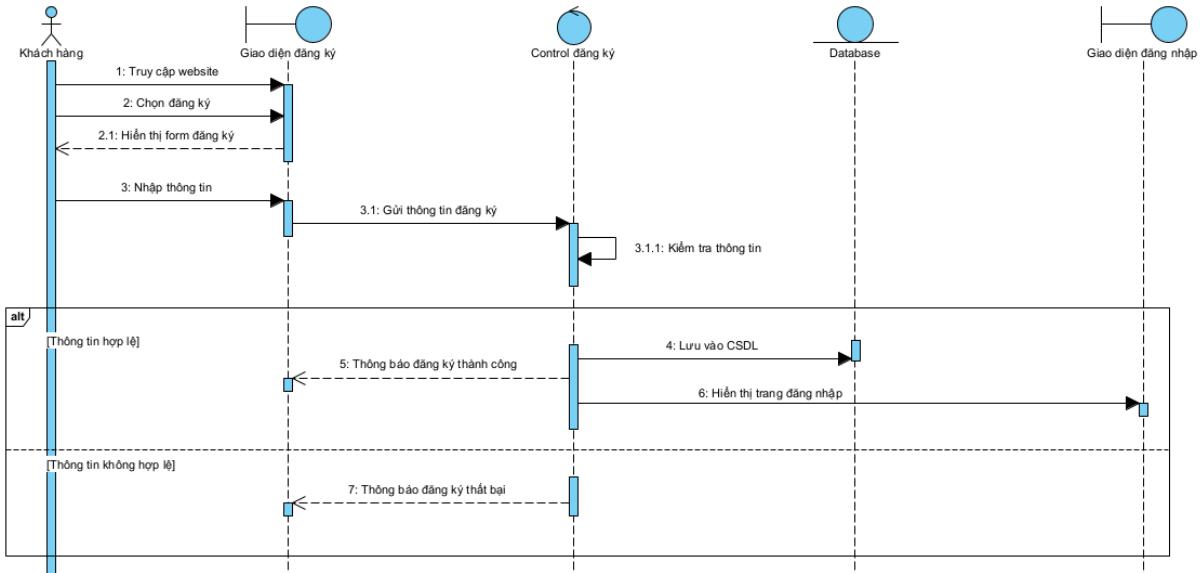
Hình 41. Sequence Đăng nhập

6.3.2. Sequence Quên mật khẩu



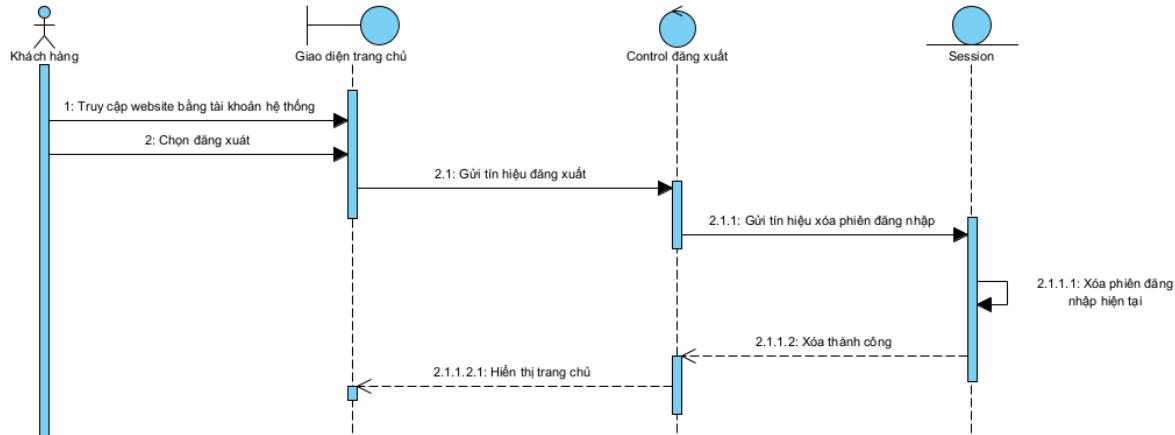
Hình 42. Sequence Quên mật khẩu

6.3.3. Sequence Đăng ký



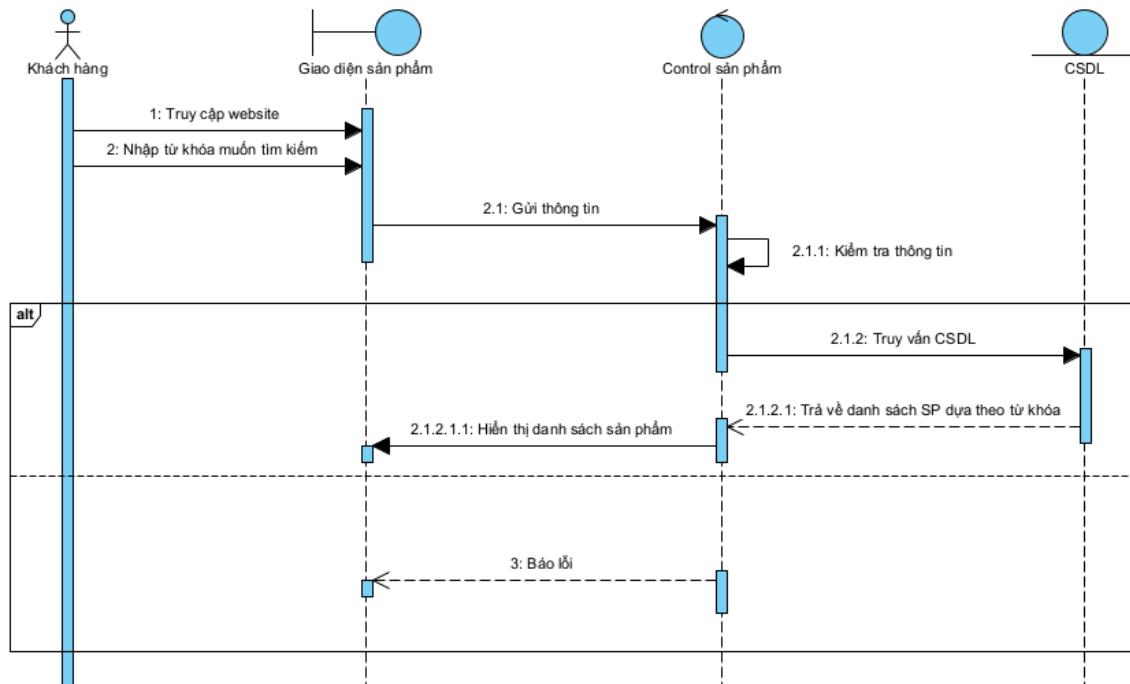
Hình 43. Sequence Đăng ký

6.3.4. Sequence Đăng xuất



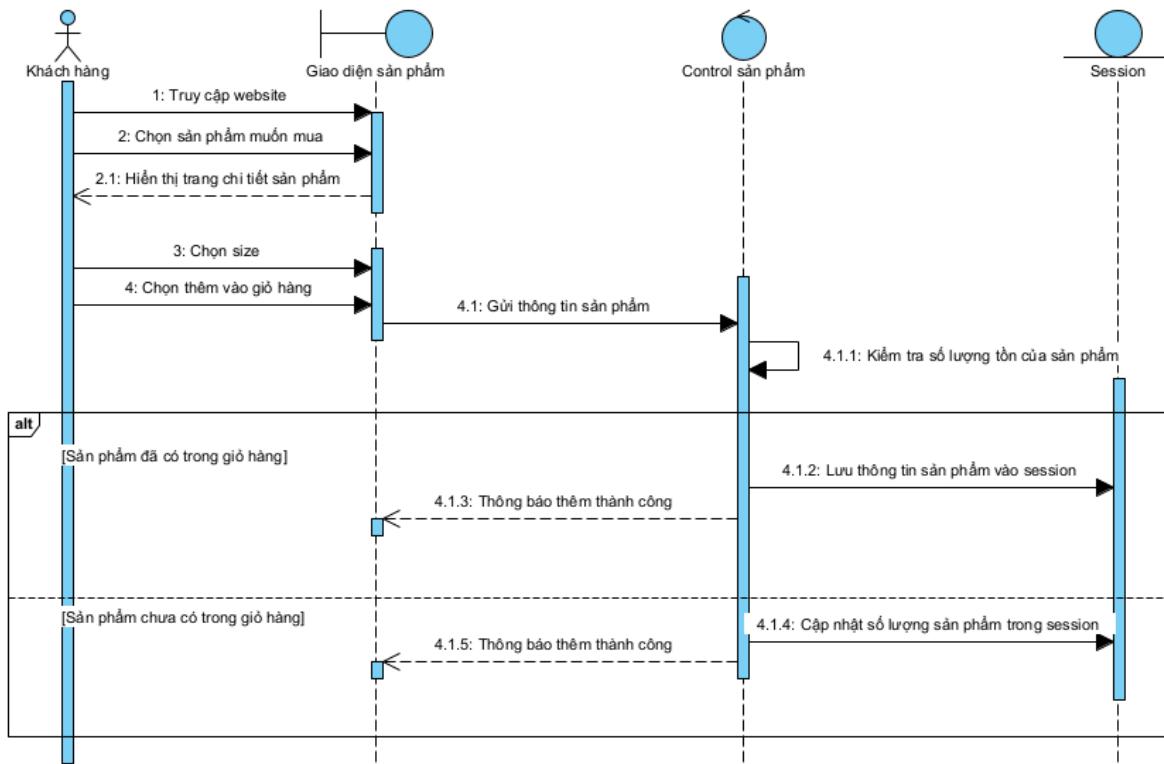
Hình 44. Sequence Đăng xuất

6.3.5. Sequence Tìm kiếm sản phẩm



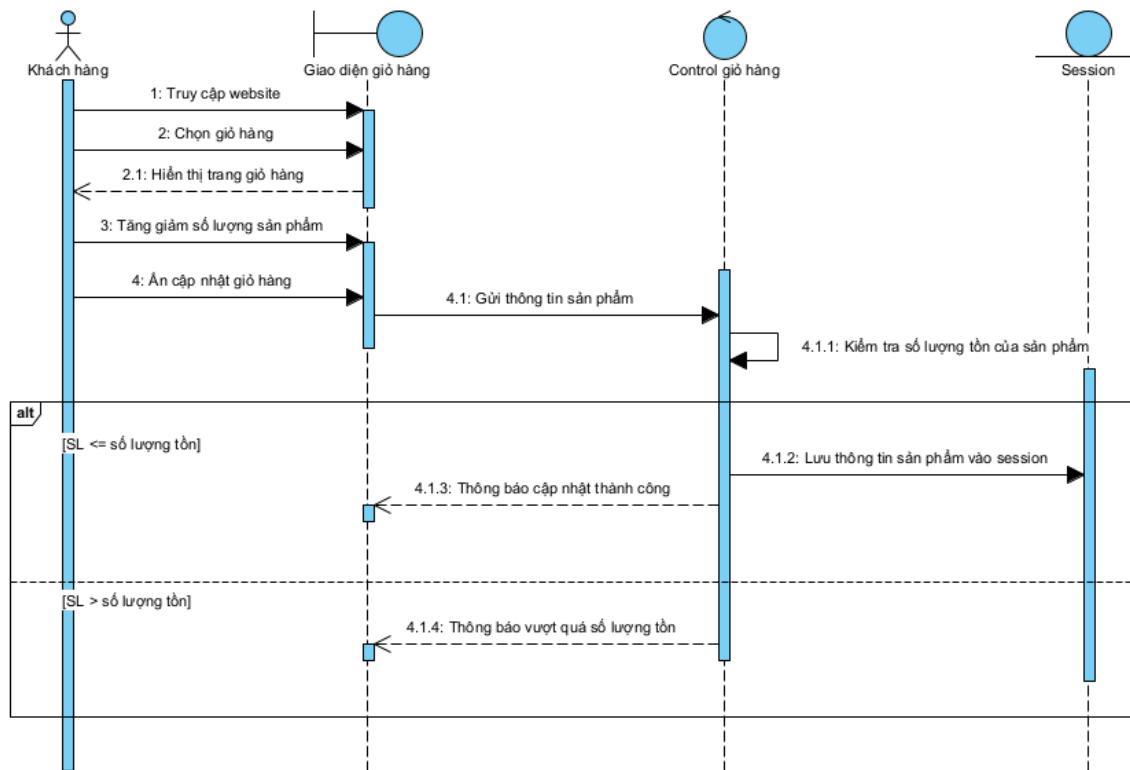
Hình 45. Sequence Tìm kiếm sản phẩm

6.3.6. Sequence Thêm sản phẩm vào giỏ hàng



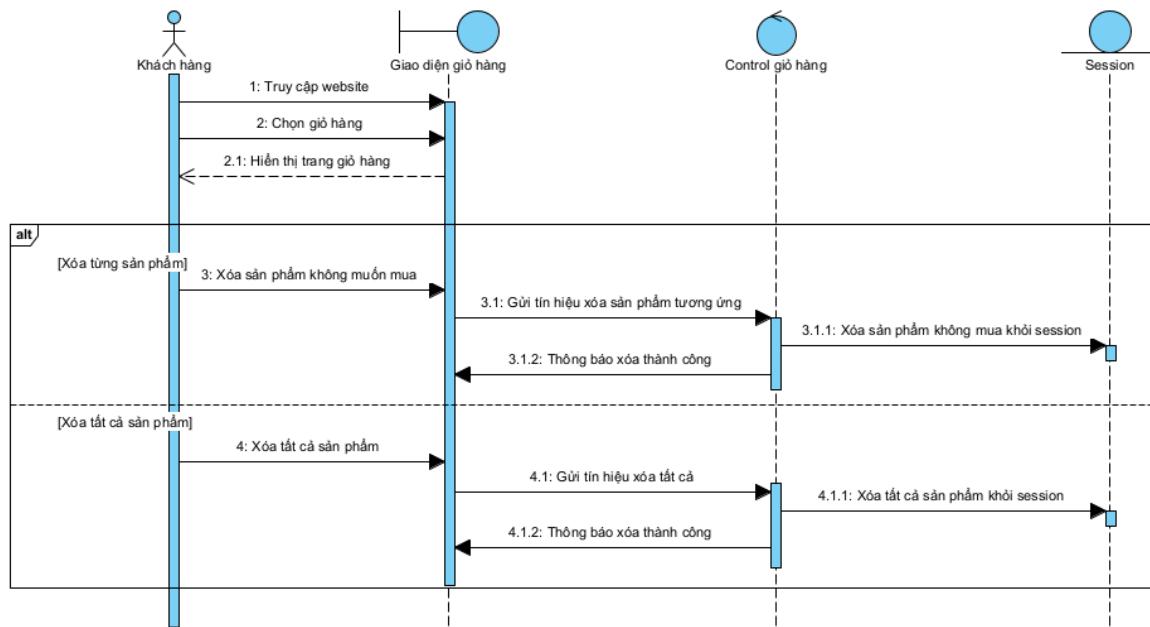
Hình 46. Sequence Thêm sản phẩm vào giỏ hàng

6.3.7. Sequence Cập nhật sản phẩm trong giỏ hàng



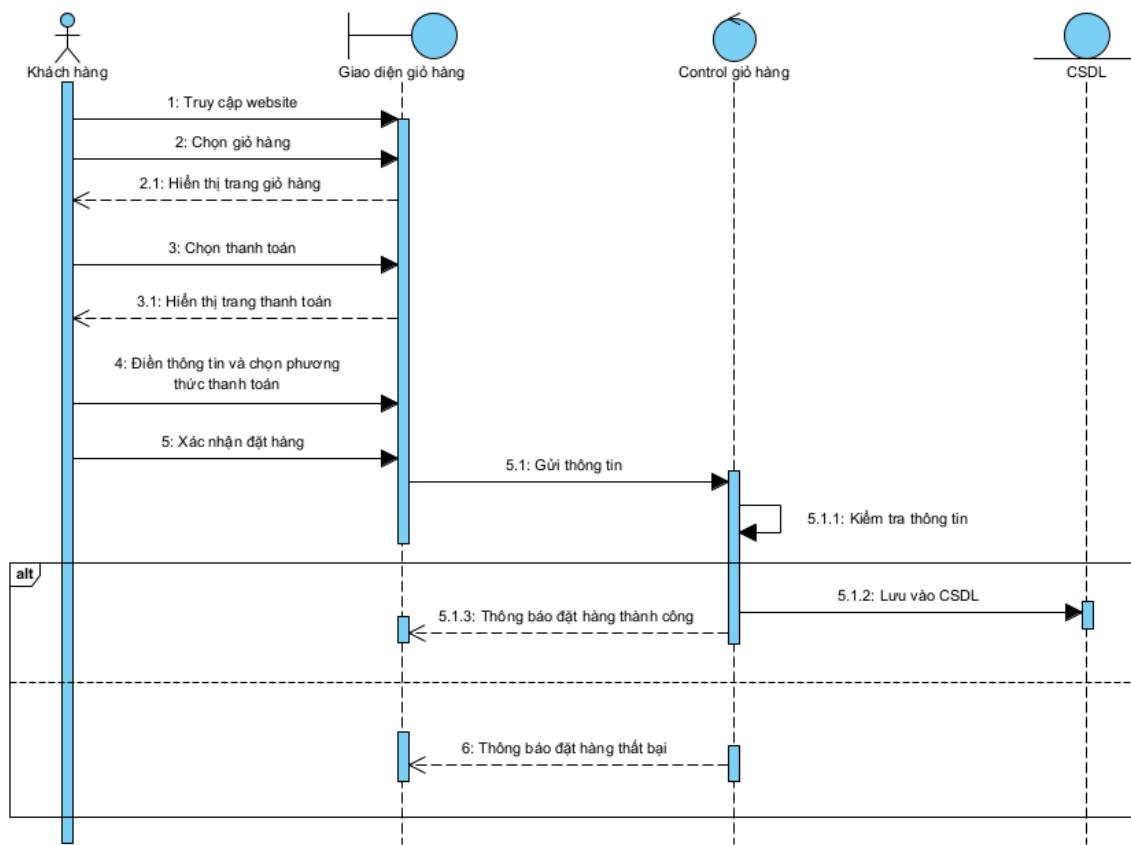
Hình 47. Sequence Cập nhật sản phẩm trong giỏ hàng

6.3.8. Sequence Xóa sản phẩm trong giỏ hàng



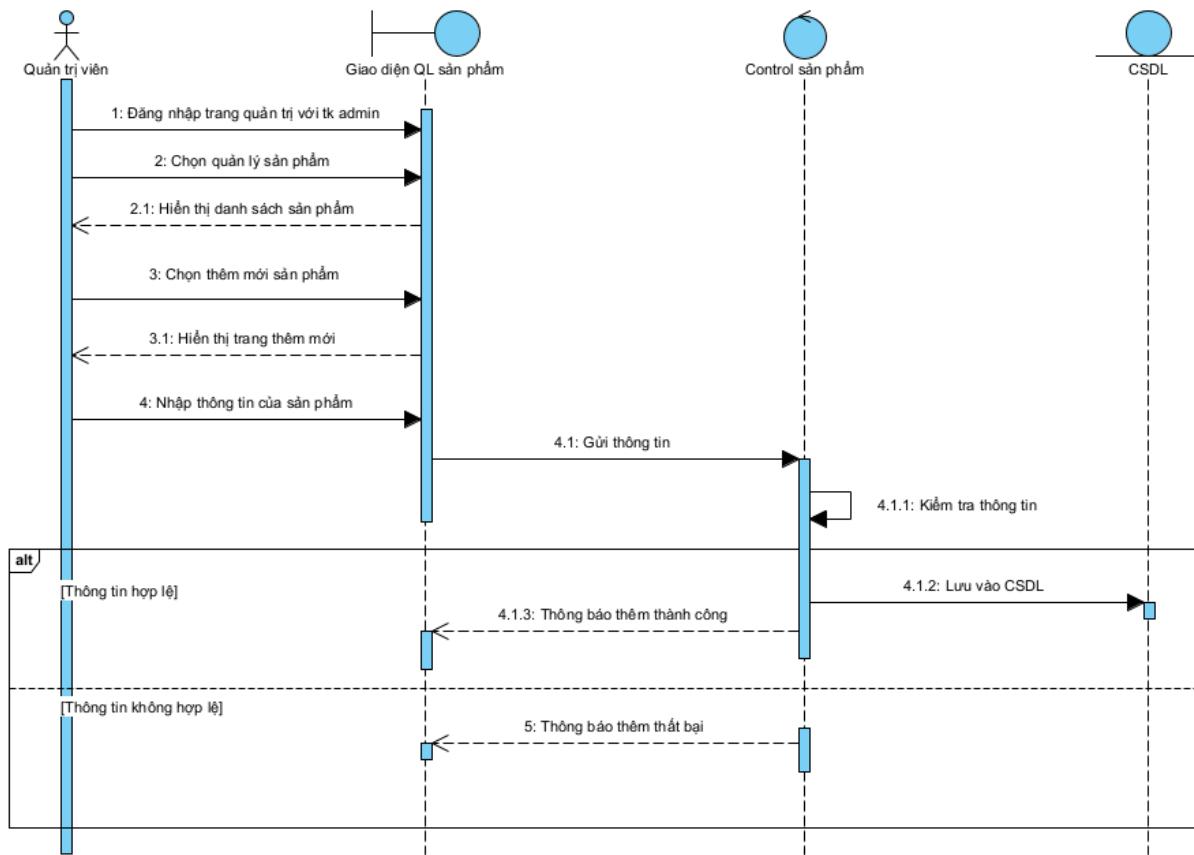
Hình 48. Sequence Xóa sản phẩm trong giỏ hàng

6.3.9. Sequence Đặt hàng



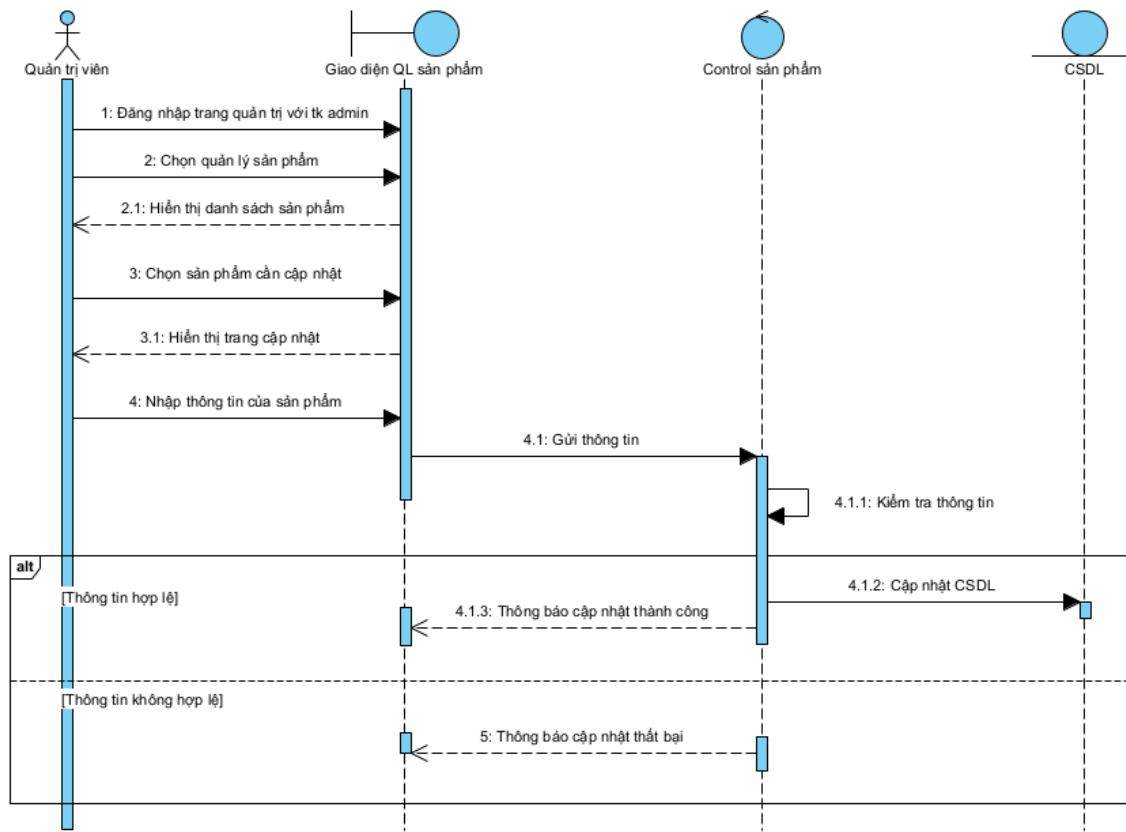
Hình 49. Sequence Đặt hàng

6.3.10. Sequence Thêm mới sản phẩm



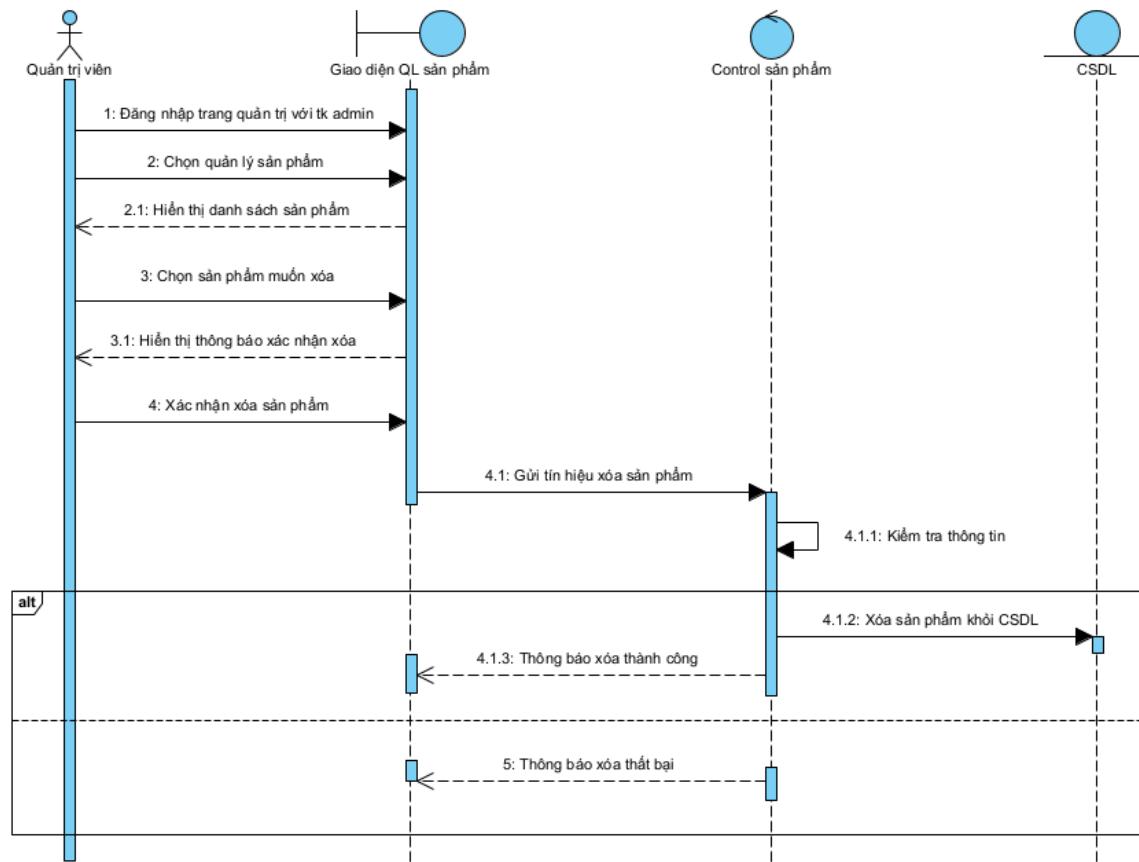
Hình 50. Sequence Thêm mới sản phẩm

6.3.11. Sequence Cập nhật sản phẩm



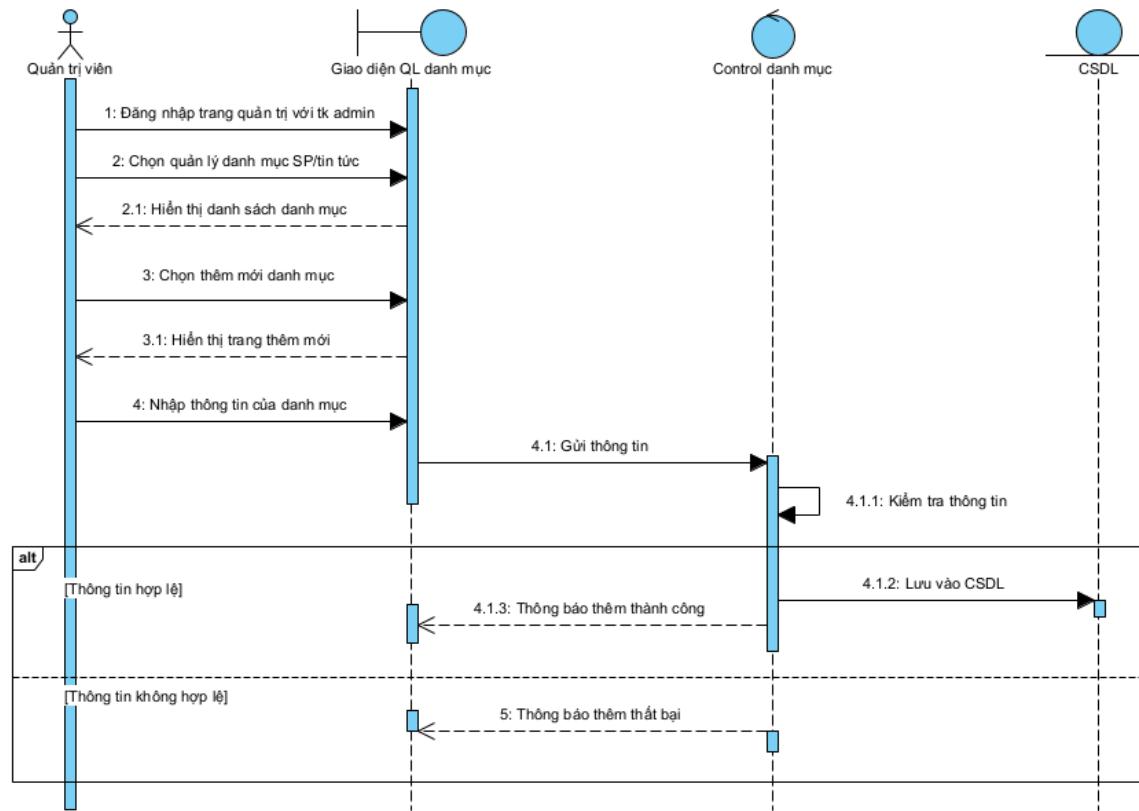
Hình 51. Sequence Cập nhật sản phẩm

6.3.12. Sequence Xóa sản phẩm



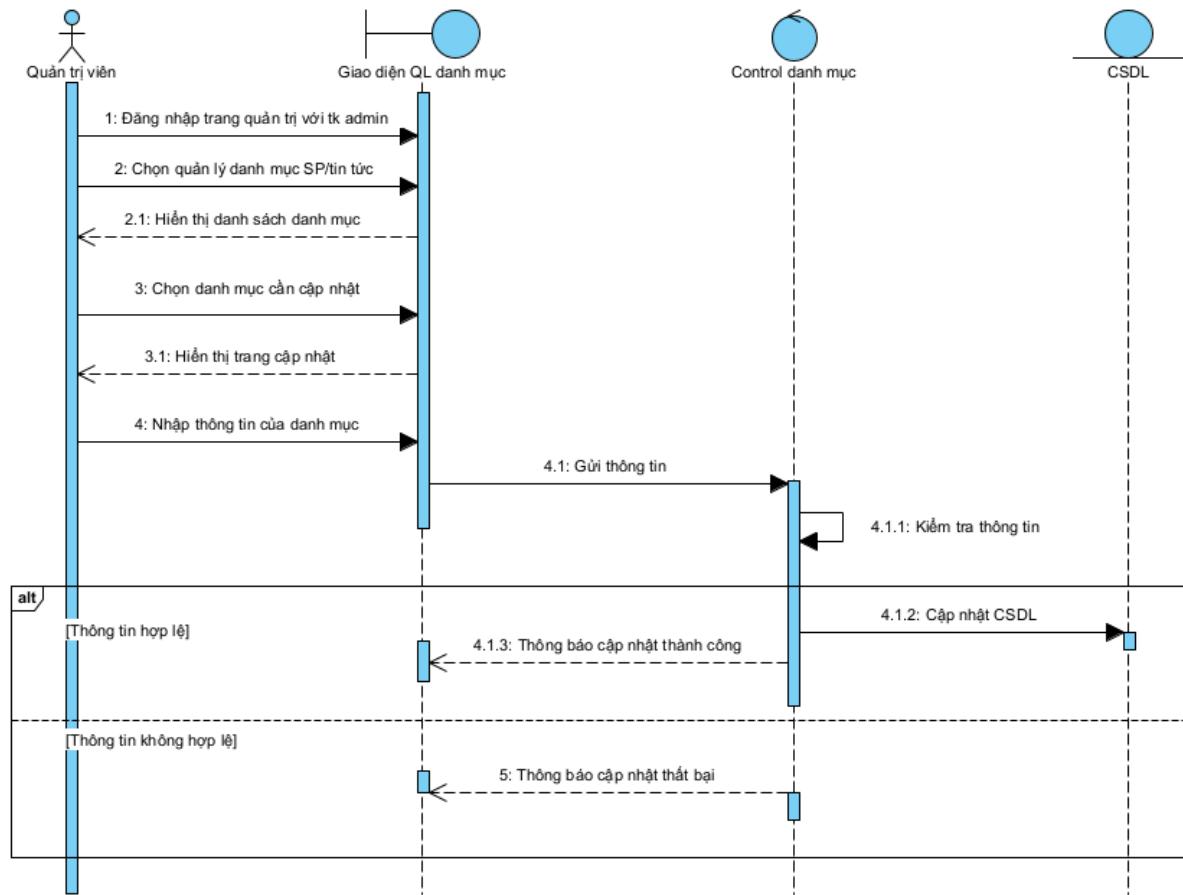
Hình 52. Sequence Xóa sản phẩm

6.3.13. Sequence Thêm mới danh mục



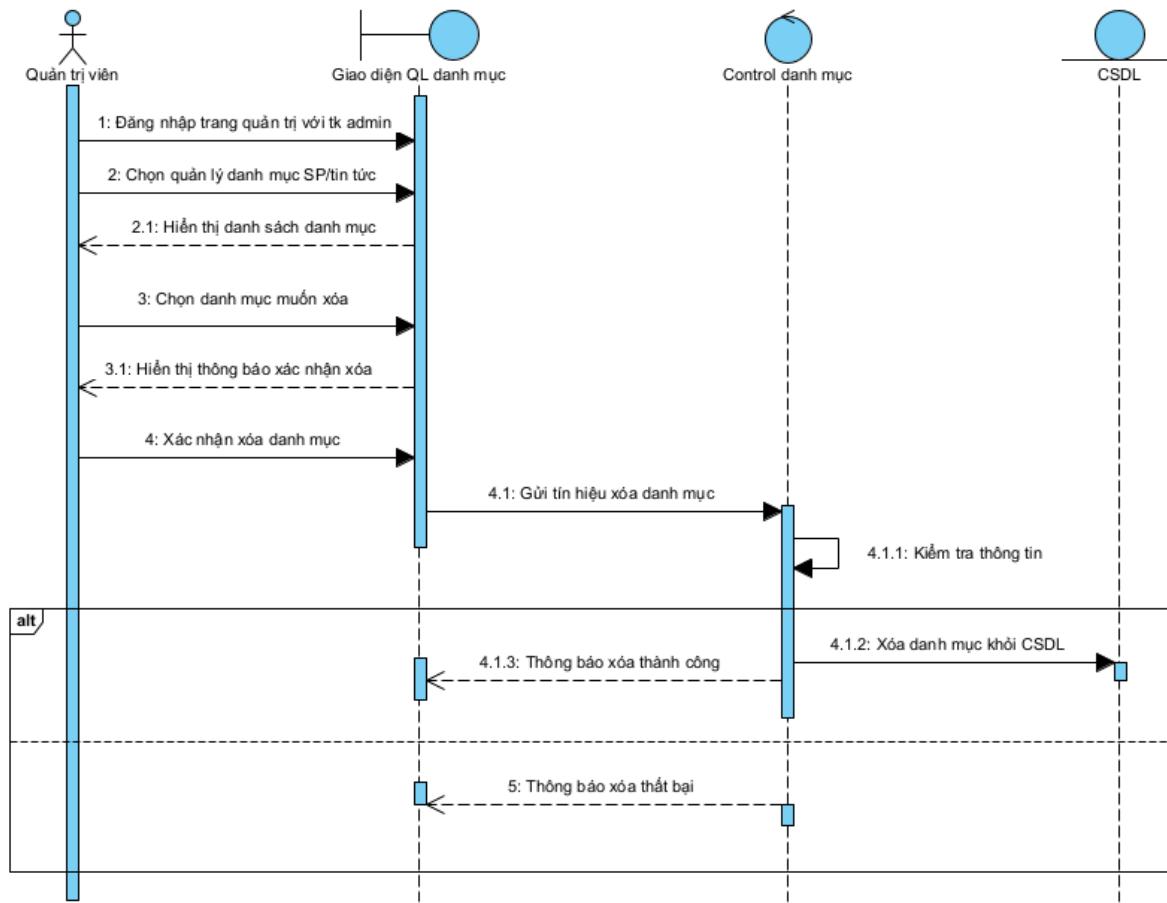
Hình 53. Sequence Thêm mới danh mục

6.3.14. Sequence Cập nhật danh mục



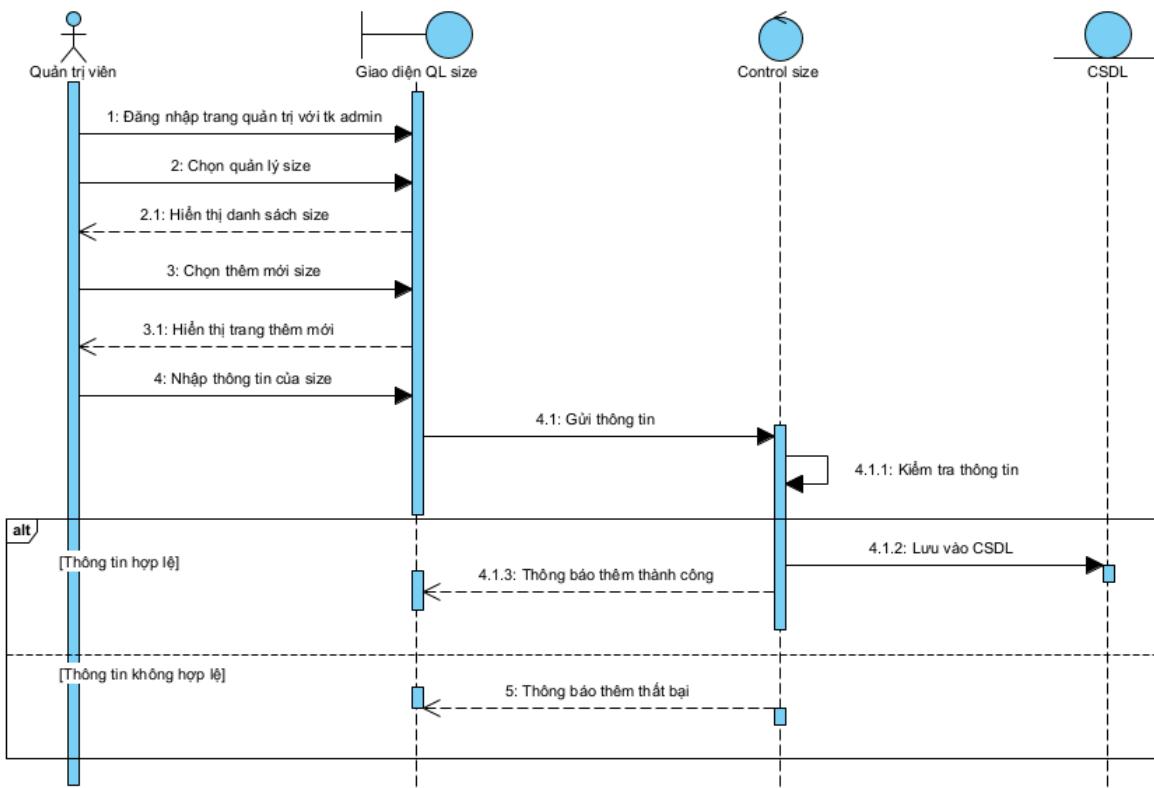
Hình 54. Sequence Cập nhật danh mục

6.3.15. Sequence Xóa danh mục



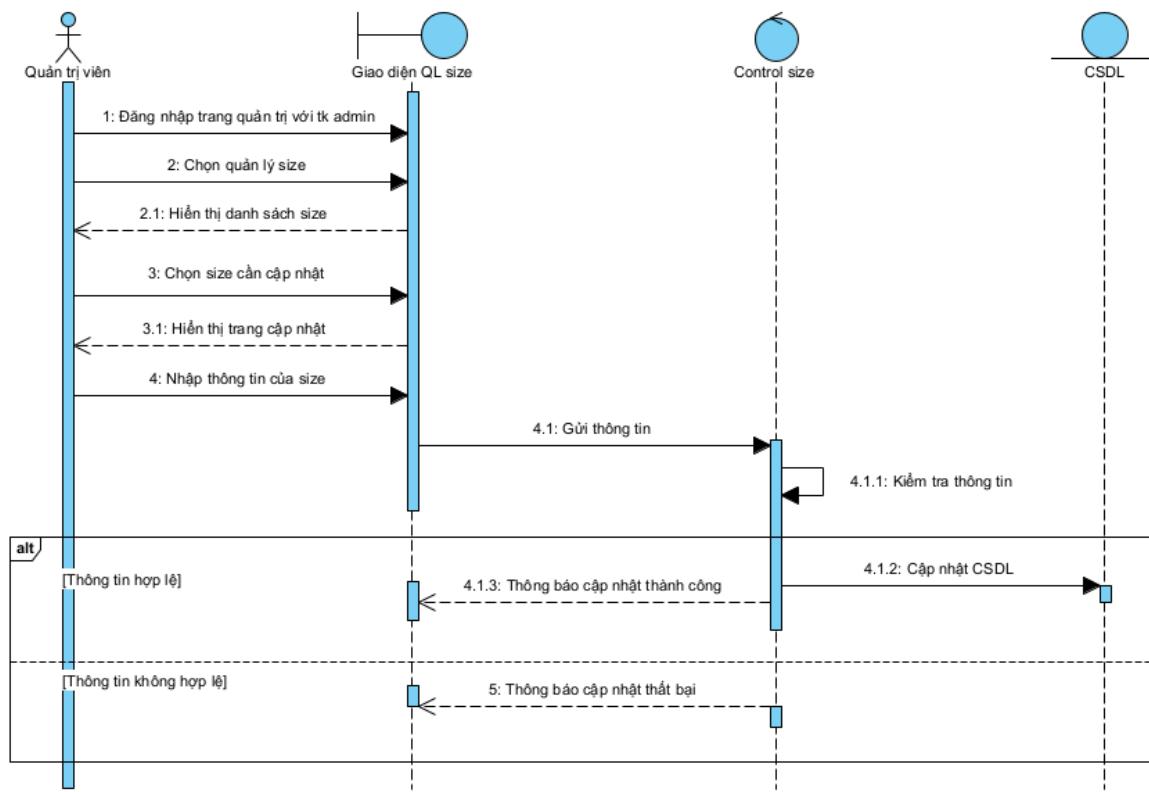
Hình 55. Sequence Xóa danh mục

6.3.16. Sequence Thêm mới size



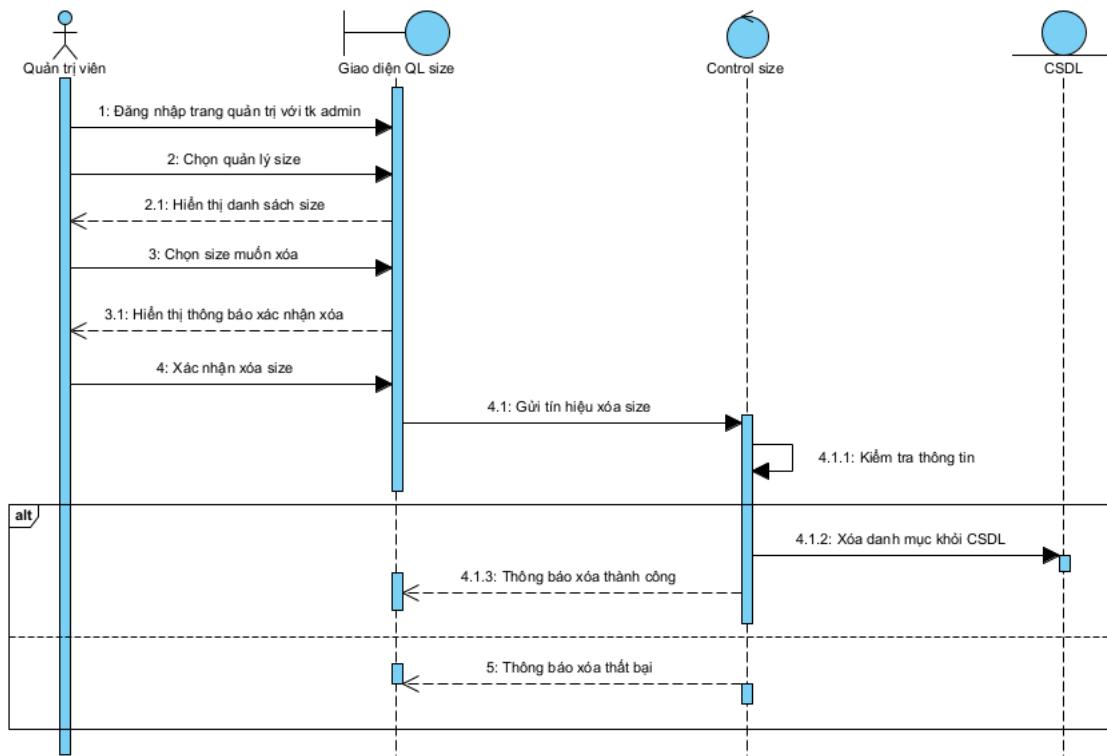
Hình 56. Sequence Thêm mới size

6.3.17. Sequence Cập nhật size



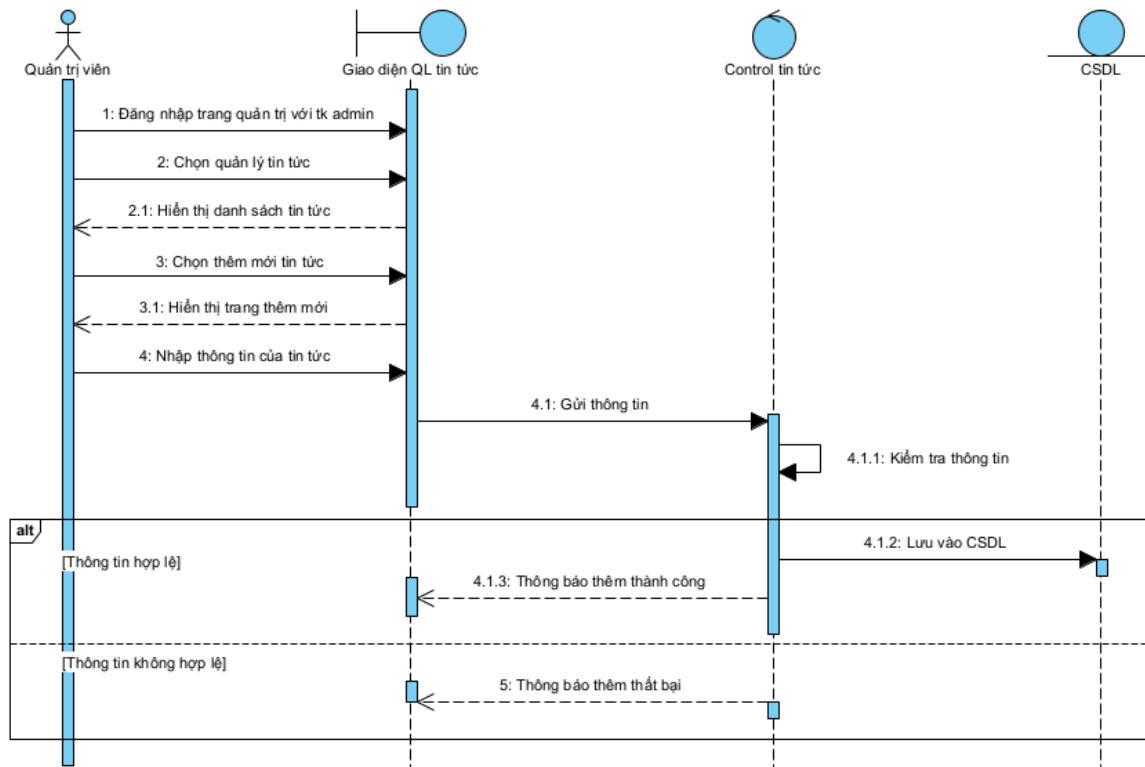
Hình 57. Sequence Cập nhật size

6.3.18. Sequence Xóa size



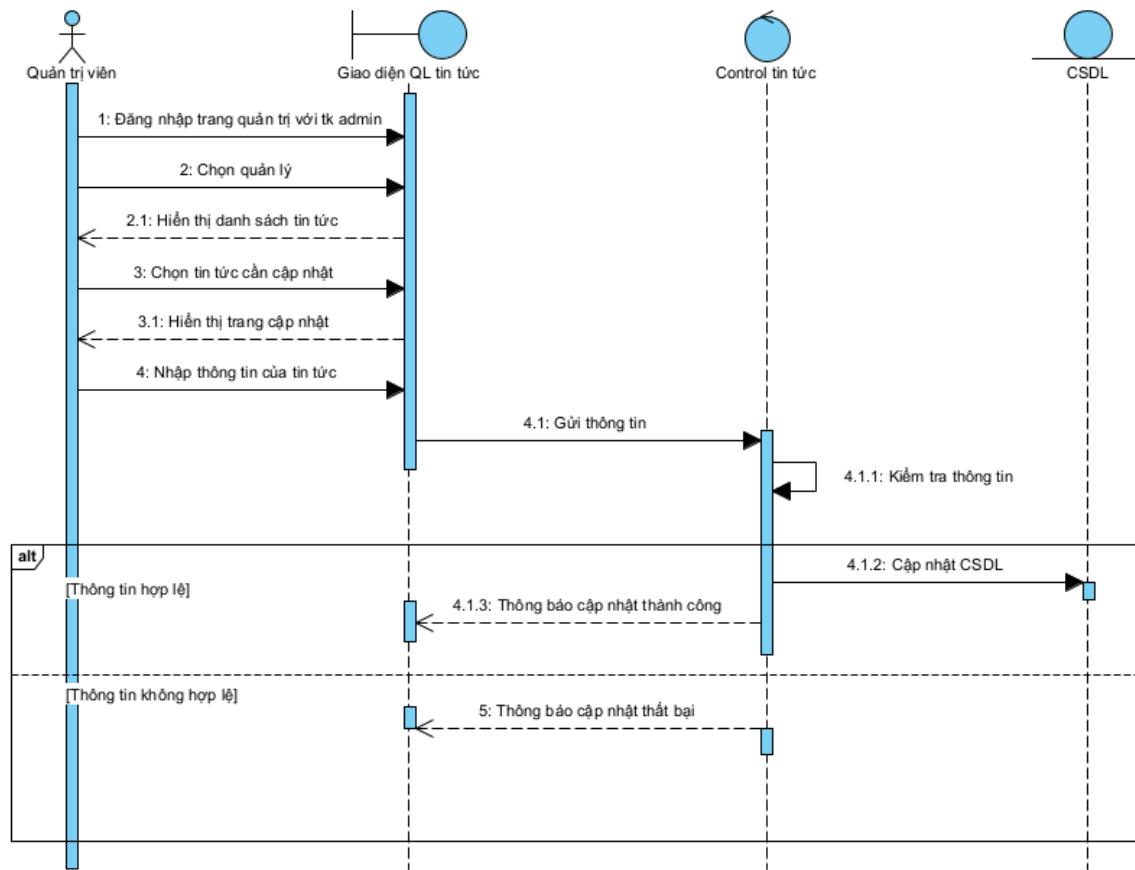
Hình 58. Sequence Xóa size

6.3.19. Sequence Thêm mới tin tức



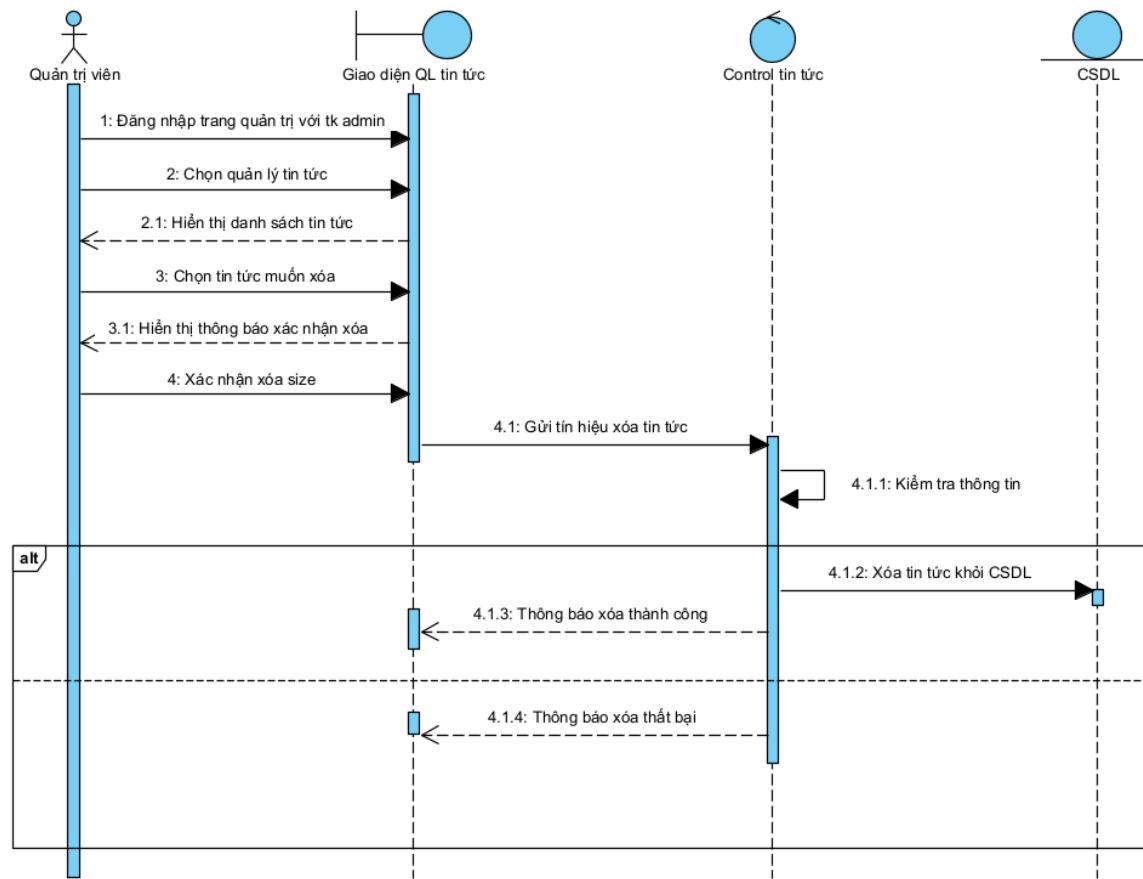
Hình 59. Sequence Thêm mới tin tức

6.3.20. Sequence Cập nhật tin tức



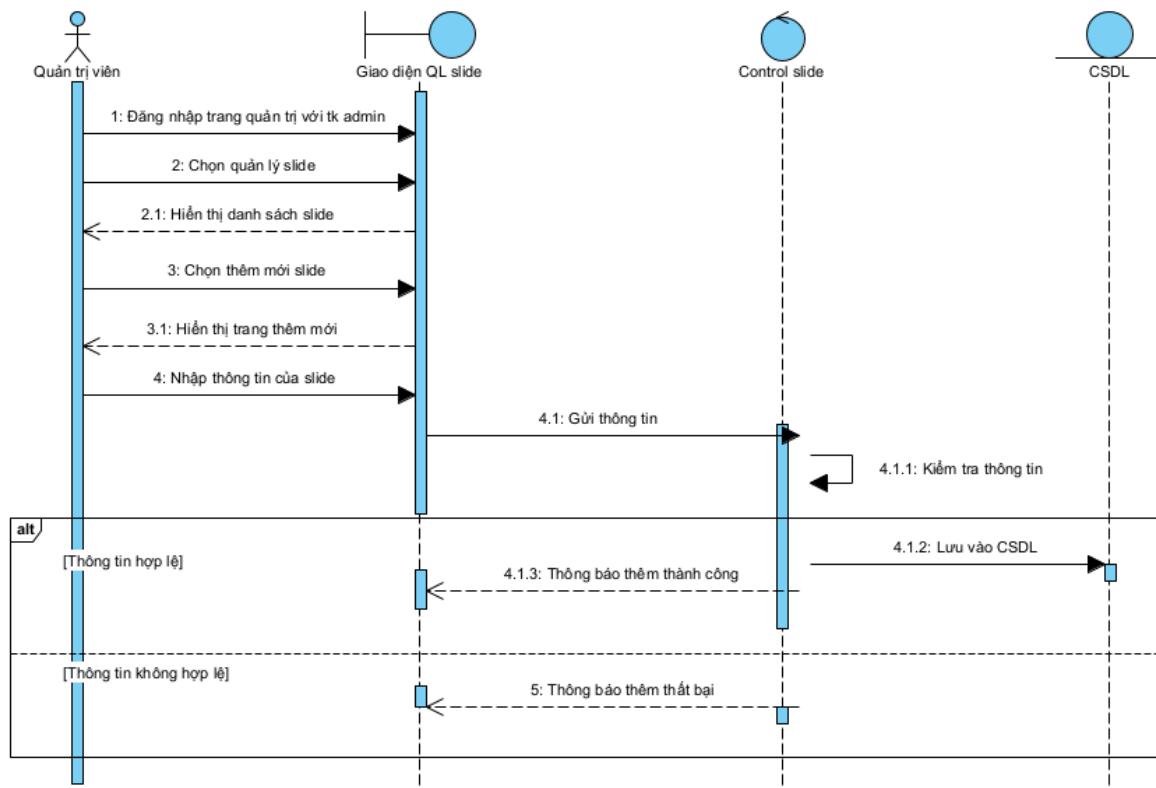
Hình 60. Sequence Cập nhật tin tức

6.3.21. Sequence Xóa tin tức



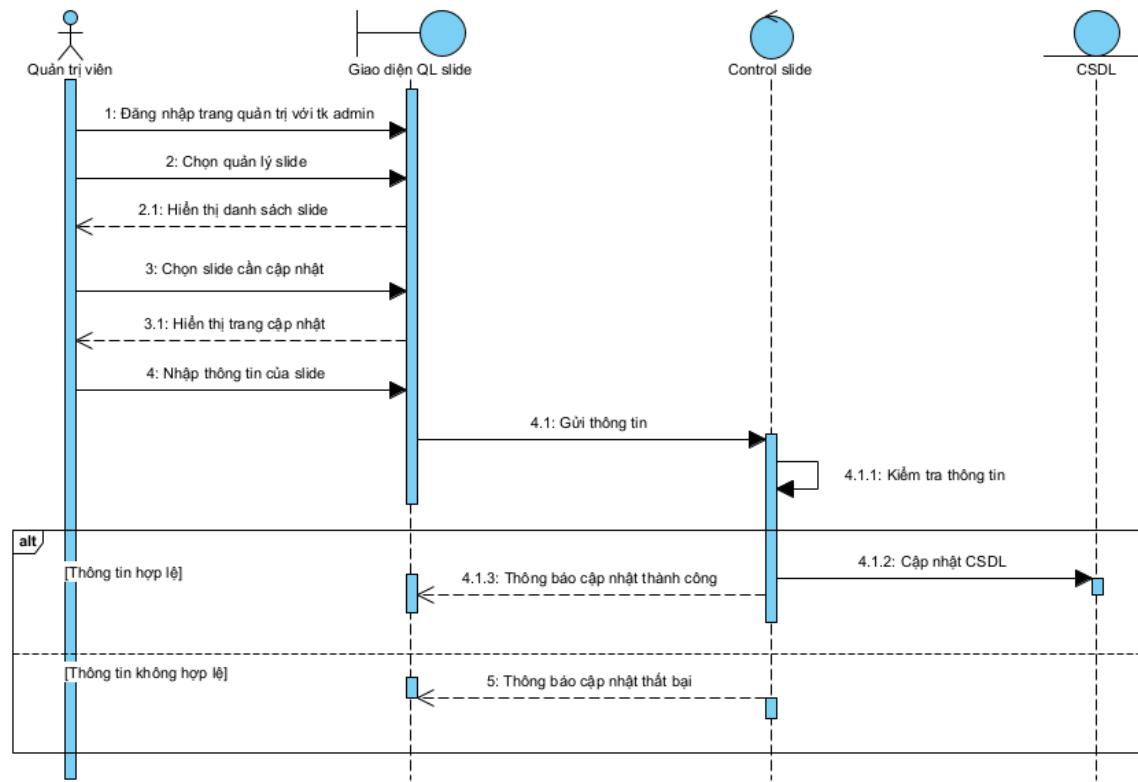
Hình 61. Sequence Xóa tin tức

6.3.22. Sequence Thêm mới slide



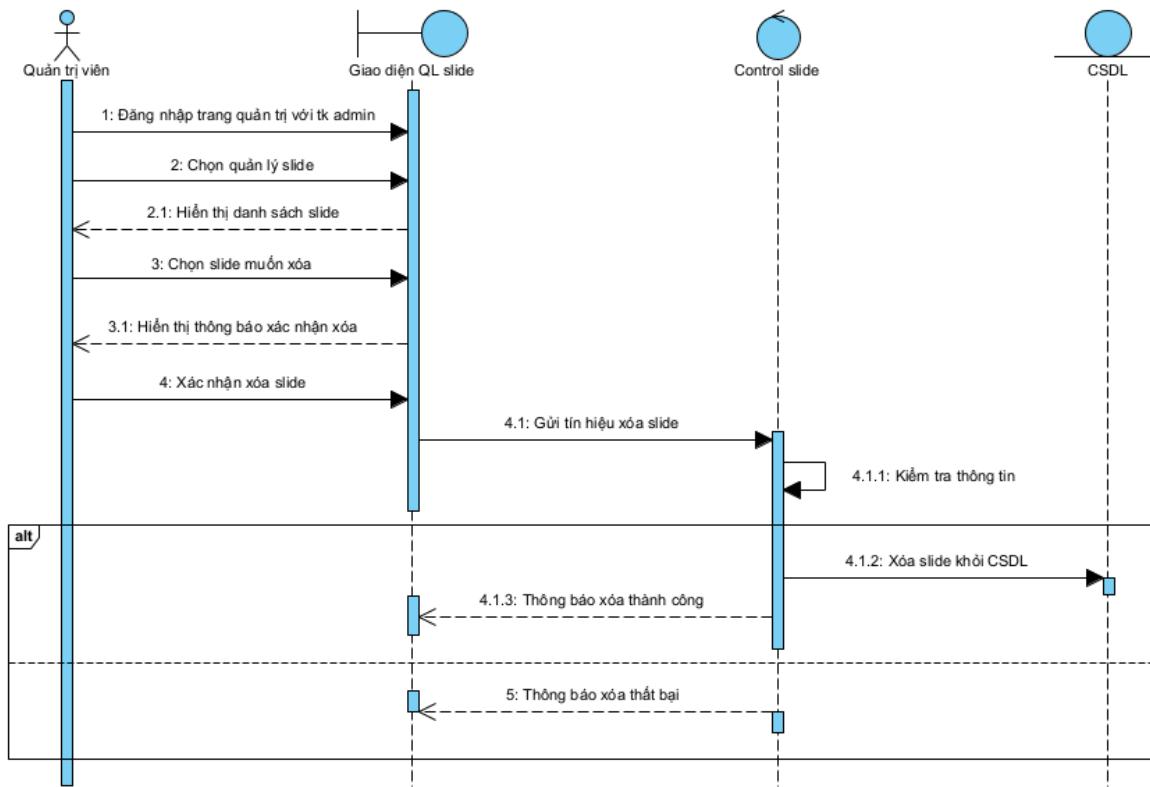
Hình 62. Sequence Thêm mới slide

6.3.23. Sequence Cập nhật slide



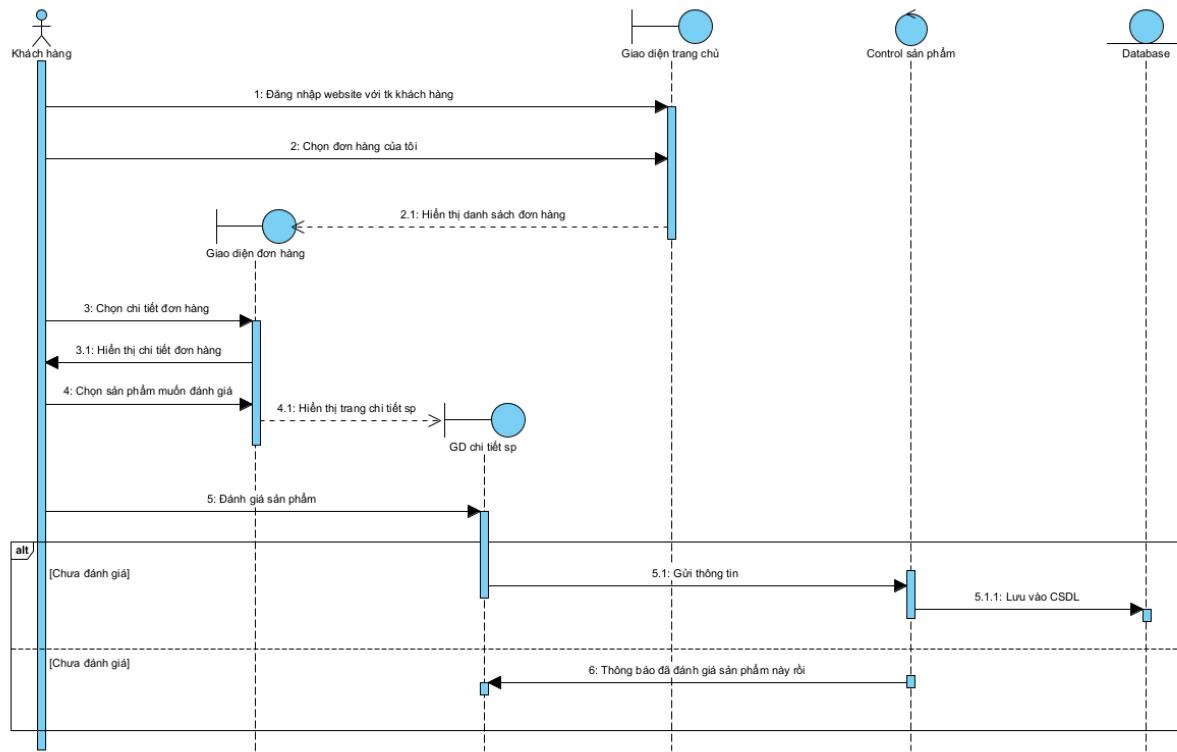
Hình 63. Sequence Cập nhật slide

6.3.24. Sequence Xóa slide



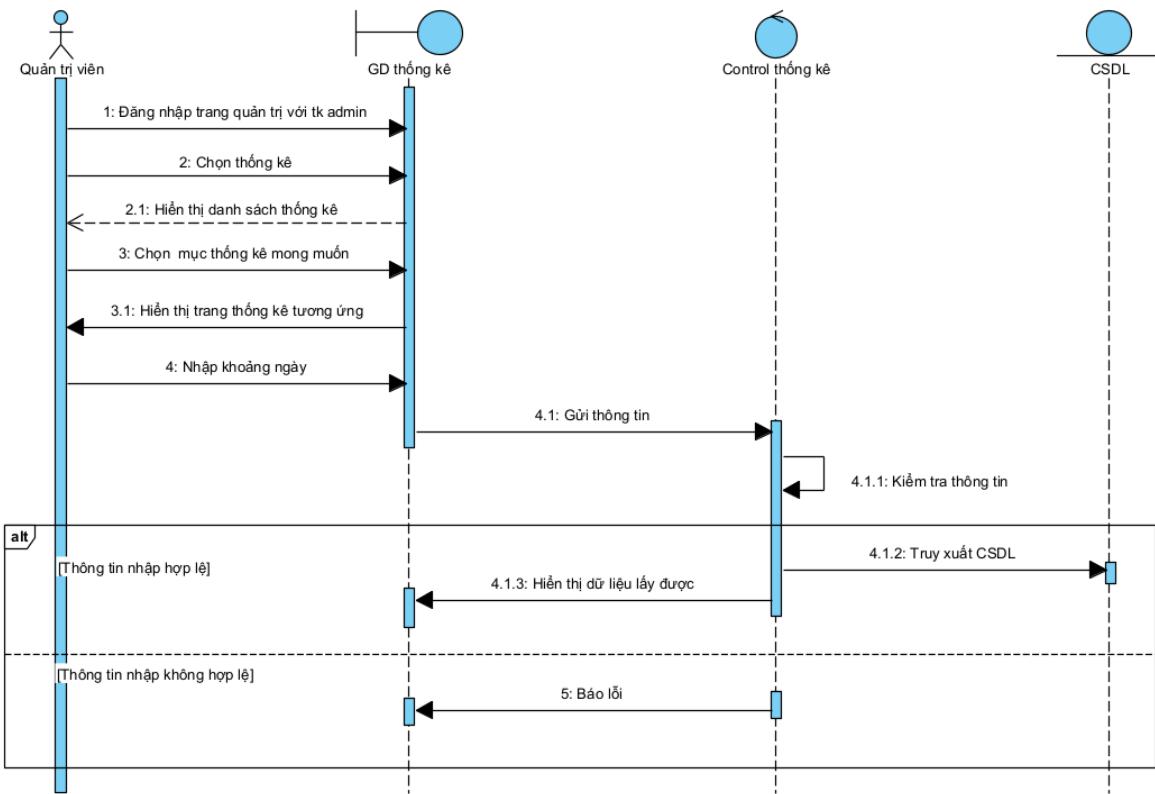
Hình 64. Sequence Xóa slide

6.3.25. Sequence Đánh giá



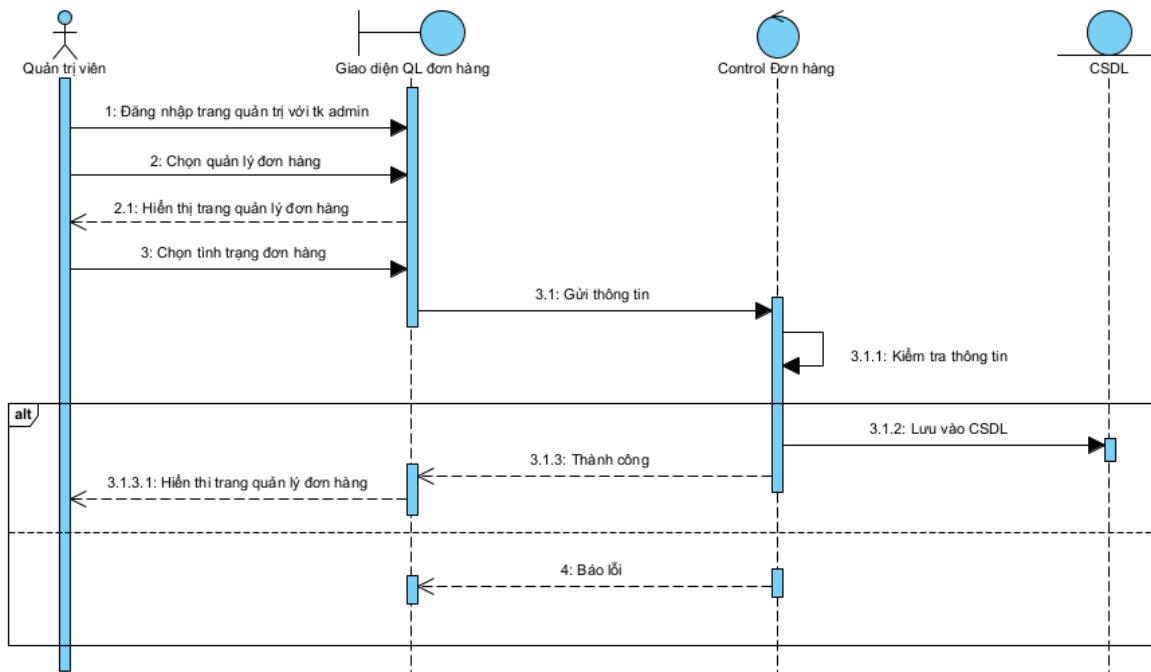
Hình 65. Sequence Đánh giá

6.3.26. Sequence Thống kê



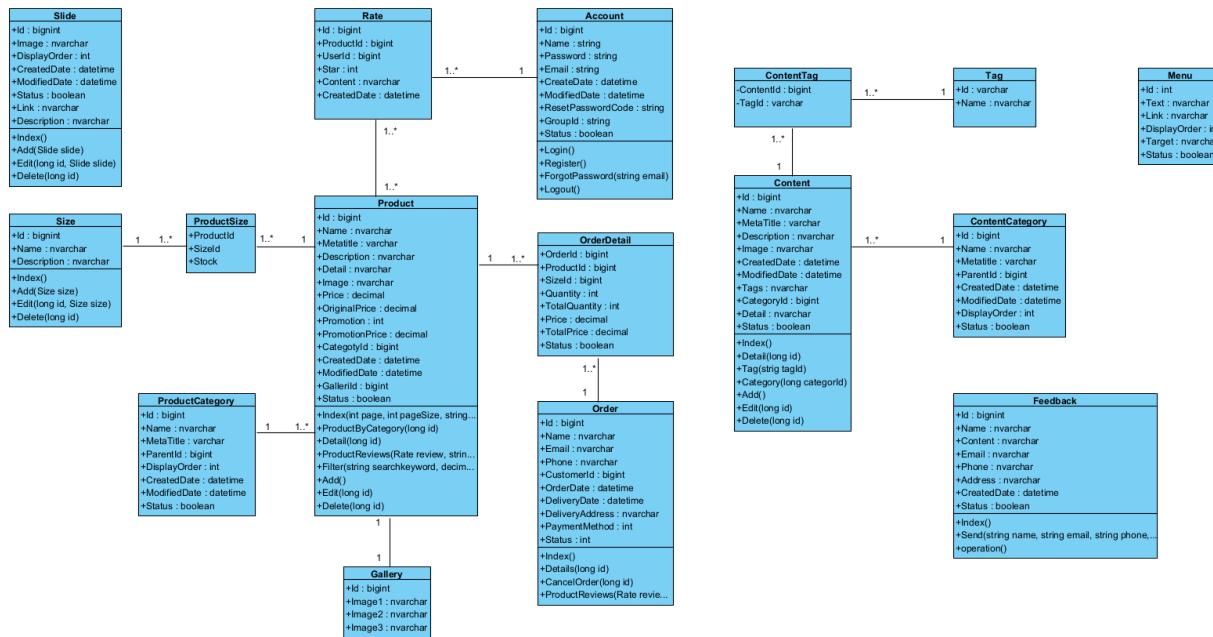
Hình 66. Sequence Thống kê

6.3.27. Sequence Quản lý đơn hàng



Hình 67. Sequence Quản lý đơn hàng

6.4. Biểu đồ Class



Hình 68. Biểu đồ class

CHƯƠNG 7. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

7.1. Giao diện trang chủ

Miễn phí ship cho hóa đơn từ 999.000

TUNA CLOTHES TRANG CHỦ SẢN PHẨM GIỚI THIỆU TIN TỨC LIÊN HỆ

Xin chào!

Thời trang Nam

Thời trang Nữ

Thời trang Trẻ em

Lối tắt

Sản phẩm mới Sale Bán chạy

Mới

Váy cotton 240.000

Mới

Váy vải lụa bay cách điệu 420.000 - 357.000

Mới

Váy với chân váy xòe 429.000

Mới

Váy jersey in hình 299.000

DANH MỤC

Nam
Nữ
Trẻ em

Tin tổng hợp
Thời trang nam
Thời trang nữ
Thời trang trẻ em

LIÊN HỆ VỚI CHÚNG TÔI

Có bất cứ thắc mắc nào? Hãy cho chúng tôi biết tại địa chỉ HD hoặc email: tunaclothes.tunacorp@gmail.com hoặc qua số điện thoại: 0369280523

ĐĂNG KÝ NHẬN TIN

ĐĂNG KÝ

f g p

Copyright © 2023 All rights reserved | Made with by Tunacorp & distributed by ThemeWagon

Hình 69. Giao diện trang chủ

7.2. Giao diện đăng nhập

The screenshot shows the login page of a website. At the top, there is a navigation bar with links for 'ĐĂNG KÝ' (Register) and 'ĐĂNG NHẬP' (Login). Below the navigation bar, there is a header with the text 'Miễn phí ship cho hóa đơn từ 999.000'. The main content area has a title 'ĐĂNG NHẬP' (Login) and two input fields: one for 'Nhập email' (Enter email) and another for 'Nhập mật khẩu' (Enter password). There are also social media login buttons for Facebook ('f') and Google ('G'). Below the input fields, there are links for 'Chưa có tài khoản? Đăng ký ngay' (Don't have an account? Register now) and 'Quên mật khẩu? Lấy lại mật khẩu' (Forgot password? Get password back). The page has a clean, modern design with a white background and a light gray header.

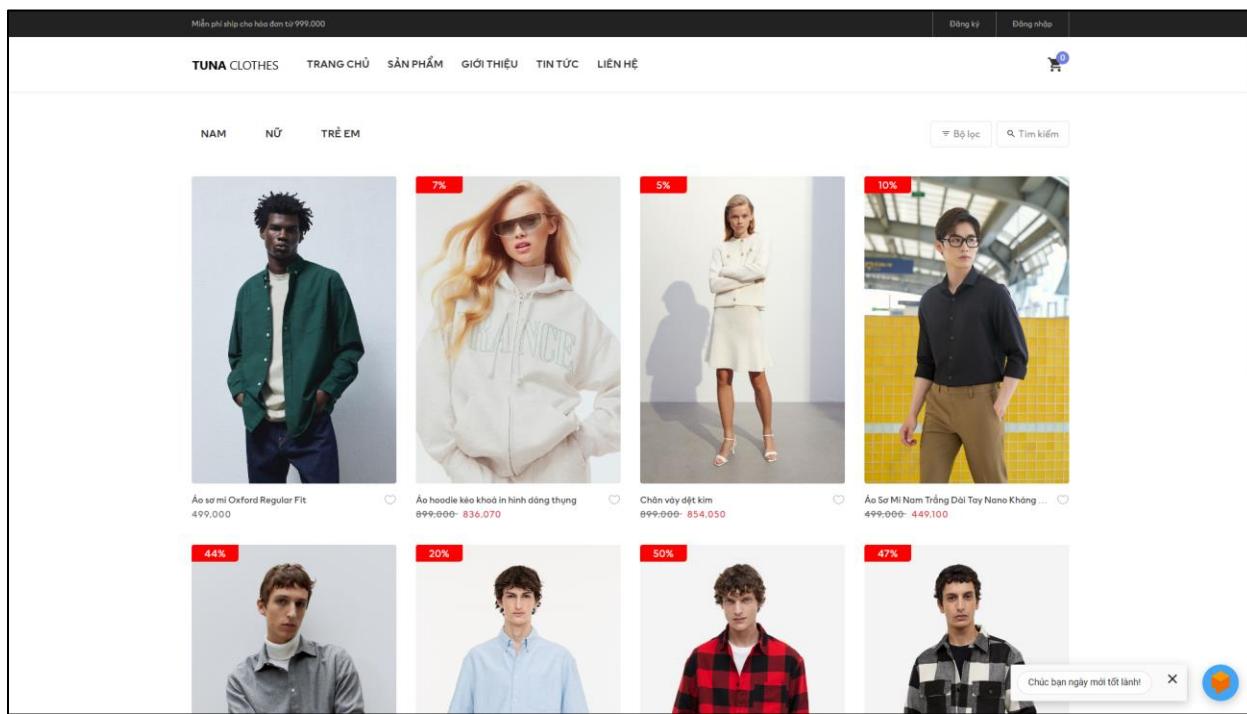
Hình 70. Giao diện đăng nhập

7.3. Giao diện đăng ký

The screenshot shows the registration page of a website. At the top, there is a navigation bar with links for 'ĐĂNG KÝ' (Register) and 'ĐĂNG NHẬP' (Login). Below the navigation bar, there is a header with the text 'Miễn phí ship cho hóa đơn từ 999.000'. The main content area has a title 'ĐĂNG KÝ' (Registration) and five input fields: 'Nhập họ tên' (Enter name), 'Nhập email', 'Nhập mật khẩu' (Enter password), 'Xác nhận mật khẩu' (Confirm password), and 'NHẬP MÃ CAPTCHA' (Enter CAPTCHA). A CAPTCHA image showing the text '3KWM8' is displayed next to the input field. Below the input fields, there is a large black 'ĐĂNG KÝ' (Register) button. At the bottom of the page, there is a link for 'Đã có tài khoản? Đăng nhập ngay' (Already have an account? Log in now). The page has a clean, modern design with a white background and a light gray header.

Hình 71. Giao diện đăng ký

7.4. Giao diện trang sản phẩm



Hình 72. Giao diện trang sản phẩm

7.5. Giao diện trang chi tiết sản phẩm

The screenshot shows a product detail page for a maroon polo shirt. At the top, there's a navigation bar with links like 'TRANG CHỦ', 'SẢN PHẨM', 'GIỚI THIỆU', 'TIN TỨC', and 'LIÊN HỆ'. Below the navigation is a breadcrumb trail: 'Trang chủ > Áo hoodie kaki nữ >'. The main content area features a large image of a person wearing the maroon polo shirt, with four smaller images of the shirt on the left. To the right of the main image, the product name 'Áo rugby cotton Regular Fit' and its price 'Giá: 499.000 ₫ 449.100 ₫' are displayed. A description follows: 'Áo rugby đồng màu với cổ lông jersey mềm mại có cổ, nẹp khuy đan và tay dài với cổ lụa bọc gần nách. Đường vải mịn và hơi bén gù.' Below the description are size options (XS, S, M, L, XL, XXL) and a 'THÊM VÀO GIỎ' button. A 'Chia sẻ mạng lưới' (Share on network) button is also present. The bottom section contains detailed product information, including dimensions, materials, care instructions, and a list of similar products.

Tóm tắt

Thông số

Chiều cao: Chiều dài bình thường
Chiều dài tay áo: Tay dài
Độ dày: Độ dày
Có áo Cổ
Phong cách: Áo rugby, Đường kẻ
Màu sắc: Màu đỏ đậm, Màu trơn

Chi tiết

Thành phần:
Bông 100%
Chất liệu: Cotton, Jersey
Giải thích cho vật liệu được dùng trong sản phẩm này:
Bông (lông) là loại sợi tự nhiên mềm và linh hoạt được du nhập từ cây bông.
Hướng dẫn chăm sóc sản phẩm:
Bạn cũng có thể giặt bằng cách giặt riêng cho một tưng lai thời trang bền vững hơn. Hãy mang đem bao quần áo cũ / hàng tết may bất kỳ không sử dụng nữa đến cửa hàng H&M tham gia tài chí thời trang.
Hướng dẫn bảo quản:
Phù hợp:
Có tay hàng chất không chứa chất cản
Có túi ở đít
Có thể giặt khô
Làm nhiệt độ cao

Sản phẩm liên quan

Áo t-shirt Loose Fit
499.000 ₫

Áo hoodie kaki bụi bụi mịn Overhead Fit
499.000 ₫

Áo hoodie Loose Fit
499.000 ₫

Áo hoodie kaki kaki Regular Fit
499.000 ₫

DANH MỤC

- Nam
- Nữ
- Trẻ em

TIN TỨC

- Tin công ty
- Thời trang nam
- Thời trang nữ
- Thời trang trẻ em

LIÊN HỆ VỚI CHÚNG TÔI

Có thể gửi câu hỏi hoặc yêu cầu thông tin
tới ban điều hành H&M hoặc email
trenchinhhang.tunaclothes@gmail.com hoặc qua
số điện thoại 0369190933

[ĐĂNG KÝ](#)

ĐĂNG KÝ NHẬN TIN

www.tunaclothes.com
Hotline: 0369190933
Email: trenchinhhang.tunaclothes@gmail.com
Facebook: tunaclothes
Instagram: tunaclothes
Twitter: tunaclothes
Pinterest: tunaclothes

Copyright © 2023 All rights reserved. Made with ❤ by [TunaClothes](#) & distributed by [ThemeWagon](#)

Hình 73. Giao diện trang chi tiết sản phẩm

7.6. Giao diện trang giỏ hàng

Miễn phí ship cho hóa đơn từ 999.000

TUNA CLOTHES TRANG CHỦ SẢN PHẨM GIỚI THIỆU TIN TỨC LIÊN HỆ

Đăng ký Đăng nhập

Home > Shoping Cart

PRODUCT	PRICE	QUANTITY	TOTAL
Áo sơ mi khóa nhẹ Size: L	949,000 502,970	- 3 +	1.508,910
Áo sơ mi khóa vải nhung tăm Loose Fit Size: XL	1,099,000	- 1 +	1.099,000

THÔNG TIN GIỎ HÀNG

Giá trị đơn hàng: 3,946,000

Giảm giá: -1,338,090

Phí giao hàng: MIỄN PHÍ

Tổng: 2,607,910

ĐẾN TRANG THANH TOÁN

TIẾP TỤC MUA HÀNG XÓA GIỎ HÀNG CẬP NHẬT GIỎ HÀNG

Hình 74. Giao diện trang giỏ hàng

7.7. Giao diện trang đặt hàng

Miễn phí ship cho hóa đơn từ 999.000

Xin chào: Văn Tuấn Đăng xuất

TUNA CLOTHES TRANG CHỦ SẢN PHẨM GIỚI THIỆU TIN TỨC LIÊN HỆ ĐƠN HÀNG CỦA TÔI

Đồng Văn Tuấn

tunadev@gmail.com

0369280523

Hoàn Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội

Thông tin khách hàng

THÔNG TIN GIỎ HÀNG

Giá trị đơn hàng: 3,946,000

Giảm giá: -1,338,090

Phí giao hàng: MIỄN PHÍ

Tổng: 2,607,910

Hình thức thanh toán

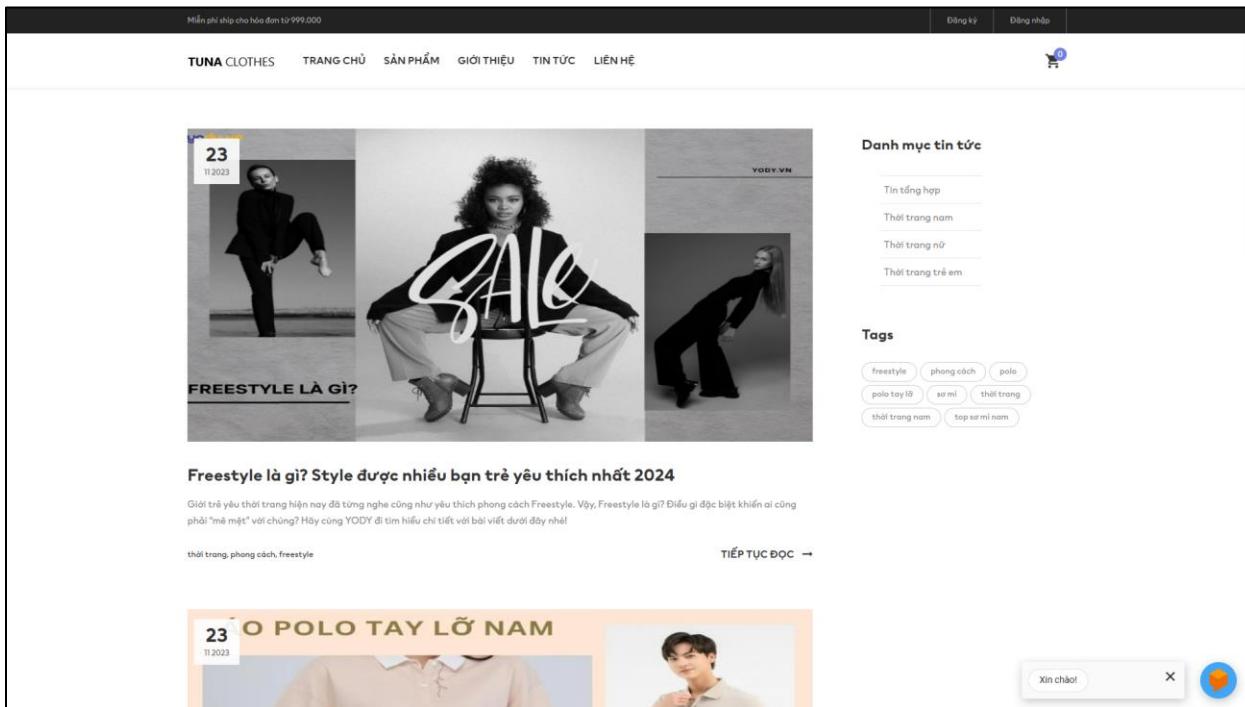
Trả tiền khi nhận hàng

Thanh toán qua VNPay

ĐẶT HÀNG

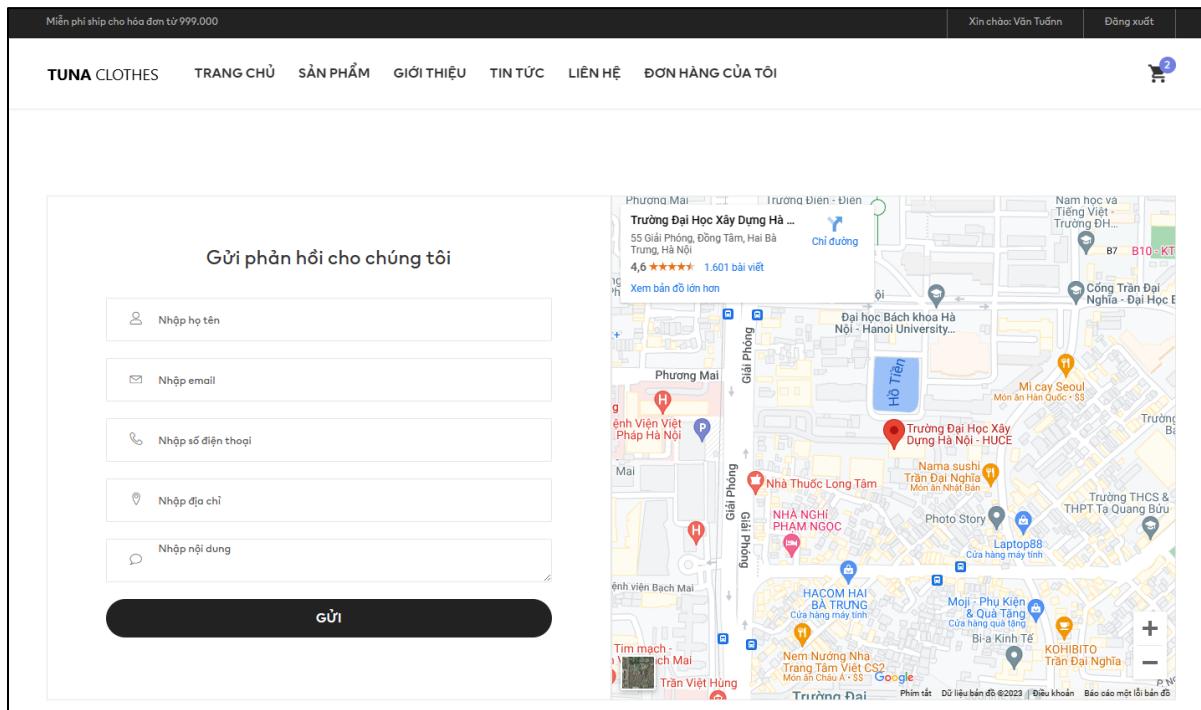
Hình 75. Giao diện trang đặt hàng

7.8. Giao diện tin tức



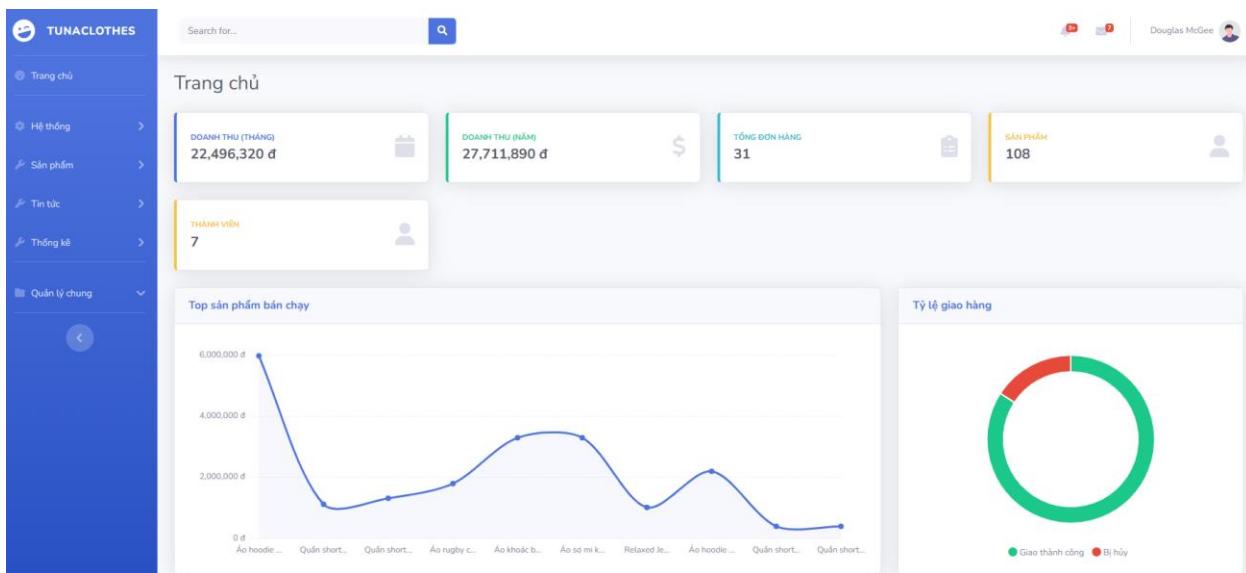
Hình 76. Giao diện tin tức

7.9. Giao diện liên hệ



Hình 77. Giao diện liên hệ

7.10. Giao diện trang quản trị



Hình 78. Giao diện trang quản trị

7.11. Giao diện trang sản phẩm

The screenshot shows the TUNACLOTHES product management page with the following structure:

- Left sidebar:** Includes links for Trang chủ, Hệ thống, Sản phẩm, Tin tức, Thống kê, and Quản lý chung.
- Top header:** Features a search bar, a magnifying glass icon, and social media links for YouTube, Facebook, and Instagram, along with a user profile for Douglas McGee.
- Section title:** Danh sách sản phẩm.
- Search and filter:** Includes a search input, a green "Tim kiếm" button, a "Refresh" button, and a "Thêm mới" (Add new) button.
- Product table:** A detailed table listing five products with columns for Tên sản phẩm, Hình ảnh, Giá nhập, Giá, Giảm giá, Giá k/m, Ngày tạo, Ngày cập nhật, Tồn kho, Trạng thái, and Chức năng.

Tên sản phẩm	Hình ảnh	Giá nhập	Giá	Giảm giá	Giá k/m	Ngày tạo	Ngày cập nhật	Tồn kho	Trạng thái	Chức năng
Áo sơ mi Oxford Regular Fit		349000	499000			11/2/2023 9:36:54 PM	12/9/2023 2:33:07 PM	5	Kích hoạt	
Áo hoodie kéo khoá in hình dáng thung		699000	899000	7	836070	11/10/2023 3:11:33 PM	12/9/2023 2:33:28 PM	12	Kích hoạt	
Chân váy dệt kim		700000	899000	5	854050	11/21/2023 11:42:58 PM	12/9/2023 2:33:36 PM	27	Kích hoạt	
Áo Sơ Mi Nam Trắng Dài Tay Nano Kháng Khuẩn Chống Nhăn		399000	499000	10	449100	11/24/2023 4:47:36 PM	12/9/2023 2:33:41 PM	40	Kích hoạt	
Áo sơ mi flannel Regular Fit		599000	629000	44	352240	11/25/2023 12:30:05 AM	12/9/2023 2:33:47 PM	45	Kích hoạt	

Hình 79. Giao diện trang sản phẩm

7.12. Giao diện trang quản lý đơn hàng

Mã khách hàng	Tên khách hàng	Hình thức thanh toán	Trạng thái	Ngày đặt	Ngày giao	Thao tác
19	Quân Kool	COD	Giao thành công	11/29/2023 10:52:48 PM	11/29/2023 12:00:00 AM	
25	Tuna	COD	Giao thành công	12/4/2023 12:01:59 PM	12/4/2023 12:00:00 AM	
25	Tuna	COD	Giao thành công	12/4/2023 12:14:09 PM	12/4/2023 12:00:00 AM	
1	Đồng Văn Tuấn	COD	Chờ xử lý	12/17/2023 12:54:40 PM		
9		VNPAY	Giao thành công	12/18/2023 9:18:55 AM	12/18/2023 12:00:00 AM	
9	Van Thuận	COD	Giao thành công	12/18/2023 9:24:16 AM	12/18/2023 12:00:00 AM	
11		VNPAY	Giao thành công	12/20/2023 12:49:58 PM	12/20/2023 12:00:00 AM	

Hình 80. Giao diện trang quản lý đơn hàng

7.13. Giao diện trang thống kê

Số lượng đơn hàng theo mốc

Tổng doanh thu: 22,098,320

Tổng lợi nhuận: 3,914,320

Hình 81. Giao diện trang thống kê

PHẦN 3. KẾT LUẬN VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CHƯƠNG 8. NHỮNG VẤN ĐỀ GẶP PHẢI

8.1. Về thiết kế

- Màu sắc: Màu sắc là một yếu tố quan trọng trong thiết kế website thời trang. Các màu sắc cần được lựa chọn hài hòa, phù hợp với chủ đề của website.
- Phông chữ: Phông chữ cũng cần được lựa chọn phù hợp với phong cách của website. Các phông chữ cần dễ đọc, dễ nhìn.
- Bố cục: Bố cục website cần được thiết kế hợp lý, giúp người dùng dễ dàng tìm kiếm thông tin.
- Ảnh sản phẩm: Ảnh sản phẩm cần được chụp đẹp, rõ nét, thể hiện được chi tiết của sản phẩm.

8.2. Về lập trình

- Cơ sở dữ liệu: Cơ sở dữ liệu cần được thiết kế phù hợp với nhu cầu của website. Các thông tin về sản phẩm, khách hàng, đơn hàng cần được lưu trữ đầy đủ và chính xác.
- Tính năng: Website thời trang cần có đầy đủ các tính năng cơ bản như: trang chủ, trang sản phẩm, trang gio hàng, trang thanh toán,... Ngoài ra, website cũng có thể tích hợp thêm các tính năng khác như: blog, mạng xã hội,...
- Tốc độ tải trang: Tốc độ tải trang là một yếu tố quan trọng đối với website thời trang. Người dùng thường có xu hướng thoát khỏi website nếu trang tải quá chậm.

8.3. Về thời trang

- Xu hướng: Xu hướng thời trang luôn thay đổi liên tục. Sinh viên cần cập nhật thường xuyên các xu hướng thời trang mới để thiết kế website phù hợp.
- Thị trường: Sinh viên cần nghiên cứu thị trường thời trang để hiểu được nhu cầu của khách hàng.
- Cạnh tranh: Thị trường thời trang ngày càng cạnh tranh. Sinh viên cần có ý tưởng độc đáo, sáng tạo để website của mình nổi bật hơn so với các đối thủ khác.

CHƯƠNG 9. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Đề tài “Website bán hàng thời trang” này được xây dựng và phát triển trong khuôn khổ đề án tốt nghiệp, còn hạn chế về thời gian và tài nguyên. Trong tương lai, cần phát triển thêm một số tính năng, công nghệ để phù hợp với thời đại ngày nay. Có thể chia thành 2 nhóm chính:

Nhóm 1: Phát triển về mặt nội dung

- Tăng cường tính tương tác và trải nghiệm của người dùng: Website cần được thiết kế với giao diện thân thiện, dễ dàng sử dụng và có nhiều tính năng tương tác, giúp người dùng dễ dàng tìm kiếm thông tin và mua sắm sản phẩm.
- Cập nhật thông tin và xu hướng thời trang mới nhất: Website cần được cập nhật thông tin và xu hướng thời trang một cách thường xuyên để phù hợp với nhu cầu của người dùng.
- Cung cấp các dịch vụ bổ sung: Các website thời trang có thể cung cấp thêm một số dịch vụ như tư vấn thời trang, tạo phong cách

Nhóm 2: Các định hướng về mặt công nghệ

- Ứng dụng các công nghệ mới: ứng dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI),...
- Tối ưu hóa website cho các thiết bị di động: website cần được tối ưu có cả các thiết bị di động để người dùng dễ dàng mua sắm ngay trên chiếc điện thoại hoặc máy tính bảng của mình mà không cần dùng đến pc.
- An toàn và bảo mật thông tin: website cần có các tính năng giúp đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin của người dùng, đặc biệt là các thông tin thanh toán.
- Tối ưu hóa SEO: giúp website có thể lên xu hướng tìm kiếm của các công cụ giúp người dùng có thể dễ dàng tiếp cận mua hàng hơn.

CHƯƠNG 10. KẾT LUẬN

Trong thời gian làm đồ án này đã giúp em tìm hiểu và nắm bắt được nhiều kiến thức bổ ích, đồng thời rút ra nhiều kinh nghiệm thực tế. Do hạn chế về thời gian cũng như trình độ nên chương trình không tránh khỏi nhiều sai sót. Em xin chân thành cảm ơn và mong nhận được sự đóng góp ý kiến từ các thầy cô và các bạn để đồ án được hoàn thiện hơn. Đề tài “Xây dựng website bán hàng thời trang” của em đã hoàn thiện và đạt được các kết quả sau: Đã phân tích, khảo sát và làm rõ được các quy nghiệp cũng như nghiệp vụ của hệ thống đăng ký thực tập doanh nghiệp cho sinh viên từ đó vẽ được biểu đồ use case tổng quát, phân rã các use case để xây dựng được các đặc tả yêu cầu của từng usecase, đưa ra được các biểu đồ hoạt động, trình tự và biểu đồ lớp để từ đó xây dựng được cơ sở dữ liệu hợp lý và tối ưu. Do hạn chế về mặt thời gian và kiến thức nên hệ thống của em chưa hoàn thiện được các chức năng như thông kê báo cáo, chưa có xuất excel hoặc xuất pdf. Hệ thống mới chỉ chạy đúng, đầy đủ nghiệp vụ và thông luồng các chức năng chính ngoài ra những trường hợp ngoại lệ vẫn chưa được kiểm tra và kiểm thử sâu. Cấu trúc chương trình vẫn chưa tối ưu, chưa thể kiểm thử được hiệu năng về tốc độ xử lý, tốc độ truy cập và mức độ tiêu tốn RAM, CPU của hệ thống. Vẫn còn 1 số vấn đề tồn đọng chưa thể giải quyết dứt điểm.

Trong thời gian sắp tới, em mong nhận được sự giúp đỡ quý báu của thầy cô và bạn bè để em có thể hoàn thiện và bổ sung đồ án tốt hơn để xây dựng hoàn thiện các chức năng cụ thể như: Hoàn thiện và bổ sung thêm chức năng tìm kiếm nâng cao, thống kê theo lọc nâng cao, xuất file pdf hoặc file excel. Xây dựng cơ chế bảo mật và an toàn dữ liệu tốt hơn. Triển khai cơ chế phân quyền mới có tính linh động hơn. Tạo cơ chế ghi log để lưu trữ những ca sử dụng của các tài khoản quản trị hệ thống website. Bên cạnh đó triển khai mở rộng thêm đi thu thập ý kiến khảo sát thêm từ các doanh nghiệp lớn, vừa và nhỏ để hiểu được doanh nghiệp mong muốn gì. Phát triển và kiểm thử hệ thống trên tất cả các trình duyệt và phiên bản để đánh giá được tốc độ xử lý cũng như khả năng truy cập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. [ASP.NET MVC Pattern | .NET \(microsoft.com\)](#)
2. [ASP.NET MVC #23: Tích hợp trình soạn thảo CK Editor | Integrate CK Editor | TEDU \(youtube.com\)](#)
3. [jQuery](#)